

TỜ TRÌNH

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

*V/v Nội dung sửa đổi, bổ sung của Quy chế nội bộ về quản trị công ty
của Công ty CP Nước và Môi trường Việt Nam*

Kính gửi: Quý cổ đông Công ty CP Nước và Môi trường Việt Nam

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số: 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty CP Nước và Môi trường Việt Nam (sửa đổi, bổ sung lần thứ 10);
- Căn cứ Quy chế nội bộ về quản trị công ty (sửa đổi, bổ sung lần thứ hai),

Thực hiện theo quy định tại khoản 20 Điều 310 của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP quy định: "Công ty đại chúng có trách nhiệm xây dựng Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14, Nghị định này và các văn bản pháp luật có liên quan, trình Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp gần nhất tính từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành.", HĐQT đã thực hiện rà soát, cập nhật và sửa đổi, bổ sung lần thứ ba Quy chế nội bộ về quản trị công ty (Bảng tổng hợp nội dung sửa đổi, bổ sung được đính kèm theo Tờ trình này) phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành.

HĐQT kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 xem xét, thông qua và ủy quyền cho Hội đồng quản trị sửa đổi, bổ sung Quy chế này theo các nội dung sửa đổi, bổ sung đã được Đại hội thông qua.

Trân trọng kính trình./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Thanh Hải

**NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM**

(Kèm theo Tờ trình số 04/TTTr-VIWASE-HDQT ngày 05 tháng 04 năm 2021 của HĐQT Công ty CP Nước và Môi trường Việt Nam)

Nội dung sửa đổi, bổ sung thể hiện chữ in nghiêng đậm.

Quy chế nội bộ về QTCT (sửa đổi lần thứ hai, áp dụng từ 28/05/2020)	Nội dung sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về QTCT lần này	Diễn giải	Lý do
<p>Điều 1. Căn cứ và phạm vi điều chỉnh:</p> <p>1.1 Căn cứ:</p> <ul style="list-style-type: none"> a. Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014; b. Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29 tháng 6 năm 2006; c. Luật số 62/2010/QH12 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán số 70/2006/QH11; d. Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/6/2017 hướng dẫn và quản trị công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng; e. Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/09/2017 hướng dẫn một số điều của Nghị định số 1/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn và quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng; 	<p>Nội dung sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về QTCT lần này</p> <p>Căn cứ pháp lý:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 17/6/2020; - Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26/11/2019; - Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán; - Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/3/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng theo Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán; - Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán; - Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Nước và Môi trường Việt Nam. 	<p>Cập nhật các quy định pháp luật mới</p>	<p>Phù hợp với LDN2020, LCK2019, NĐ155/2020, TT116/2020/TT-BTC, Điều lệ công ty sửa đổi bổ sung</p>
<p>CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG</p> <p>Điều 1. Ý nghĩa và phạm vi điều chỉnh</p> <p>1. Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty cổ phần Nước và Môi trường Việt Nam (VIWASE) (“Quy chế”) là những nguyên tắc cơ bản về quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty cổ phần Nước và Môi trường Việt Nam (“Điều lệ công ty”) để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông, thiết lập những chuẩn mực về hành vi, đạo đức nghề nghiệp của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc, người điều hành doanh nghiệp, người phụ trách quản trị công ty, Thư ký công ty và cán bộ quản lý của công ty; đồng thời quy định trình tự, thủ tục ban hành các quyết định trong Công ty để giám thiêu rủi ro và những thiệt hại không cần thiết cho công ty, tăng cường hiệu quả điều hành và việc kiểm soát quản trị nội bộ công ty được công khai và minh bạch.</p> <p>Quy chế này cũng là cơ sở để đánh giá việc thực hiện quản trị công ty của Công ty cổ phần Nước và Môi trường Việt Nam.</p> <p>2. Phạm vi điều chỉnh:</p>	<p>Nội dung sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về QTCT lần này</p> <p>CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG</p> <p>Điều 1. Ý nghĩa và phạm vi điều chỉnh</p> <p>1. Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty cổ phần Nước và Môi trường Việt Nam (VIWASE) (“Quy chế”) là những nguyên tắc cơ bản về quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty cổ phần Nước và Môi trường Việt Nam (“Điều lệ công ty”) để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông, thiết lập những chuẩn mực về hành vi, đạo đức nghề nghiệp của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc, người điều hành doanh nghiệp, người phụ trách quản trị công ty, Thư ký công ty và cán bộ quản lý của công ty; đồng thời quy định trình tự, thủ tục ban hành các quyết định trong Công ty để giám thiêu rủi ro và những thiệt hại không cần thiết cho công ty, tăng cường hiệu quả điều hành và việc kiểm soát quản trị nội bộ công ty được công khai và minh bạch.</p> <p>Quy chế này cũng là cơ sở để đánh giá việc thực hiện quản trị công ty của Công ty cổ phần Nước và Môi trường Việt Nam.</p> <p>2. Phạm vi điều chỉnh:</p>	<p>Bổ sung chương</p> <p>Sửa đổi, bổ sung chi tiết phù hợp với Điều lệ mẫu theo TT116/2020</p>	<p>Phù hợp với LDN2020, LCK2019, NĐ155/2020, TT116/2020/TT-BTC, Điều lệ công ty sửa đổi bổ sung</p>

Quy chế nội bộ về QTCT (sửa đổi lần thứ hai, áp dụng từ 28/05/2020)	Nội dung sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về QTCT lần này	Diễn giải	Lý do
<p>1. Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Nước và Môi trường Việt Nam.</p> <p>1.2 Quy chế này quy định những nguyên tắc cơ bản về quan trị Công ty cổ Nước và Môi trường Việt Nam để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông, thiết lập những chuẩn mực về hành vi, đạo đức nghề nghiệp của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát và cán bộ quản lý của công ty.</p> <p>1.3 Quy chế này cũng là cơ sở để đánh giá việc thực hiện quản trị công ty của Công ty cổ phần Nước và Môi trường Việt Nam.</p>	<p>Quy chế bao gồm các vấn đề liên quan sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cổ đông và việc thực hiện quyền của cổ đông; - Thành tự, thủ tục về triệu tập và biểu quyết tại đại hội đồng cổ đông (“DHDCE”); - Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT, Kiểm soát viên (“KSV”); - Hoạt động của hội đồng quản trị (“HDQT”); trình tự, thủ tục tổ chức hợp HDQT; - Hoạt động của ban kiểm soát (“BSK”); - Thành lập và hoạt động của các tiêu ban thuộc HDQT; - Lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm và bãi nhiệm Người điều hành doanh nghiệp; - Phối hợp hoạt động giữa HDQT, BKS và tổng giám đốc (“TGD”); - Quy định về đánh giá hàng năm đối với hoạt động khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên HDQT, KSV, TGD và Người điều hành doanh nghiệp khác; - Lựa chọn, bổ nhiệm, bãi nhiệm Người phụ trách quản trị công ty; - Ngân ngừa xung đột lợi ích và giao dịch với các bên có quyền lợi liên quan đến công ty; - Đào tạo về quản trị công ty; - Công khai các lợi ích có liên quan; - Công bố thông tin và minh bạch; - Chế độ báo cáo, giám sát và xử lý vi phạm <p>3. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho các thành viên HDQT, BKS, Tổng giám đốc và những người có liên quan.</p>	<p>Bổ sung</p>	
<p>Điều 2. Giải thích thuật ngữ:</p> <p>2.1 Chữ viết tắt:</p>	<p>Điều 2. Nguyên tắc thực hiện Cổ đông, thành viên HDQT, Kiểm soát viên, TGD, Người quản lý doanh nghiệp, Người điều hành doanh nghiệp và cán bộ công nhân viên (“CBCNV”) công ty thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình theo nguyên tắc tuân thủ pháp luật, Điều lệ công ty, các quy chế, quy định nội bộ của Công ty.</p> <p>Trường hợp có sự mâu thuẫn giữa quy định của pháp luật hoặc Điều lệ công ty và Quy chế này hoặc văn bản khác của công ty, hoặc có những quy định của pháp luật có liên quan chưa được đề cập trong Quy chế này thì thực hiện theo quy định của pháp luật.</p> <p>Điều 3. Các nguyên tắc quản trị công ty Tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành và Điều lệ công ty;</p>	<p>Tách điều 2 Quy chế hiện hành thành các điều</p>	<p>Phù hợp với LDN2020, LCK2019, NĐ155/2020</p>

Quy chế nội bộ về QTCT (sửa đổi lần thứ hai, áp dụng từ 28/05/2020)	Nội dung sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về QTCT lần này	Diễn giải	Lí do
<p>“Công ty” là Công ty cổ phần Nước và Môi trường Việt Nam;</p> <p>“Điều lệ công ty” là Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Nước và Môi trường Việt Nam;</p> <p>“Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp” số: 00104972, đăng ký lần đầu ngày 28 tháng 11 năm 2006; đăng ký thay đổi lần thứ hai ngày 15 tháng 5 năm 2013; đăng ký thay đổi lần thứ ba ngày 06 tháng năm 2014; đăng ký thay đổi lần thứ tư ngày 31 tháng 7 năm 2015; đăng ký thay đổi lần thứ năm ngày 28 tháng 01 năm 2016; đăng ký thay đổi lần thứ sáu ngày 08 tháng 12 năm 2016; đăng ký thay đổi lần thứ bảy ngày 22 tháng 01 năm 2019; đăng ký thay đổi lần thứ tám ngày 30 tháng 01 năm 2019;</p> <p>“ĐHDCĐ”: Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>“HĐQT”: Hội đồng quản trị;</p> <p>“BKS”: Ban kiểm soát.</p> <p>2 Những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> • “Quản trị công ty” là hệ thống các nguyên tắc, quy định và quy trình vận hành công ty bao gồm: <ul style="list-style-type: none"> • Đảm bảo cơ cấu quản trị hợp lý; • Đảm bảo hiệu quả hoạt động của HĐQT, BKS; • Đảm bảo quyền lợi của cổ đông và những người có liên quan; • Đảm bảo đối xử công bằng giữa các cổ đông; • Công khai minh bạch mọi hoạt động của công ty. • “Công ty đại chúng” là công ty cổ phần được công bố định giá trị tài sản ròng theo quy định tại khoản 1 Điều 25 Luật chứng khoán; • “Cổ đông lớn” là cổ đông được quy định tại khoản 4 Điều 6 Luật chứng khoán; • “Người quản lý doanh nghiệp” được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật doanh nghiệp; • “Người điều hành doanh nghiệp” là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc và người điều hành khác được quy định của Điều lệ công ty; • “Thành viên HĐQT không điều hành” (sau đây 	<p>Nội dung sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về QTCT lần này</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đảm bảo cơ cấu quản trị hợp lý, hiệu quả; - Đảm bảo hiệu quả hoạt động của HĐQT, BKS; nâng cao trách nhiệm của HĐQT đối với công ty và cổ đông; - Tôn trọng và đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của các bên có quyền lợi liên quan trong quản trị công ty; - Đảm bảo công khai, minh bạch mọi hoạt động của công ty; - Bảo đảm vai trò của nhà đầu tư, thị trường chứng khoán và các tổ chức trung gian trong việc hỗ trợ hoạt động QTCT; - Đảm bảo công bố thông tin kịp thời, đầy đủ, chính xác và minh bạch; đảm bảo cổ đông được tiếp cận thông tin công bằng. 	<p>riêng dưới đây và bổ sung theo quy định pháp luật</p>	<p>và Điều lệ công ty</p>

Quy chế nội bộ về QTCT (sửa đổi lần thứ hai, áp dụng từ 28/05/2020)	Nội dung sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về QTCT lần này	Diễn giải	Lý do
<p>gọi là thành viên không điều hành) là thành viên HĐQT và những người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty;</p> <p>g. “Thành viên độc lập HĐQT” (sau đây gọi là thành viên độc lập) là thành viên được quy định tại khoản 2 Điều 151 Luật doanh nghiệp;</p> <p>h. Người có liên quan là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 17 Điều 4 Luật doanh nghiệp, khoản 34 Điều 6 Luật chứng khoán.</p> <p>2.3 Trong Quy chế này, các tham chiếu tới một hoặc một số điều khoản hoặc văn bản pháp luật sẽ bao gồm cả những sửa đổi bổ sung hoặc văn bản thay thế của văn bản đó.</p>	<p>Điều 4. Giải thích thuật ngữ</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. “Công ty” là Công ty cổ phần Nước và Môi trường Việt Nam; 2. “Điều lệ công ty” là Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Nước và Môi trường Việt Nam được DHDCTĐ thông qua; 3. “Trụ sở chính Công ty” là trụ sở tại địa chỉ số 5, phố Đường Thành, phường Cửa Đông, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội, Việt Nam; 4. “Quản trị công ty” là hệ thống các cấu trúc và quy trình để định hướng và kiểm soát công ty nhằm đảm bảo sự bền vững của công ty vì lợi ích tốt nhất của cổ đông và các bên có quyền lợi liên quan khác; 5. “Luật chứng khoán” là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26/11/2019; 6. “Luật doanh nghiệp” là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 17/6/2020; 7. “Pháp luật” có nghĩa là tất cả các Luật, Pháp lệnh, Nghị định, Thông tư, Quy định, Quyết định và các văn bản pháp luật khác được các cơ quan Nhà nước Việt Nam ban hành theo từng thời kỳ liên quan đến tổ chức và hoạt động của Công ty, bao gồm cả các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế các văn bản quy phạm pháp luật này; 8. “Công ty đại chúng” là công ty có phần được quy định tại khoản 1 Điều 32 Luật chứng khoán; 9. “Cổ đông” là cá nhân, tổ chức trong và ngoài nước đang sở hữu ít nhất một cổ phần của công ty cổ phần và được ghi tên trong Sổ đăng ký cổ đông của Công ty đối với cổ phiếu chưa lưu ký, và khi thời điểm tại 	<p>Tách khoản 2.2 điều 2 Quy chế hiện hành thành Điều 4 và bổ sung theo quy định pháp luật</p>	<p>Phù hợp với LDN2020, LCK2019, NDI55/2020 và Điều lệ công ty</p>

Quy chế nội bộ về QTCT (sửa đổi lần thứ hai, áp dụng từ 28/05/2020)	Nội dung sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về QTCT lần này	Diễn giải	Lý do
	<p>khoản lưu ký chứng khoán của cổ đông mở tại một Thành viên lưu ký chứng khoán ghi có số dư cổ phiếu mã VWS của Công ty cổ phần Nước và Môi trường Việt Nam;</p> <p>10. "Cổ đông lớn" là cổ đông cổ đông sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của một tổ chức phát hành được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật chứng khoán;</p> <p>11. "Người quản lý doanh nghiệp" bao gồm Chủ tịch HĐQT, thành viên HĐQT, Trưởng BKS, thành viên BKS, người đại diện theo pháp luật của công ty, người phụ trách quản trị công ty, TGD, Phó TGD, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý tương đương do DHDĐCD bầu hoặc HĐQT bổ nhiệm làm cán bộ quản lý công ty;</p> <p>12. "Người điều hành doanh nghiệp" là Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty;</p> <p>13. "Người nội bộ" là người giữ vị trí quan trọng trong bộ máy quản trị, điều hành của công ty bao gồm: Chủ tịch HĐQT, thành viên HĐQT, người đại diện theo pháp luật, TGD, Phó TGD Giám đốc tài chính, Kế toán trưởng các chức danh quản lý tương đương do DHDĐCD bầu hoặc HĐQT bổ nhiệm; Trưởng BKS, Kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm toán nội bộ; thư ký công ty, người phụ trách quản trị công ty, người được ủy quyền công bố thông tin;</p> <p>14. "Thành viên HĐQT không điều hành" (sau đây gọi là thành viên không điều hành) là thành viên HĐQT không phải là TGD, Phó TGD, Giám đốc điều hành và Giám đốc Tài chính; Kế toán trưởng và những người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty;</p> <p>15. "Thành viên độc lập HĐQT" (sau đây gọi là thành viên độc lập) là thành viên được quy định tại khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp;</p> <p>16. "Người có liên quan" là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 23 Điều 4 Luật doanh nghiệp, khoản 46 Điều 4 Luật chứng khoán.</p> <p>Trong Quy chế này, các tham chiếu tới một hoặc một số điều khoản hoặc văn bản pháp luật sẽ bao gồm cả những sửa đổi bổ sung hoặc văn bản thay thế các văn bản đó.</p>		
	<p>CHƯƠNG II. CỔ ĐÔNG VÀ VIỆC THỰC HIỆN QUYỀN CỦA CỔ ĐÔNG</p> <p>Điều 5. Thời điểm phát sinh quyền, nghĩa vụ của cổ đông</p> <p>Trừ khi pháp luật có quy định khác đi, thời điểm phát sinh quyền, nghĩa vụ của cổ đông là thời điểm tái khoản lưu ký chứng khoán của cổ đông mở tại một Thành viên lưu ký chứng khoán ghi có số dư cổ phiếu mã VWS của Công ty cổ phần Nước và Môi trường Việt Nam.</p> <p>Đối với cổ phiếu chưa lưu ký, thời điểm phát sinh quyền, nghĩa vụ của cổ</p>	<p>Bổ sung chương</p> <p>Bổ sung quy định rõ về quyền, nghĩa vụ của cổ đông</p>	<p>Phù hợp với LCK2019, Điều lệ công ty và các quy định pháp luật liên quan</p>

Quy chế nội bộ về QTCT (sửa đổi lần thứ hai, áp dụng từ 28/05/2020)	Nội dung sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về QTCT lần này	Diễn giải	Lý do
	<p>đồng là thời điểm tên và các thông tin về cổ đông được ghi vào Sổ đăng ký cổ đông của Công ty.</p> <p>Số đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông do VSD/Sở giao dịch chứng khoán cung cấp cho Công ty là căn cứ để xác định tư cách, quyền và nghĩa vụ của cổ đông.</p>		
	<p>Điều 6. Đối xử công bằng giữa các cổ đông</p> <p>1. Mọi cổ đông đều được đối xử công bằng, bao gồm cả cổ đông thiểu số và cổ đông là cá nhân, tổ chức nước ngoài (sau đây gọi tắt là “cổ đông nước ngoài”). Tỷ lệ sở hữu cổ phần của cổ đông nước ngoài là không hạn chế, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác. Mọi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với loại cổ phần ưu đãi phải được DHDCT thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông.</p> <p>2. Cổ đông lớn không được lợi dụng ưu thế của mình gây ảnh hưởng đến các quyền, lợi ích của Công ty, của các cổ đông khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty; có nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định của pháp luật.</p> <p>3. Cổ đông là người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ hoặc là cổ đông lớn, người có liên quan của cổ đông lớn phải thực hiện báo cáo, công bố thông tin theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và quy định tại Quy chế này.</p>	Bổ sung	Phù hợp với khoản 1 Điều 41 LCK2019 và Điều lệ công ty
	<p>Điều 7. Quyền của cổ đông</p> <p>1. Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông có các quyền được quy định tại Điều 36 của Điều lệ công ty.</p> <p>2. Cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi biểu quyết có các quyền được quy định tại Điều 37 của Điều lệ công ty.</p> <p>3. Cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi cổ tức có các quyền được quy định tại Điều 38 của Điều lệ công ty.</p> <p>4. Cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi hoàn lại có các quyền được quy định tại Điều 39 của Điều lệ công ty.</p> <p>5. Cổ đông có quyền yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của DHDCT theo quy định tại Điều 51 của Điều lệ công ty.</p> <p>6. Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần phổ thông có quyền tự mình hoặc nhân danh công ty khởi kiện trách nhiệm cá nhân, trách nhiệm liên đới đối với các thành viên HĐQT, TGD để yêu cầu hoàn trả lợi ích hoặc bồi thường thiệt hại cho Công ty hoặc người khác theo quy định tại Điều 84 của Điều lệ công ty.</p>	Bổ sung	Phù hợp với LDN2020 và Điều lệ công ty

<p>Quy chế nội bộ về QTCT (sửa đổi lần thứ hai, áp dụng từ 28/05/2020)</p>	<p>Nội dung sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về QTCT lần này</p>	<p>Diễn giải</p>	<p>Lí do</p>
	<p>Điều 8. Cổ đông yêu cầu cung cấp thông tin 1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 36 của Điều lệ công ty thực hiện xem xét, tra cứu, trích lục thông tin thì thực hiện theo trình tự sau: a) Lập yêu cầu bằng văn bản gửi đến bộ phận văn thư công ty của Phòng HCNS hoặc Thư ký công ty theo địa chỉ Trụ sở chính của Công ty hoặc liên hệ trực tiếp 02 bộ phận này để được hướng dẫn phương thức gửi đề nghị của cổ đông. Việc gửi tài liệu có thể được gửi trực tiếp, qua đường bưu điện hoặc email hoặc theo phương thức đảm bảo để đến được Công ty; b) Văn bản yêu cầu phải phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cá nhân cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra; chữ ký của cổ đông hoặc toàn bộ các cổ đông trong nhóm cổ đông có văn bản đề nghị; c) Chủ tịch HĐQT xem xét và phân công Người phụ trách quản trị công ty hoặc Thư ký công ty/Người công bố thông tin của công ty cung cấp thông tin theo yêu cầu của cổ đông/nhóm cổ đông trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày Công ty nhận được yêu cầu của cổ đông/nhóm cổ đông; Trường hợp văn bản yêu cầu cung cấp thông tin liên quan ngoài các loại thông tin được cung cấp theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, Chủ tịch HĐQT có quyền từ chối cung cấp thông tin và phải trả lời bằng văn bản cho cổ đông/nhóm cổ đông theo thời hạn nêu trên; d) Cổ đông nhóm cổ đông có quyền yêu cầu BKS làm việc với Chủ tịch HĐQT trong trường hợp không đồng ý với quyết định của Chủ tịch HĐQT về việc này; BKS phải thông báo cho cổ đông/nhóm cổ đông bằng văn bản về kết quả làm việc với Chủ tịch HĐQT đồng thời phải sao gửi thông báo đó cho HĐQT; đ) Cổ đông/nhóm cổ đông phải trả phí sao chụp tài liệu, phí mà Công ty sao chụp, gửi tài liệu cho cổ đông/nhóm cổ đông. 2. Việc kiểm tra, tra cứu, trích lục, sao chép tên và địa chỉ liên lạc của cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ; yêu cầu sửa đổi thông tin sai lệch hoặc bổ sung thông tin cần thiết về mình trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ được thực hiện theo trình tự, thủ tục sau đây: a) Cổ đông có đề nghị bằng văn bản gửi Hội đồng quản trị công ty theo địa chỉ Trụ sở chính của Công ty trong vòng 05 ngày làm việc, sau ngày gửi giấy</p>	<p>Bổ sung quy định chi tiết quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của người có liên quan</p>	<p>Phù hợp với LDN2020 và Điều lệ công ty</p>

Quy chế nội bộ về QTCT (sửa đổi lần thứ hai, áp dụng từ 28/05/2020)	Nội dung sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về QTCT lần này	Diễn giải	Lý do
	<p>mời hợp của Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>b) Văn bản đề nghị bao gồm: tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần sở hữu; thông tin mà cổ đông yêu cầu sửa đổi, bổ sung hoặc thông tin về tên và địa chỉ liên lạc của cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp (kèm theo giấy tờ pháp lý minh chứng các thông tin cần sửa đổi); ngày dự định kiểm tra, tra cứu, trích lục, sao chép; chữ ký của cổ đông</p> <p>c) Thời gian dự định kiểm tra, tra cứu, trích lục, sao chép phải trong giờ làm việc. Hạn chót thời gian dự định kiểm tra, tra cứu, trích lục, sao chép phải đến ra tối thiểu 10 ngày làm việc, trước ngày khai mạc để Hội đồng quản trị thực hiện các thủ tục có liên quan;</p> <p>d) Chủ tịch HĐQT xem xét và phân công Người phụ trách quản trị công ty hoặc Thư ký công ty/Người công bố thông tin của công ty cung cấp thông tin về tên và địa chỉ liên lạc của cổ đông. Sau khi nhận được thông tin phản hồi của cổ đông, Công ty có văn bản đề nghị VSD/CTLKBTCX xác nhận và sửa đổi thông tin của cổ đông trên hệ thống của VSD/CTLKBTCX và cập nhật trong Sổ đăng ký cổ đông, danh sách cổ đông có quyền dự họp DHDĐ trước thời điểm khai mạc.</p> <p>đ) Hội đồng quản trị có quyền từ chối cung cấp các thông tin không thuộc phạm vi quyền kiểm tra, tra cứu, trích lục, sao chép của cổ đông theo quy định tại khoản này và/hoặc cổ đông không đáp ứng các quy định về thời hạn đề nghị như quy định tại khoản này.</p>		
	<p>Điều 9. Cổ đông yêu cầu triệu tập họp DHDĐ bất thường</p> <p>Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 36 của Điều lệ công ty có quyền yêu cầu triệu tập họp DHDĐ bất thường trong các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 36 của Điều lệ công ty theo trình tự sau đây:</p> <p>1. Yêu cầu triệu tập họp DHDĐ bất thường phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp DHDĐ; chữ ký của cổ đông hoặc toàn bộ nhóm cổ đông. Kèm theo yêu cầu phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền.</p> <p>2. Trong vòng bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu của cổ</p>	<p>Bổ sung quy định chi tiết quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của người có liên quan</p>	<p>Phù hợp với LDN2020 và Điều lệ công ty</p>

Quy chế nội bộ về QTCT (sửa đổi lần thứ hai, áp dụng từ 28/05/2020)	Nội dung sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về QTCT lần này	Diễn giải	Lí do
	<p>đồng/nhóm cổ đông, HĐQT sẽ có văn bản trả lời chính thức cho cổ đông/nhóm cổ đông về yêu cầu triệu tập cuộc họp ĐHĐCĐ bất thường.</p> <p>3. Cổ đông/nhóm cổ đông có quyền yêu cầu BKS làm việc với HĐQT trong trường hợp HĐQT không đồng ý với quyết định của HĐQT về việc này. BKS phải thông báo cho cổ đông/nhóm cổ đông về kết quả làm việc với HĐQT trong vòng ba (03) ngày kể từ ngày kết thúc làm việc với HĐQT.</p> <p>4. Trường hợp HĐQT và/hoặc BKS không triệu tập họp theo quy định của Điều lệ công ty, cổ đông/nhóm cổ đông phải tự mình triệu tập cuộc họp ĐHĐCĐ bất thường thì HĐQT có trách nhiệm tiến hành các thủ tục cần thiết để cung cấp Danh sách cổ đông có quyền dự họp cho BKS hoặc cổ đông/nhóm cổ đông.</p> <p>Trong trường hợp này, Chủ tịch HĐQT, thành viên HĐQT và/hoặc BKS phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.</p> <p>5. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ phải thực hiện các công việc theo quy định tại khoản 4 Điều 43 của Điều lệ công ty. Công ty hoàn trả cho người triệu tập cuộc họp các chi phí hợp lý cho việc triệu tập, tiến hành cuộc họp quy định tại Điều này và quy định của Điều lệ công ty với điều kiện là người triệu tập cuộc họp phải xuất trình hóa đơn hợp lệ có ghi trong thông tin của Công ty là người mua hàng.</p>		
	<p>Điều 10. Cổ đông yêu cầu bổ sung chương trình họp của ĐHĐCĐ</p> <p>1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 36 của Điều lệ công ty thực hiện quyền yêu cầu bổ sung chương trình họp ĐHĐCĐ theo trình tự sau đây:</p> <p>a) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông lập yêu cầu bổ sung chương trình họp ĐHĐCĐ bằng văn bản gửi cho HĐQT. Văn bản yêu cầu phải được gửi đến bộ phận văn thư phòng HCNS hoặc Thư ký công ty theo địa chỉ Trụ sở chính của Công ty chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Văn bản yêu cầu phải ghi rõ tên cổ đông/nhóm cổ đông, số giấy tờ pháp lý của cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp; chữ ký của cổ đông hoặc toàn bộ nhóm cổ đông và các bằng chứng chứng minh cho yêu cầu của cổ đông/nhóm cổ đông;</p> <p>b) HĐQT/Người triệu tập họp ĐHĐCĐ sẽ tiếp nhận và xử lý yêu cầu trên của cổ đông/nhóm cổ đông tuân thủ quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định pháp luật có liên quan;</p> <p>c) Trường hợp HĐQT/Người triệu tập họp ĐHĐCĐ từ chối kiến nghị quy định tại điểm 1 Khoản này thì chậm nhất là 02 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. HĐQT/Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông chỉ được từ chối kiến nghị</p>	Bổ sung quy định chi tiết quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của người có liên quan	Phù hợp với LDN2020, LCK2019 và Điều lệ công ty

Quy chế nội bộ về QTCT (sửa đổi lần thứ hai, áp dụng từ 28/05/2020)	Nội dung sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về QTCT lần này	Diễn giải	Lí do
	<p>nếu thuộc môi trường các trường hợp sau đây:</p> <p>+ Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại Điểm b, Khoản 1 Điều này;</p> <p>+ Văn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của DHD/CD.</p> <p>d) Cổ đông/nhóm cổ đông có quyền yêu cầu BKS làm việc với HĐQT/Người triệu tập cuộc họp trong trường hợp yêu cầu bị từ chối không thuộc các trường hợp quy định tại điểm c Khoản này. Văn bản yêu cầu gửi BKS phải ghi rõ tên cổ đông/nhóm cổ đông, số giấy tờ pháp lý của cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, văn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp; chữ ký của cổ đông hoặc toàn bộ nhóm cổ đông và II do HĐQT/Người triệu tập cuộc họp từ chối yêu cầu và các bằng chứng chứng minh là việc từ chối đó không đúng với quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty; BKS phải thông tin lại cho cổ đông/nhóm cổ đông tối thiểu 01 ngày trước ngày khai mạc;</p> <p>đ) HĐQT/Người triệu tập họp DHD/CD phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại Điểm a, Khoản này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại Điểm c, Khoản này;</p> <p>e) Kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được DHD/CD chấp thuận khi thông qua chương trình, nội dung họp tại Đại hội.</p> <p>2. Cổ đông/nhóm cổ đông không thuộc hợp quy định tại khoản 2 Điều 36 của Điều lệ công ty cũng có thể gửi kiến nghị đến HĐQT/Người triệu tập cuộc họp để nghị bổ sung chương trình họp DHD/CD theo trình tự tại khoản 1 Điều này. Tuy nhiên, HĐQT/Người triệu tập cuộc họp DHD/CD có toàn quyền xem xét và quyết định việc bổ sung trong trường hợp này khi xét thấy các nội dung đề nghị bổ sung vào chương trình họp là không cần thiết, HĐQT/Người triệu tập họp DHD/CD không đưa vào chương trình họp đã dự kiến và không nhất thiết phải phản hồi lại bằng văn bản cho cổ đông/nhóm cổ đông.</p> <p>Điều 11. Cổ đông yêu cầu BKS kiểm tra tình văn đề cụ thể</p> <p>1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 36 của Điều lệ công ty có quyền yêu cầu BKS kiểm tra tình văn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết theo trình tự sau:</p> <p>a) Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm</p>	<p>Bổ sung quy định chi tiết quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của người có liên quan</p>	<p>Phù hợp với LDN2020, Điều lệ công ty</p>

Quy chế nội bộ về QTCT (sửa đổi lần thứ hai, áp dụng từ 28/05/2020)	Nội dung sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về QTCT lần này	Diễn giải	Lí do
	<p>đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vãn để căn kiểm tra, mục đích kiểm tra;</p> <p>b) Trường BKS xem xét và phải trả lời cho cổ đông/nhóm cổ đông bằng văn bản về việc có quyết định tiến hành kiểm tra hay không. Nếu quyết định tiến hành kiểm tra, Trường BKS phải gửi thông báo bằng văn bản cho Chủ tịch HĐQT, TGD về sự việc và phải tiến hành việc kiểm tra trong vòng mười làm (15) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu của cổ đông/nhóm cổ đông;</p> <p>c) Các thành viên HĐQT, TGD và người điều hành công ty, cán bộ quản lý khác có trách nhiệm cung cấp thông tin, tạo điều kiện để BKS kiểm tra theo đúng quy định của Điều lệ công ty và pháp luật hiện hành;</p> <p>d) Kết quả kiểm tra phải được thông báo bằng văn bản cho cổ đông/nhóm cổ đông đồng thời cho HĐQT, TGD trong vòng năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày lập biên bản kết quả kiểm tra;</p> <p>đ) BKS phải đưa tóm tắt sự việc, kết quả kiểm tra vào báo cáo của BKS tại cuộc họp ĐHCĐ thường niên.</p> <p>2. Cổ đông/nhóm cổ đông không thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 36 của Điều lệ công ty cũng có thể gửi kiến nghị, khiếu nại, tố cáo đến BKS về các vấn đề liên quan đến tổ chức, hoạt động của Công ty, hành vi vi phạm quy định của pháp luật và Điều lệ công ty của thành viên HĐQT, TGD, người quản trị công ty, người điều hành khác. BKS xem xét và trả lời cho cổ đông/nhóm cổ đông trong thời hạn mười làm (15) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu bằng văn bản, trong trường hợp cần có thời gian kiểm tra, xác minh sự việc thì cũng phải thông báo cho cổ đông/nhóm cổ đông được biết.</p> <p>3. Trường hợp kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của cổ đông/nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều này không đúng sự thực, vu khống, bịa đặt, gây ảnh hưởng và thiệt hại cho Công ty thì Trường BKS, thành viên BKS và cổ đông/nhóm cổ đông đó chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và phải bồi thường toàn bộ những tổn thất gây ra cho Công ty.</p> <p>Điều 12. Cổ đông để nghị làm việc trực tiếp với HĐQT, BKS, TGD</p> <p>1. Cổ đông muốn làm việc trực tiếp với HĐQT, BKS, TGD để trao đổi, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo hay bất kỳ nội dung nào liên quan đến tổ chức, hoạt động của Công ty, trừ những thông tin bí mật theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, phải đăng ký với Người phụ trách quản trị công ty hoặc Thư ký công ty. Người phụ trách quản trị công ty hoặc Thư ký công ty có trách nhiệm thông báo cho Chủ tịch HĐQT, Trường BKS hoặc TGD để sắp xếp</p>	<p>Bổ sung quy định chi tiết quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của người có liên quan</p>	<p>Phù hợp với LDN2020, Điều lệ công ty</p>

Quy chế nội bộ về QTCT (sửa đổi lần thứ hai, áp dụng từ 28/05/2020)	Nội dung sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về QTCT lần này	Diễn giải	Lý do
	<p>lịch làm việc phù hợp. Căn cứ lịch làm việc, mức độ cần thiết, cấp bậc của nội dung được yêu cầu, Chủ tịch HĐQT, Trưởng BKS hoặc TGD quyết định làm việc với cổ đông và trực tiếp hoặc cử người có thẩm quyền tham dự buổi làm việc. Người phụ trách quản trị công ty hoặc Thư ký công ty thông báo cho cổ đông lịch làm việc và chuẩn bị tài liệu cho buổi làm việc (nếu có).</p> <p>2. Người phụ trách quản trị công ty hoặc Thư ký công ty có trách nhiệm lập biên bản làm việc và lưu vào hồ sơ công ty.</p> <p>3. Căn cứ tình hình Công ty và yêu cầu của các cổ đông, HĐQT quyết định việc tổ chức và cách thức gặp gỡ, trao đổi với các cổ đông của Công ty.</p>		
	<p>Điều 13. Cổ đông yêu cầu tham dự cuộc họp DHD/CĐ khi cổ đông mua cổ phần của công ty sau ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền tham dự DHD/CĐ nhưng trước ngày khai mạc cuộc họp DHD/CĐ</p> <p>1. Trong trường hợp cổ đông mua cổ phần của Công ty sau ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền tham dự DHD/CĐ nhưng trước ngày khai mạc cuộc họp DHD/CĐ, cổ đông có quyền yêu cầu HĐQT được tham dự cuộc họp DHD/CĐ nhưng không có quyền biểu quyết. Trình tự, thủ tục cần thực hiện như sau đây:</p> <p>a) Cổ đông yêu cầu Thành viên lưu ký nơi cổ đông mở tài khoản lưu ký cung cấp cho cổ đông bằng sao kê giao dịch chứng khoán tại thời điểm cổ đông mua cổ phần của Công ty (sau ngày đăng ký cuối cùng nhưng trước ngày khai mạc cuộc họp DHD/CĐ);</p> <p>b) Cổ đông gửi yêu cầu tham dự cuộc họp bằng văn bản cùng bằng sao kê giao dịch chứng khoán đến bộ phận văn thư phòng HCNS hoặc Thư ký công ty theo địa chỉ Trụ sở chính của Công ty chậm nhất là ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp DHD/CĐ;</p> <p>c) Trường hợp HĐQT không chấp thuận yêu cầu tham dự DHD/CĐ của cổ đông thì HĐQT phải trả lời bằng văn bản cho cổ đông biết lý do không chấp thuận trước ngày dự kiến tổ chức DHD/CĐ.</p> <p>2. Trường hợp cổ đông vẫn mong muốn tham dự DHD/CĐ mặc dù yêu cầu bị từ chối theo quy định tại điểm c Khoản 1 Điều này, thì cổ đông có thể đề nghị cổ đông (người bán cổ phần cho mình) ủy quyền đại diện tham dự DHD/CĐ cho cổ đông đó tham dự cuộc họp. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của Điều lệ công ty và phải trình cho Ban tổ chức Đại hội khi làm thủ tục đăng ký dự họp. Người đại diện theo ủy quyền của cổ đông có các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Điều lệ công ty.</p>	<p>Bổ sung quy định chi tiết để đảm bảo quyền, nghĩa vụ của cổ đông thực hiện quyền tham dự DHD/CĐ</p>	<p>Phù hợp với LCK2019, Điều lệ công ty</p>
	<p>Điều 14. Cung cấp thông tin cho cổ đông</p> <p>1. Thông tin của Công ty được cung cấp cho cổ đông qua các kênh sau đây: - Trang thông tin điện tử chính thức của Công ty: http://www.vivanse.vn</p>	<p>Bổ sung quy định chi tiết về kênh cung cấp thông tin</p>	<p>Phù hợp với quy định pháp luật về công bố thông tin</p>

Quy chế nội bộ về QTCT (sửa đổi lần thứ hai, áp dụng từ 28/05/2020)	Nội dung sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về QTCT lần này	Diễn giải	Lý do
<p>đồng đăng ký tham dự họp Đại hội theo mẫu Giấy đăng ký tham dự họp Đại hội gửi kèm theo Thông báo mời họp gửi tới cổ đông hoặc truy cập vào website Công ty theo địa chỉ nêu trong Thông báo mời họp.</p> <p>b. Cổ đông hoặc người đại diện ủy quyền của cổ đông mang theo chứng minh thư nhân dân, giấy ủy quyền bản gốc (nếu được ủy quyền) để đăng ký với Ban kiểm tra tư cách cổ đông trước khi vào dự họp.</p> <p>c. Vào ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông, Công ty vẫn thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông và thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.</p> <p>d. Cổ đông hoặc người đại diện được ủy quyền đến dự Đại hội đồng cổ đông muốn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước khi cổ đông đến muộn tham dự không bị ảnh hưởng.</p> <p>3.4 Cách thức bỏ phiếu:</p> <p>a. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một phiếu biểu quyết, trên đó ghi họ và tên của cổ đông hoặc họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông trực tiếp bỏ phiếu biểu quyết vào thùng phiếu. Tổng số phiếu tán thành, phản đối, bỏ phiếu trắng hoặc không hợp lệ theo từng vấn đề được Ban Kiểm phiếu thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do HĐQT quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.</p> <p>b. Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi</p>	<p><i>các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội;</i></p> <p><i>- Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp, phiếu biểu quyết.</i></p> <p><i>3. Việc gửi tài liệu họp kèm theo thông báo mời họp quy định tại Khoản 2 Điều này có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty nêu tại Điều 14 của Quy chế này. Trong trường hợp này, thông báo mời họp phải ghi nêu rõ địa chỉ trang thông tin điện tử, cách thức tải tài liệu.</i></p> <p><i>4. Phương thức gửi Thông báo mời họp: theo phương thức để bưu phẩm đến được cổ đông như qua đường bưu điện, chuyển phát nhanh, fax, thư điện tử theo địa chỉ liên lạc đã đăng ký của cổ đông hoặc phương tiện khác do Công ty quy định, đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của UBCKNN/SGDCK, trên trang thông tin điện tử của công ty. Trường hợp xét thấy cần thiết, Công ty có thể đăng thông tin trên 01 tờ báo Trung ương hoặc 01 tờ báo địa phương nơi có trụ sở chính của Công ty.</i></p> <p><i>Người các hình thức bất bước nêu trên, Công ty đồng thời có thể thông báo cho cổ đông qua email và tin nhắn hoặc gọi điện thoại để hỗ trợ cổ đông cập nhật thông tin về Đại hội.</i></p> <p>Điều 17. Cách thức đăng ký tham dự HĐQT:</p> <p><i>1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp, ủy quyền bằng văn bản cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại Khoản 7 Điều 47 của Điều lệ công ty. Người được ủy quyền được biểu quyết, bầu cử tại HĐQT nhưng không được để cử, ứng cử tại HĐQT với tư cách cá nhân. Người được ủy quyền không nhất thiết phải là cổ đông Công ty.</i></p> <p><i>2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự hoặc theo mẫu giấy ủy quyền của Công ty gửi kèm theo thông báo mời họp và phải nêu rõ tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền và số lượng cổ phần được ủy quyền.</i></p> <p><i>Cổ đông cá nhân chỉ được ủy quyền cho một (01) người tham dự cuộc họp và không được ủy quyền tại cho người thứ ba.</i></p> <p><i>Trong trường hợp bên ủy quyền là pháp nhân thì văn bản ủy quyền phải được thủ trưởng hoặc đại diện hợp pháp của pháp nhân đó ký đóng dấu theo quy định của pháp luật. Người được ủy quyền của cổ đông là pháp nhân không được ủy quyền lại cho người thứ ba.</i></p> <p><i>Việc ủy quyền chỉ được thực hiện cho từng lần đại hội và người ủy quyền có</i></p>		

Lý do	Diễn giải	Nội dung sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về QTCT lần này
		<p>Quy chế nội bộ về QTCT (sửa đổi lần thứ hai, áp dụng từ 28/05/2020)</p> <p>đồng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những đi được đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.</p> <p>5 Cách thức kiểm phiếu: Ban Kiểm phiếu thực hiện kiểm phiếu theo quy định như sau:</p> <p>Ban Kiểm phiếu làm việc trong 01 phòng làm việc/ khu vực riêng;</p> <p>Ban Kiểm phiếu có thể sử dụng các phương tiện thiết bị như máy tính và chuyên viên kỹ thuật hỗ trợ trong việc kiểm phiếu;</p> <p>Kiểm tra tính hợp lệ của các phiếu biểu quyết; Kiểm tra lần lượt từng phiếu biểu quyết và ghi kết quả kiểm phiếu;</p> <p>Tổng hợp kết quả biểu quyết và lập thành Biên ban Kiểm phiếu;</p> <p>Nhiệm phong toàn bộ các phiếu biểu quyết và bàn báo lại cho Chủ tọa.</p> <p>6 Thông báo kết quả kiểm phiếu: Ban Kiểm phiếu phải được công bố trước Đại hội, bao gồm các nội dung: Thành phần Ban Kiểm phiếu; thời gian, địa điểm tiến hành kiểm phiếu, danh sách đề cử; tổng số cổ đông tham gia bỏ phiếu; Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết có mặt tại Đại hội; Tổng số phiếu phát ra; tổng số phiếu thu được; Tổng số phiếu không hợp lệ; Tổng số phiếu hợp lệ; Tổng số phiếu đồng ý hoặc không đồng ý hoặc không đồng ý kiến và tỷ lệ biểu quyết cho tương ứng tại từng nội dung biểu quyết; Số cổ phần biểu quyết đồng ý; chữ ký của thành viên Ban Kiểm phiếu.</p> <p>7 Cách thức phản đối quyết định của Đại hội đồng cổ đông: Cổ đông biểu quyết phản đối nghị quyết về việc chức lại công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ công ty có quyền yêu cầu công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải đồng ý bán, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ</p>
		<p>Nội dung sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về QTCT lần này</p> <p>thể thu hồi sự ủy quyền bằng văn bản gửi để bảo đảm đến được HĐQT muộn nhất một (01) ngày trước ngày khai mạc ĐHĐCD.</p> <p>3. Cổ đông có trách nhiệm đăng ký tham dự theo cách thức đã ghi trong Thông báo mời họp ĐHĐCD.</p> <p>a) Trong trường hợp trực tiếp tham dự họp ĐHĐCD, cổ đông xác nhận tham dự bằng cách gửi Giấy xác nhận tham dự ĐHĐCD (theo mẫu gửi kèm theo Thông báo mời họp ĐHĐCD) đến trụ sở chính Công ty qua đường bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác do Công ty quy định; hoặc bằng cách gọi điện thoại trực tiếp đến cho Ban tổ chức ĐHĐCD theo số điện thoại ghi trong Thông báo mời họp.</p> <p>b) Trong trường hợp ủy quyền tham dự họp ĐHĐCD, cổ đông có thể gửi trước văn bản ủy quyền (bản photo) được lập theo quy định của pháp luật về dân sự hoặc Giấy ủy quyền tham dự ĐHĐCD (mẫu giấy ủy quyền của Công ty gửi kèm theo Thông báo mời họp) đến trụ sở chính Công ty qua đường bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác do Công ty quy định; hoặc cá nhân, tổ chức được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải xuất trình văn bản ủy quyền (bản gốc) khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.</p> <p>c) Cổ đông hoặc người đại diện ủy quyền của cổ đông mang theo chứng minh thư nhân dân/thẻ căn cước công dân hoặc hộ chiếu hoặc giấy tờ pháp lý của cá nhân khác và giấy ủy quyền bản gốc (nếu được ủy quyền) để đăng ký với Ban kiểm tra và cách cổ đông trước khi vào dự họp. Trường hợp cổ đông là tổ chức, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông mang theo bản sao giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, giấy ủy quyền (bản gốc) và chứng minh thư nhân dân/thẻ căn cước công dân hoặc hộ chiếu hoặc giấy tờ pháp lý khác của người được ủy quyền.</p> <p>d) Vào ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông, Công ty vẫn thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông và thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.</p> <p>Cổ đông hoặc người đại diện được ủy quyền đến dự Đại hội đồng cổ đông muốn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước khi cổ đông đến muốn tham dự không bị ảnh hưởng.</p> <p>đ) Cổ đông được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCD theo quy định tại Điều này của Quy chế và theo quy định tại khoản 7 Điều 47 của Điều lệ công ty.</p> <p>Điều 18. Cách thức biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCD</p>

Quy chế nội bộ về QTCT (sửa đổi lần thứ hai, áp dụng từ 28/05/2020)	Nội dung sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về QTCT lần này	Diễn giải	Lí do
<p>đồng, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến công ty trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày DHCĐ thông qua nghị quyết về các vấn đề dự định tại khoản này.</p> <p>b. Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại điểm a, khoản 3.7 Điều này với giá thị trường hoặc giá được tính theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp định giá. Công ty giới thiệu ít nhất 03 tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.</p> <p>3.8 Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông: Biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập bằng tiếng Việt và phải có các nội dung chủ yếu sau:</p> <p>a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh;</p> <p>b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>c. Chương trình và nội dung cuộc họp;</p> <p>d. Chủ tọa và thư ký;</p> <p>e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;</p> <p>f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;</p> <p>g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;</p> <p>h. Các quyết định được thông qua;</p> <p>i. Họ, tên, chữ ký của chủ tọa và thư ký.</p> <p>Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong</p>	<p>1. Cổ đông thực hiện việc biểu quyết theo quy định của Điều lệ công ty, Quy chế tổ chức DHCĐ.</p> <p>2. Các hình thức biểu quyết tại DHCĐ như sau đây:</p> <p>a) Biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp theo hình thức bỏ phiếu kín;</p> <p>b) Biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến theo hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác. Trong trường hợp này, thông báo mời họp phải nêu rõ hình thức họp, phương tiện biểu quyết và các nội dung liên quan khác;</p> <p>c) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử. Trong trường hợp này, thông báo mời họp phải nêu rõ phương tiện để biểu quyết và các nội dung liên quan khác.</p> <p>d) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác nếu Điều lệ công ty có quy định.</p> <p>3. Biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp theo hình thức bỏ phiếu kín (bỏ phiếu truyền thống): Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một phiếu biểu quyết có đóng dấu treo của Công ty, trên đó ghi họ và tên của cổ đông hoặc họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông trực tiếp bỏ phiếu biểu quyết vào thùng phiếu theo trình tự nội dung các vấn đề biểu quyết theo sự điều khiển của Chủ tọa Đại hội hoặc Trưởng Ban kiểm phiếu Đại hội.</p> <p>Tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tổng số phiếu tán thành, không tán thành, không có ý kiến theo từng vấn đề được Ban Kiểm phiếu công bố trong biên bản kiểm phiếu trình bày trước Đại hội. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do DHCĐ quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.</p> <p>a) Đối với các vấn đề chung (như thông qua chương trình nghị sự, quy chế tổ chức đại hội, bầu chủ tọa đại hội, thư ký đại hội, ban kiểm phiếu đại hội), cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp biểu quyết bằng cách giơ tay theo sự điều khiển của Chủ tọa lần lượt biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến, lựa chọn theo đa số tán thành để công bố kết quả biểu quyết trước Đại hội;</p> <p>b) Đối với các nội dung chính: Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp biểu quyết bằng Phiếu biểu quyết về việc lựa chọn phương án tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng nội dung cần biểu quyết. Ban kiểm phiếu sẽ thu lại Phiếu biểu quyết và kiểm số phiếu phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến để công bố kết quả biểu quyết trước Đại hội.</p>		

Quy chế nội bộ về QTCT (sửa đổi lần thứ hai, áp dụng từ 28/05/2020)	Nội dung sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về QTCT lần này	Diễn giải	Lý do
<p>đồng;</p> <ul style="list-style-type: none"> + Các vấn đề lấy ý kiến đề thông qua quyết định; + Phương án biên quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến; + Thời hạn phải gửi về công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời; + Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của công ty. d. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người được ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. <p>Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu. Các ý kiến phải được gửi về Công ty theo thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở đều không hợp lệ.</p> <p>e. HĐQT kiểm phiếu và lập biên bản về kết quả kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của Công ty; + Mục đích và các vấn đề lấy ý kiến đề thông qua quyết định; + Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách các cổ đông tham gia biểu quyết; + Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề; + Các quyết định được thông qua; + Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty và của người giám sát kiểm phiếu. <p>Các thành viên Hội đồng quản trị và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính</p>	<p>thời điểm khai mạc hoặc trao cho Ban kiểm phiếu thực hiện kiểm phiếu tại đợt Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ban kiểm phiếu được DHDCTD thông qua tại Đại hội hoặc Ban kiểm phiếu được HĐQT đề cử tại đợt Lấy ý kiến bằng văn bản là người có thẩm quyền mở kết quả bỏ phiếu điện tử để tổng hợp kết quả bỏ phiếu. - Các cổ đông đã thực hiện việc bỏ phiếu điện tử hợp lệ nhưng vẫn đến tham dự DHDCTD và thực hiện bỏ phiếu truyền thống thì kết quả bỏ phiếu điện tử của cổ đông đó sẽ bị loại bỏ. - Kết quả bỏ phiếu điện tử tại thời điểm tổng hợp kết quả bỏ phiếu được tính toán dựa trên kết quả bỏ phiếu điện tử do VSD/TCTLKBTCK hoặc đơn vị có chức năng thực hiện việc bỏ phiếu điện tử cung cấp trừ đi các trường hợp đã bỏ phiếu điện tử nhưng lại thực hiện bỏ phiếu truyền thống. - Trường hợp tại cuộc họp DHDCTD, các cổ đông tham gia họp trực tiếp đồng ý sửa đổi, bổ sung nội dung biểu quyết khác với các nội dung biểu quyết mà Công ty đã thông báo trước đây thì số phiếu của các cổ đông đã tham gia bỏ phiếu điện tử cho các vấn đề bị thay đổi sẽ được coi là phiếu không có ý kiến. <p>đ) Quyền và nghĩa vụ của cổ đông khi tham gia bỏ phiếu điện tử:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Được biểu quyết tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của DHDCTD theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty theo hình thức bỏ phiếu điện tử. - Vẫn có thể trực tiếp dự họp và tham gia biểu quyết tại DHDCTD hoặc ủy quyền cho người khác tham dự họp và tham gia biểu quyết tại Đại hội ngay cả khi đã thực hiện bỏ phiếu điện tử. Trong trường hợp này kết quả bỏ phiếu điện tử của cổ đông sẽ bị hủy bỏ. - Cổ đông phải đăng ký thông tin số điện thoại, địa chỉ liên lạc và/hoặc địa chỉ thư điện tử chính xác để bảo đảm nhận được thư thông báo tài khoản bỏ phiếu điện tử và chịu hoàn toàn trách nhiệm đối với các thông tin đã đăng ký này. - Được sử dụng tài khoản truy cập do VSD/TCTLKBTCK hoặc đơn vị có chức năng thực hiện việc bỏ phiếu điện tử cấp để đăng nhập vào hệ thống V-Vote và thực hiện bỏ phiếu điện tử cho tất cả các đợt biểu quyết của Công ty mà cổ đông được quyền bỏ phiếu. - Trường hợp cổ đông nước ngoài ủy quyền bỏ phiếu điện tử cho tổ chức đại diện, cổ đông và tổ chức đại diện chịu trách nhiệm đối với việc ủy quyền và kết quả bỏ phiếu điện tử theo tài khoản truy cập đã được cấp. Trường hợp cổ đông là pháp nhân, người đại diện theo pháp luật của cổ đông là người chịu trách nhiệm đối với các quy định nêu tại điểm đ khoản 4 Điều này. - Cổ đông phải có trách nhiệm bảo mật các tên truy cập, mật khẩu và các yếu tố định danh khác do VSD/TCTLKBTCK hoặc đơn vị có chức năng thực 		

Lý do	Diễn giải	Nội dung sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về QTCT lần này
<p>Quy chế nội bộ về QTCT (sửa đổi lần thứ hai, áp dụng từ 28/05/2020)</p> <p>Thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên hệ chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không đúng thực, không chính xác.</p> <p>Biên bản kết quả kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi Biên bản có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty.</p> <p>Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.</p> <p>Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến có đóng băng văn bản có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày quyết định được thông qua. Việc từ chối quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến có đóng băng văn bản có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty.</p>	<p>hiện việc bỏ phiếu điện tử cấp để bảo đảm rằng chỉ cổ đông mới có quyền thực hiện việc bỏ phiếu trên hệ thống V-Vote của VSD/TCTLKBTCK hoặc đơn vị có chức năng thực hiện việc bỏ phiếu điện tử. Mọi kết quả giao dịch bỏ phiếu của cổ đông do VSD/TCTLKBTCK hoặc đơn vị có chức năng thực hiện việc bỏ phiếu điện tử cung cấp chính thức sẽ được mặc nhiên coi là ý chí của cổ đông. Công ty không chịu trách nhiệm về mọi tranh chấp (nếu có) giữa cổ đông và VSD/TCTLKBTCK hoặc đơn vị có chức năng thực hiện việc bỏ phiếu điện tử liên quan đến việc xác thực lại việc bỏ phiếu điện tử qua tài khoản truy cập của cổ đông. Cổ đông chịu mọi trách nhiệm trước pháp luật, trước Công ty về kết quả giao dịch bỏ phiếu điện tử đã được thực hiện qua tài khoản truy cập của cổ đông đăng trên hệ thống V-Vote.</p> <p>5. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử:</p> <p>a) Công ty có thể triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường hoặc đợt Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết ĐHĐCĐ.</p> <p>b) Thâm quyền và thể thức thực hiện quy định tại Khoản 1, Khoản 2 và Khoản 3 Điều 50 của Điều lệ công ty.</p> <p>c) Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:</p> <p>- Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;</p> <p>- Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về công ty phải được gửi bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;</p> <p>- Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ.</p> <p>d) Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến, giám sát của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý công ty. Cách thức kiểm phiếu, thông báo kết quả kiểm phiếu thực hiện theo quy định tại Điều 19, Điều 20 của Quy chế này.</p> <p>6. Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác:</p> <p>Trường hợp ĐHĐCĐ thường niên/bất thường hoặc đợt Lấy ý kiến bằng văn bản có áp dụng phương thức biểu quyết bằng phương tiện khác (ngoại phương thức bỏ phiếu truyền thông, V-Vote hoặc gửi thư, fax hoặc thư điện tử), HĐQT phải có hướng dẫn cụ thể về phương thức bỏ phiếu thực hiện biểu quyết, cách thức kiểm phiếu và phải gửi kèm theo Thông báo mời họp hoặc thông báo lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.</p>	<p>Lý do</p>

(sửa đổi lần thứ hai, áp dụng từ 28/05/2020)	Quy chế nội bộ về QTCT	Nội dung sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về QTCT lần này	Diễn giải	Lí do
	<p>Điều 19. Cách thức kiểm phiếu</p> <p>Ban Kiểm phiếu thực hiện kiểm phiếu theo quy định như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ban Kiểm phiếu làm việc trong 01 phòng làm việc/Khu vực riêng; - Ban Kiểm phiếu có thể sử dụng các phương tiện kỹ thuật điện tử và chuyên viên kỹ thuật hỗ trợ trong việc kiểm phiếu; - Kiểm tra tính hợp lệ của các phiếu biểu quyết; - Kiểm tra lần lượt từng phiếu biểu quyết và ghi kết quả kiểm phiếu; - Tổng hợp kết quả biểu quyết và lập thành Biên bản Kiểm phiếu; - Niêm phong toàn bộ các phiếu biểu quyết và bàn giao lại cho Chủ tọa. 	<p>Tách khoản 3.5 Điều 3</p> <p>Quy chế hiện hành thành 1 điều riêng.</p> <p>Các nội dung khác không thay đổi</p>		
	<p>Điều 20. Thông báo kết quả kiểm phiếu</p> <p>Toàn văn Biên bản Kiểm phiếu phải được công bố trước Đại hội, bao gồm các nội dung:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thành phần Ban Kiểm phiếu; - Thời gian, địa điểm tiến hành kiểm phiếu; - Danh sách đề cử, <i>ứng cử (trường hợp bầu thành viên HĐQT, Kiểm soát viên)</i>; - Tổng số cổ đông tham gia bỏ phiếu; - Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết có mặt tại Đại hội; - Tổng số phiếu phát ra; tổng số phiếu thu về; Tổng số phiếu không hợp lệ; Tổng số phiếu hợp lệ; - Tổng số phiếu đồng ý hoặc không đồng ý hoặc không có ý kiến và tỷ lệ biểu quyết cho tương ứng với từng nội dung biểu quyết; - Số cổ phần biểu quyết cho từng ứng viên vào HĐQT và BKS, Danh sách trúng cử; - Chữ ký của thành viên Ban Kiểm phiếu. <p><i>Kết quả biểu quyết được công bố ngay tại cuộc họp DHCĐ sau khi hoàn thành việc kiểm phiếu; trường hợp việc kiểm phiếu kéo dài sang ngày hôm sau thì Chủ tọa Đại hội có trách nhiệm thông báo cho cổ đông dự họp kết quả kiểm phiếu trên trang thông tin điện tử của công ty.</i></p>	<p>Tách khoản 3.6 Điều 3</p> <p>Quy chế hiện hành thành 1 điều riêng và bổ sung quy định</p>	<p>Phù hợp với Điều lệ công ty</p>	
	<p>Điều 21. Cách thức phân đối, yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của DHCĐ</p> <p>1. Cổ đông có quyền phân đối Nghị quyết của DHCĐ bằng cách yêu cầu Thư ký đại hội ghi ý kiến phân đối vào Biên bản cuộc họp nếu Nghị quyết được công bố ngay tại cuộc họp, hoặc gửi văn bản đến HĐQT nếu Nghị quyết được công bố sau cuộc họp.</p> <p>2. Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp DHCĐ hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến DHCĐ, cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 36 của Điều lệ công ty có quyền yêu</p>	<p>Tách khoản 3.7 Điều 3</p> <p>Quy chế hiện hành thành 1 điều riêng và bổ sung quy định</p>	<p>Phù hợp với Điều lệ công ty</p>	

Quy chế nội bộ về QTCT (sửa đổi lần thứ hai, áp dụng từ 28/05/2020)	Nội dung sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về QTCT lần này	Diễn giải	Lí do
	<p>câu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a) Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của ĐHDCCD vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 52 của Điều lệ công ty;</p> <p>b) Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ công ty.</p> <p>3. Mọi chi phí liên quan đến thủ tục yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của ĐHDCCD sẽ do cổ đông/nhóm cổ đông yêu cầu hủy bỏ chi trả.</p> <p>4. Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 51 của Điều lệ công ty, nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi quyết định hủy bỏ nghị quyết đó của Tòa án, Trọng tài có hiệu lực, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.</p> <p>Điều 22. Lập biên bản họp ĐHDCCD</p> <p>1. Việc lập Biên bản họp ĐHDCCD thực hiện theo quy định tại Điều 49 của Điều lệ công ty. Biên bản họp ĐHDCCD phải làm xong và thông qua Đại hội trước khi bế mạc cuộc họp.</p> <p>2. Thư ký đại hội phải đọc dự thảo biên bản tại Đại hội để các cổ đông dự họp kiểm tra nội dung trước khi trình Chủ tọa ký.</p> <p>3. Biên bản cuộc họp ĐHDCCD phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài. Chủ tọa Đại hội quyết định việc lập thêm biên bản bằng tiếng nước ngoài thông dụng trong trường hợp cần thiết. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và biên bản bằng tiếng nước ngoài thì phải hiểu theo nội dung của biên bản bằng tiếng Việt.</p> <p>4. Biên bản cuộc họp ĐHDCCD được công bố thông tin theo quy định của pháp luật về chứng khoán và Điều lệ công ty.</p> <p>5. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.</p>	<p>Tách khoản 3.8 Điều 3 Quy chế hiện hành thành 1 điều riêng và bổ sung quy định</p>	<p>Phù hợp với Điều lệ công ty</p>
	<p>Điều 23. Công bố Nghị quyết ĐHDCCD</p> <p>Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được công bố thông tin theo quy định của pháp luật về chứng khoán và Điều lệ công ty.</p>	<p>Sửa đổi câu chữ cho rõ nghĩa</p>	
	<p>Điều 24. Việc ĐHDCCD thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản:</p> <p>1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của ĐHDCCD bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 48 của Điều lệ công ty.</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung quy định chi tiết</p>	<p>Phù hợp với LDN2020 và Điều lệ công ty</p>

Quy chế nội bộ về QTCT (sửa đổi lần thứ hai, áp dụng từ 28/05/2020)	Nội dung sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về QTCT lần này	Diễn giải	Lí do
	<p>2. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như Nghị quyết được thông qua tại cuộc họp ĐHĐCĐ.</p> <p>3. Việc họp ĐHĐCĐ thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.</p> <p>4. Việc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản tuân theo quy định tại Điều 50 của Điều lệ công ty và thực hiện theo quy định sau:</p> <p>a) Việc lập danh sách cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến thực hiện tương tự theo quy định tại Điều 15 của Quy chế này.</p> <p>b) Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất là 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo thực hiện theo quy định tại điểm 2 khoản 2 Điều 46 của Điều lệ công ty, đồng thời đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty.</p> <p>c) Trường hợp việc gửi phiếu lấy ý kiến thực hiện bằng hình thức thư điện tử, Công ty phải lập một hộp thư điện tử (email) riêng để nhận Phiếu lấy ý kiến đã trả lời của cổ đông. Email này chỉ được truy cập và kiểm tra tại thời điểm kiểm phiếu.</p> <p>d) Cổ đông thực hiện biểu quyết và gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời về Công ty theo hướng dẫn trong Phiếu lấy ý kiến và Điều lệ công ty.</p> <p>đ) Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo uỷ quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty phải được đóng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu. Trường hợp gửi fax, phiếu lấy ý kiến gửi về công ty phải được gửi bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.</p> <p>e) Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định là các Phiếu lấy ý kiến không hợp lệ khi xảy ra một hoặc toàn bộ các sự kiện sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời gian Công ty kỳ nhận thư từ đơn vị chuyển thư theo hình thức gửi thư sau thời hạn quy định; - Đã bị mở trước thời điểm kiểm phiếu trong trường hợp gửi thư; - Thời gian do máy fax ghi nhận trên Phiếu lấy ý kiến theo hình thức gửi fax sau thời hạn quy định; - Bị tiết lộ trước thời điểm kiểm phiếu trong trường hợp gửi fax; - Thời gian do hệ thống email ghi nhận theo hình thức gửi thư điện tử sau thời hạn quy định; - Email của cổ đông gửi kèm phiếu lấy ý kiến đã bị truy cập trước thời điểm kiểm phiếu. <p>5. HĐQT tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản về kết quả kiểm phiếu trong vòng</p>		

Quy chế nội bộ về QTCT (sửa đổi lần thứ hai, áp dụng từ 28/05/2020)	Nội dung sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về QTCT lần này	Diễn giải	Lí do
	<p><i>ba (03) ngày làm việc kể từ ngày hết hạn nhận Phiếu lấy ý kiến, dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý công ty. Biên bản kiểm phiếu được lập theo quy định tại khoản 5 Điều 50 của Điều lệ công ty.</i></p> <p>6. Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.</p> <p>7. Biên bản kết quả kiểm phiếu, <i>toàn văn Nghị quyết</i> phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn mười làm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi Biên bản, <i>Nghị quyết</i> có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty.</p> <p>8. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung quy định chi tiết</p>	<p>Phù hợp với LDN2020 và Điều lệ công ty</p>
	<p>Điều 25. Hiệu lực của Nghị quyết ĐHCĐ</p> <p>1. <i>Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ thời điểm có hiệu lực ghi tại nghị quyết đó.</i></p> <p>2. <i>Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.</i></p> <p>3. <i>Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 51 của Điều lệ công ty, nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi quyết định hủy bỏ nghị quyết đó của Tòa án, Trọng tài có hiệu lực, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.</i></p>	<p>Bổ sung chương</p> <p>Sửa đổi, bổ sung và tách điều 4 trong Quy chế hiện nay thành các điều riêng với nội dung cụ thể hơn, phù hợp với các quy định pháp luật mới và điều lệ công ty sửa đổi</p>	<p>Phù hợp với LDN2020, LCK2019, ND155/2020 và Điều lệ công ty</p>
	<p>CHƯƠNG IV. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</p> <p>Điều 26. Tiêu chuẩn, điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị: Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau:</p> <p>a. <i>Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật doanh nghiệp;</i></p> <p>b. <i>Có đủ năng lực hành vi dân sự;</i></p> <p>c. <i>Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong ngành, nghề kinh doanh chủ yếu của công ty.</i></p> <p>d. <i>Thành viên của Hội đồng quản trị có thể kiêm nhiệm các chức vụ điều hành trực tiếp sản xuất của Công ty.</i></p> <p>e. <i>Có sức khỏe, có phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết, có hiểu biết pháp luật.</i></p>		
<p>Điều 4. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên HĐQT:</p> <p>1. Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị:</p> <p>Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau:</p> <p>a. <i>Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật doanh nghiệp.</i></p> <p>b. <i>Là đại diện sở hữu ít nhất 5% tổng số cổ phần có thông hoặc người khác có trình độ chuyên môn</i></p>			

Quy chế nội bộ về QTCT (sửa đổi lần thứ hai, áp dụng từ 28/05/2020)	Nội dung sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về QTCT lần này	Diễn giải	Lý do
<p>hoặc kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh hoặc trong ngành, nghề kinh doanh chủ yếu của công ty.</p> <p>c. Thành viên của Hội đồng quản trị có thể kiêm nhiệm các chức vụ điều hành trực tiếp sản xuất của Công ty.</p> <p>d. Có trình độ học vấn, có năng lực kinh doanh và tổ chức quản lý doanh nghiệp.</p> <p>e. Có sức khỏe, có phẩm chất đạo đức tốt, trung thực liêm khiết, có hiểu biết pháp luật.</p> <p>f. Cơ quan thường trực của Hội đồng quản trị gồm Chủ tịch và một (1) thành viên của Hội đồng quản trị giải quyết công việc hàng ngày.</p> <p>g. Thành viên Hội đồng quản trị công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác.</p> <p>4.2 Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí thành viên HĐQT:</p> <p>a. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng có quyền đề cử người vào vị trí thành viên HĐQT;</p> <p>b. Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>c. Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm a, khoản 4.2 Điều này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị và các cổ đông khác đề cử.</p> <p>4.3 Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị: Việc bầu cử thành viên HĐQT được thực hiện theo phương thức bầu dân phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu bầu tương ứng với tổng số cổ</p>	<p>f. Cơ quan thường trực của Hội đồng quản trị gồm Chủ tịch và một (1) thành viên của Hội đồng quản trị giải quyết công việc hàng ngày.</p> <p>g. Thành viên Hội đồng quản trị công ty chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại tối đa 05 công ty khác.</p> <p>Điều 27. Thành viên HĐQT không điều hành, thành viên độc lập HĐQT</p> <p>1. Thành viên HĐQT không điều hành là Thành viên HĐQT và không phải là TGD, Phó TGD, Trưởng phòng Tài chính-Kế toán, Kế toán trưởng theo quy định của Điều lệ công ty. Tiêu chuẩn, điều kiện của thành viên HĐQT không điều hành theo quy định sau đây:</p> <p>a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật doanh nghiệp;</p> <p>b) Có đủ năng lực hành vi dân sự;</p> <p>c) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong ngành, nghề kinh doanh chủ yếu của công ty;</p> <p>d) Có sức khỏe, có phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết, có hiểu biết pháp luật;</p> <p>đ) Không phải là cổ đông của công ty.</p> <p>2. Thành viên độc lập HĐQT là Thành viên không có quyền lợi sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp đối với Công ty; không là người quản lý, nhân viên hoặc các bên liên quan của Công ty.</p> <p>3. Trừ trường hợp pháp luật về chứng khoán có quy định khác, thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:</p> <p>a) Không phải là người đang làm việc cho công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của công ty; không phải là người đã từng làm việc cho công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó;</p> <p>b) Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;</p> <p>c) Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của công ty; là người quản lý của công ty hoặc công ty con của công ty;</p> <p>d) Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của công ty;</p> <p>đ) Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị. Ban kiểm soát của công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ.</p> <p>4. Thành viên độc lập HĐQT có các quyền và nghĩa vụ tương tự các thành viên HĐQT khác.</p> <p>5. Thành viên độc lập HĐQT phải thông báo với HĐQT về việc không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản 3 Điều này và</p>		

Lý do	Diễn giải	Nội dung sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về QTCT lần này
		<p>Quy chế nội bộ về QTCT (sửa đổi lần thứ hai, áp dụng từ 28/05/2020)</p> <p>lần số hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết tổng phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị là thành viên có tổng số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ thành viên có tổng số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên như qui định tại Điều lệ Công ty và các thành viên đó phải có tổng số phiếu bầu phải được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần dự họp tán thành. Trường hợp các thành viên còn lại có tổng số phiếu bầu bằng nhau nhưng tổng số phiếu bầu không đạt tỷ lệ tổng số phần biểu quyết tán thành (ít nhất 51% tổng số phần dự họp), thì Ban Tổ chức sẽ kiến nghị Đại hội bầu lại các thành viên đó để lựa chọn thành viên có tổng số phiếu bầu lại đạt ít nhất 51% tổng số cổ phần dự họp tán thành.</p> <p>4 Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT:</p> <p>Thành viên Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm trong trường hợp sau đây:</p> <p>Mất tư cách làm thành viên HĐQT theo quy định của Điều lệ công ty;</p> <p>Không tham gia các hoạt động của HĐQT trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;</p> <p>Có đơn bằng văn bản xin từ chức;</p> <p>Theo nghị quyết của ĐHĐCĐ;</p> <p>Cổ tình cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Công ty với tư cách là ứng viên HĐQT gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến uy tín, hình ảnh và lợi ích của Công ty.</p> <p>5 Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT:</p> <p>Công ty công bố thông tin trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trên trang thông tin điện tử của Công ty và của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội. Trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày công bố thông tin về việc bầu, miễn</p>
		<p>Nội dung sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về QTCT lần này</p> <p><i>đương nhiệm không còn là thành viên độc lập HĐQT kể từ ngày không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện.</i></p> <p><i>Trong vòng tối đa ba (03) ngày làm việc kể từ ngày không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện quy định, thành viên độc lập HĐQT phải thông báo bằng văn bản lý do không còn đáp ứng đủ điều kiện, tiêu chuẩn, gửi HĐQT. Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan.</i></p>

Quy chế nội bộ về QTCT (sửa đổi lần thứ hai, áp dụng từ 28/05/2020)	Nội dung sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về QTCT lần này	Diễn giải	Lý do
<p>nhiệm, bài nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Công ty gửi cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội Bản cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị mới (nếu có).</p> <p>4.6 Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên Hội đồng quản trị:</p> <p>Thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị (trong trường hợp đã xác định được trước các ứng viên) được công bố trên trang website của công ty hoặc trong thời gian diễn ra Đại hội đồng cổ đông một khoảng thời gian hợp lý để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Thông tin liên quan đến ứng viên HĐQT được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Họ tên, ngày, tháng, năm sinh; - Trình độ học vấn; - Trình độ chuyên môn; - Quá trình công tác; - Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên HĐQT và các chức danh quản lý khác; - Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có); - Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có); - Các thông tin khác (nếu có). 	<p>Điều 28. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí thành viên HĐQT</p> <p>1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào vị trí thành viên HĐQT. Việc đề cử người vào HĐQT thực hiện như sau:</p> <p>a) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm a, khoản 1 Điều này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị và các cổ đông</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung và tách điều 4 trong Quy chế hiện nay thành các điều riêng với nội dung cụ thể hơn, phù hợp với các quy định pháp luật mới và điều lệ công ty sửa đổi</p>	<p>Phù hợp với LDN2020, ND155/2020 và Điều lệ công ty</p>

Quy chế nội bộ về QTCT (sửa đổi lần thứ hai, áp dụng từ 28/05/2020)	Nội dung sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về QTCT lần này	Diễn giải	Lí do
	<p>khác đề cử. Cơ chế đề cử hay cách thức HĐQT đương nhiệm để cử thêm ứng viên HĐQT phải được công bố rõ ràng và phải được ĐHĐCĐ thông qua trước khi tiến hành biểu quyết bầu.</p> <p>c) Trường hợp đã xác định được ứng cử viên HĐQT, công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu là 10 ngày trước ngày khai mạc họp ĐHĐCĐ trên trang thông tin điện tử của công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên HĐQT phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của công ty nếu được bầu làm thành viên HĐQT.</p> <p>2. Cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi biểu quyết có các quyền khác như cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 37 của Điều lệ công ty, cụ thể cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi biểu quyết không được chuyển nhượng cổ phần đó cho người khác, trừ trường hợp chuyển nhượng theo bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật hoặc thừa kế.</p> <p>3. Cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi có tức có các quyền khác như cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 38 của Điều lệ công ty, cụ thể cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi có tức không có quyền biểu quyết, dự họp ĐHĐCĐ, đề cử người vào HĐQT và BKS, trừ trường hợp Nghị quyết ĐHĐCĐ về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi trở lên hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi trở lên trở lại trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.</p> <p>4. Cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi hoàn lại có các quyền khác như cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 39 của Điều lệ công ty, cụ thể cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi hoàn lại không có quyền biểu quyết, dự họp ĐHĐCĐ, đề cử người vào HĐQT và BKS, trừ trường hợp cổ phần ưu đãi hoàn lại được chuyển đổi thành cổ phần phổ thông theo nghị quyết của ĐHĐCĐ và trường hợp Nghị quyết ĐHĐCĐ về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi trở lại trở lên thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi trở lại trở lên thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.</p> <p>5. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông có nhu cầu đề cử, ứng cử thành viên HĐQT</p>		

Quy chế nội bộ về QTCT (sửa đổi lần thứ hai, áp dụng từ 28/05/2020)	Nội dung sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về QTCT lần này	Diễn giải	Lí do
	<p>Phải gửi đến HĐQT các hồ sơ, tài liệu sau:</p> <p>a) Thông báo của cổ đông hoặc nhóm cổ đông về việc ứng cử, đề cử người đại diện tham gia HĐQT;</p> <p>b) Lý lịch cá nhân của người được đề cử, ứng cử;</p> <p>c) Bản sao (có chứng thực của cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong thời hạn 06 tháng gần nhất) các văn bằng chứng minh trình độ chuyên môn của các ứng viên theo quy định;</p> <p>c) Báo cáo công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty;</p> <p>d) Các tài liệu khác chứng minh ứng cử viên đủ các điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;</p> <p>đ) Các văn bản khác theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước.</p> <p>6. Trường hợp người được bầu không có quốc tịch Việt Nam, ngoài các văn bản, tài liệu nêu tại Khoản 5 Điều này, hồ sơ còn bao gồm hộ chiếu (giấy tờ pháp lý cá nhân tương đương), Phiếu lý lịch tư pháp (hoặc văn bản có giá trị tương đương) do cơ quan có thẩm quyền của quốc gia mà người nước ngoài cư trú trước khi đến Việt Nam cấp và phải được hợp thức hóa lãnh sự. Trường hợp người nước ngoài hiện đã cư trú tại Việt Nam từ đủ 06 tháng trở lên thì Phiếu lý lịch tư pháp do Sở Tư pháp của Việt Nam nơi người nước ngoài đang cư trú cấp.</p> <p>Điều 29. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>1. Việc bầu cử (kể cả bầu bổ sung) thành viên HĐQT được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị là các ứng cử viên có tổng số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có tổng số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên như qui định tại Điều lệ Công ty và theo quy định về ứng cử, bầu cử tại Quy chế tổ chức ĐHBCĐ được ĐHĐCĐ thông qua và các thành viên đó phải có tổng số phiếu bầu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông dự họp tán thành. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu bằng nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị nhưng tổng số phiếu bầu không đạt tỷ lệ tổng số cổ phần biểu quyết tán thành (trên 50% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả các cổ đông dự họp), thì Ban Tổ chức sẽ kiến nghị Đại hội bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau đó để lựa chọn thành viên có tổng số phiếu bầu lại có số phiếu bầu cao nhất tính từ cao xuống thấp và đạt trên 50% tổng số phiếu biểu quyết</p>	Sửa đổi, bổ sung	Phù hợp với LDN2020 và Điều lệ công ty

Quy chế nội bộ về QTCT (sửa đổi lần thứ hai, áp dụng từ 28/05/2020)	Nội dung sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về QTCT lần này	Diễn giải	Lí do
	<p><i>trở lên của tất cả các cổ đông dự họp tán thành hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy định về ứng cử, bầu cử của kỳ đại hội đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.</i></p> <p>2. Cổ đông có quyền bầu cho chính mình nếu họ có tên trong danh sách ứng cử viên được ĐHĐCĐ thông qua trước khi tiến hành bầu cử.</p> <p>Điều 30. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT</p> <p>1. <i>Việc miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên HĐQT thực hiện theo các quy định tại Điều 61 của Điều lệ công ty.</i></p> <p>2. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách làm thành viên HĐQT trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a. <i>Không đủ tư cách làm thành viên HĐQT theo quy định của Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán và Điều lệ công ty;</i></p> <p>b. <i>Bị rơi loại tâm thần và thành viên khác của HĐQT có bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;</i></p> <p>c. Không tham gia các hoạt động của HĐQT trong 06 tháng liên tục, và trong thời gian này HĐQT không cho phép thành viên đó vắng mặt và đã phân quyết rằng chức vụ của người này bị bỏ trống, trừ trường hợp bất khả kháng;</p> <p>d. Có đơn bằng văn bản xin từ chức gửi HĐQT;</p> <p>e. <i>Bị bãi nhiệm</i> theo nghị quyết của ĐHĐCĐ;</p> <p>f. Có tình cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Công ty với tư cách là ứng viên HĐQT gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến uy tín, hình ảnh và lợi ích của Công ty.</p> <p><i>Các trường hợp quy định tại điểm a, b, c, d và f của Khoản này, thành viên HĐQT sẽ không còn tư cách thành viên sau khi HĐQT có quyết định xác nhận thành viên đó đã không còn tư cách mà không cần có sự phê chuẩn của ĐHĐCĐ.</i></p> <p>3. <i>Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị muốn từ chức hoặc cổ đông pháp nhân muốn thay đổi người đại diện của mình đang giữ chức Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản trị của Công ty thì phải có đơn, văn bản gửi đến Hội đồng quản trị Công ty trong thời hạn sáu mươi (60) ngày kể từ ngày nhận đơn hoặc văn bản, Hội đồng quản trị sẽ họp để xem xét và quyết định.</i></p> <p>4. <i>Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị đương nhiệm bị miễn nhiệm hoặc bãi nhiệm, thì Hội đồng quản trị tiến hành bầu một trong các thành viên còn lại của Hội đồng quản trị thay thế và đảm nhận công việc của Chủ tịch Hội đồng quản trị đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất.</i></p> <p><i>Việc bầu Chủ tịch HĐQT thay thế Chủ tịch HĐQT bị bãi nhiệm hoặc đương</i></p>	<p>Sửa đổi, bổ sung</p>	<p>Phù hợp với LDN2020 và Điều lệ công ty</p>

<p>Quy chế nội bộ về QTCT (sửa đổi lần thứ hai, áp dụng từ 28/05/2020)</p>	<p>Nội dung sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về QTCT lần này</p>	<p>Diễn giải</p>	<p>Lí do</p>
	<p>nhiệm mới tư cách phải được thực hiện trong thời hạn chậm nhất mười (10) ngày kể từ ngày phát sinh sự kiện này. 5. HDQT có thể bổ nhiệm người khác tạm thời làm thành viên HDQT để thay thế cho tổng phát sinh và thành viên mới này phải được chấp thuận tại DHDCE ngay tiếp sau đó. Sau khi được DHDCE chấp thuận, việc bổ nhiệm thành viên mới đó được coi là có hiệu lực vào ngày được HDQT bổ nhiệm. Trong trường hợp thành viên mới không được DHDCE chấp thuận, mọi quyết định của HDQT cho đến trước thời điểm đến ra DHDCE có sự tham gia biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị thay thế vẫn được coi là có hiệu lực.</p>		
	<p>Điều 31. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HDQT Công ty công bố thông tin trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trên trang thông tin điện tử của Công ty và hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Sơ giao dịch chứng khoán Hà Nội. Trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày công bố thông tin về việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Công ty gửi cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội Bản cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị mới (nếu có).</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung</p>	<p>Phù hợp với LCK2019 và quy định pháp luật về chứng khoán</p>
	<p>Điều 32. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên Hội đồng quản trị Thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị (trong trường hợp đã xác định được trước các ứng viên) được công bố trên trang website của công ty theo quy định tại điểm c, khoản 1 Điều 28 của Quy chế này hoặc trong thời gian diễn ra Đại hội đồng cổ đông một khoảng thời gian hợp lý để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Thông tin liên quan đến ứng viên HDQT được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Họ tên, ngày, tháng, năm sinh; - Trình độ học vấn; - Trình độ chuyên môn; - Quá trình công tác; - Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh thành viên HDQT của công ty khác; - Các lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của công ty (nếu có); - Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông để cử ứng viên đó (nếu có); - Các thông tin khác (nếu có). <p>Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên HDQT, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan đến công ty của ứng cử viên HDQT (nếu có).</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung</p>	<p>Phù hợp với LDN2020, LCK2019 và Điều lệ công ty</p>

Quy chế nội bộ về QTCT (sửa đổi lần thứ hai, áp dụng từ 28/05/2020)	Nội dung sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về QTCT lần này	Diễn giải	Lí do
<p>Điều 5 Trình tự và thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị:</p> <p>1. Thông báo họp Hội đồng quản trị: Thông báo họp HĐQT phải được gửi cho các thành viên HĐQT và Trưởng ban kiểm soát ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày họp. Thành viên HĐQT có quyền từ chối thông báo mời họp bằng văn bản, việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên HĐQT đó. Thông báo họp HĐQT phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông tin đầy đủ thời gian, địa điểm họp, chương trình, nội dung các vấn đề thảo luận, kèm theo tài liệu cần thiết về từng vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp (phiếu biểu quyết của thành viên).</p> <p>Thông báo mời họp được gửi bằng thư, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm được địa chỉ liên lạc của từng thành viên HĐQT. Trưởng ban kiểm soát được đăng ký tại Công ty.</p> <p>2. Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị:</p> <p>Cuộc họp của Hội đồng quản trị theo giấy triệu tập lần thứ nhất là hợp lệ khi có từ ba phần tư (3/4) tổng thành viên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập lần thứ nhất không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.</p> <p>3. Cách thức biểu quyết:</p> <p>Mỗi thành viên Hội đồng quản trị sẽ có một (01) phiếu biểu quyết khi tham dự cuộc họp Hội đồng quản trị hoặc được hỏi ý kiến thông qua thư tín, qua fax, thư điện tử.</p> <p>Cách thức biểu quyết: Bảng hình thức ghi tay hoặc bỏ phiếu kín theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị.</p> <p>Trưởng ban kiểm soát có quyền dự cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.</p>	<p>Điều 33. Trình tự và thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị</p> <p>1. Trưởng hợp HĐQT bầu Chủ tịch HĐQT thì cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ thành viên HĐQT để bầu Chủ tịch HĐQT và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử nhiệm kỳ thành viên Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trưởng hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên đã bầu theo nguyên tắc đa số một người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.</p> <p>2. Cuộc họp thường kỳ: HĐQT họp định kỳ ít nhất mỗi quý một lần và có thể họp bất thường để kịp thời giải quyết các công việc đột xuất. Trưởng hợp đặc biệt khoảng cách giữa 2 kỳ họp cũng không được quá 6 tháng. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên (nếu cần).</p> <p>3. Cuộc họp bất thường: Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị khi có một trong các trường hợp sau:</p> <p>a) Có đề nghị của Ban kiểm soát;</p> <p>b) Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 (năm) người quản lý điều hành khác;</p> <p>c) Có đề nghị ít nhất của hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;</p> <p>Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.</p> <p>Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.</p> <p>4. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các Kiểm soát viên như đối với các thành viên Hội đồng quản trị. Kiểm soát viên có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.</p> <p>5. Trường hợp có yêu cầu bằng văn bản của kiểm toán viên độc lập đạt diện cho cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại Điều lệ công ty xem xét báo cáo tài chính giữa năm, hàng năm đã được kiểm toán, Chủ tịch HĐQT</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung và tách điều 5 trong Quy chế hiện nay thành các điều riêng với nội dung cụ thể hơn, phù hợp với các quy định pháp luật mới và điều lệ công ty sửa đổi</p>	<p>Phù hợp với LDN2020, Điều lệ công ty</p>

Quy chế nội bộ về QTCT (sửa đổi lần thứ hai, áp dụng từ 28/05/2020)	Nội dung sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về QTCT lần này	Diễn giải	Lý do
<p>5.4 Cách thức thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị:</p> <p>Hội đồng quản trị có quyền thông qua quyết định bằng việc tiến hành họp bằng văn bản có chữ ký của tất cả các thành viên Hội đồng quản trị, hoặc bằng hỏi ý kiến thông qua thư tin, qua fax, thư điện tử:</p> <p>a. Thông qua quyết định của Hội đồng quản trị tại cuộc họp: Quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua theo đa số thành viên dự họp đồng ý.</p> <p>Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định của Chủ tịch là quyết định cuối cùng.</p> <p>b. Thông qua quyết định của HĐQT bằng hỏi ý kiến: quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được ít nhất 51% thành viên chấp thuận. Trong trường hợp này để thông qua quyết định, Hội đồng Quản trị phải tiến hành các công việc sau:</p> <p>i. Quyết định các danh mục cần hỏi ý kiến.</p> <p>ii. Gửi phiếu hỏi ý kiến kèm theo tài liệu liên quan đến tất cả các thành viên Hội đồng quản trị.</p> <p>iii. Thực hiện thu nhận phiếu lấy ý kiến, kiểm phiếu và lập biên bản về kết quả kiểm phiếu, thông báo kết quả lấy ý kiến đến tất cả các thành viên Hội đồng quản trị trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến.</p> <p>5.5 Ghi biên bản họp Hội đồng quản trị:</p> <p>Biên bản các cuộc họp của Hội đồng quản trị phải được lập bằng tiếng Việt, có các nội dung chủ yếu sau:</p> <p>a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh;</p> <p>b. Mục đích, chương trình và nội dung họp;</p> <p>c. Thời gian và địa điểm họp;</p> <p>d. Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được uỷ quyền dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;</p> <p>e. Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;</p> <p>f. Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự</p>	<p><i>phải triệu tập họp HĐQT để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình tài chính của Công ty.</i></p> <p><i>6. Địa điểm họp: Các cuộc họp HĐQT được tiến hành tại địa chỉ trụ sở chính của Công ty hoặc địa điểm khác tại Việt Nam theo quyết định của Chủ tịch HĐQT và được sự nhất trí của các thành viên HĐQT.</i></p> <p><i>7. Phương thức họp: HĐQT có thể họp trực tiếp hoặc trực tuyến. Trường hợp họp trực tuyến, Chủ tịch HĐQT phải tổ chức chuẩn bị các điều kiện phòng họp và thiết bị điện tử phục vụ họp trực tuyến, đồng thời thông báo thời gian, phương thức truy cập... để đảm bảo các thành viên HĐQT có thể tham dự và biểu quyết.</i></p> <p><i>8. Những người được mời dự họp: Trường BKS, TGD, Phó TGD và các cán bộ quản lý điều hành, chuyên gia khác có thể được HĐQT mời dự các cuộc họp mà HĐQT xét thấy cần thiết. Những người được mời họp không được tham gia biểu quyết.</i></p> <p>Điều 34. Thông báo họp Hội đồng quản trị</p> <p>1. Thông báo họp HĐQT phải được gửi cho các thành viên HĐQT và Trường ban kiểm soát ít nhất <i>ba (03)</i> ngày làm việc trước ngày họp. Thành viên HĐQT có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản, việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên HĐQT <i>đó gửi đến Thư ký công ty muộn nhất một (01) ngày trước ngày dự định họp HĐQT.</i> Thông báo họp HĐQT phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ thời gian, địa điểm họp, chương trình, nội dung các vấn đề thảo luận, kèm theo tài liệu cần thiết về những vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên <i>(nếu cần).</i></p> <p>2. <i>Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác và báo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại công ty.</i></p> <p>Điều 35. Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị</p> <p>Cuộc họp của Hội đồng quản trị theo giấy triệu tập lần thứ nhất là họp lệ khi có từ ba phần tư (3/4) tổng số thành viên <i>trở lên</i> dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập lần thứ nhất không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trong trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.</p>		

Lý do	Diễn giải	Nội dung sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về QTCT lần này
<p>Phù hợp với LDN2020, Điều lệ công ty</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung với nội dung cụ thể hơn, phù hợp với các quy định pháp luật mới và điều lệ công ty sửa đổi.</p>	<p>Quy chế nội bộ về QTCT (sửa đổi lần thứ hai, áp dụng từ 28/05/2020)</p> <p>theo trình tự diễn biến cuộc họp;</p> <p>Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành phần tán thành, không tán thành và không có ý kiến; Các quyết định đã được thông qua;</p> <p>Họ, tên, chữ ký của tất cả các thành viên hoặc đại diện theo uỷ quyền dự họp;</p> <p>nữ toạ và thư ký phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp bị đồng quản trị. Biên bản họp Hội đồng quản trị tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại sở chính của Công ty.</p> <p>5 Thông báo nghị quyết Hội đồng quản trị: Nghị quyết của HĐQT phải được thông báo đến tất cả các thành viên Hội đồng quản trị trong thời hạn 05 (5) ngày, kể từ ngày quyết định được thông qua. Nghị quyết của Hội đồng quản trị được công bố công tin theo quy định của pháp luật chứng khoán Điều lệ công ty.</p> <p>Điều 36. Cách thức biểu quyết</p> <p>1. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị sẽ có một (01) quyền/phiếu biểu quyết khi tham dự cuộc họp Hội đồng quản trị hoặc được hỏi ý kiến thông qua thư tin, qua fax, thư điện tử, biểu quyết tại cuộc họp trực tuyến.</p> <p>Phiếu tẩy ý kiến hoặc phiếu biểu quyết của thành viên HĐQT có thể là văn bản hoặc tệp tin điện tử hoặc tin nhắn hoặc text thư điện tử hoặc hình thức truyền tải dữ liệu điện tử khác chứa thông tin thể hiện ý kiến, quyết định về một hoặc một số nội dung cần xin ý kiến biểu quyết, quyết định của HĐQT và có thể lưu giữ, trích xuất được.</p> <p>2. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:</p> <p>a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;</p> <p>b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 9 Điều 58 của Điều lệ công ty;</p> <p>c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;</p> <p>d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;</p> <p>đ) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ công ty.</p> <p>3. Cách thức biểu quyết tại cuộc họp trực tiếp. Bảng hình thức giơ tay hoặc bỏ</p>

Quy chế nội bộ về QTCT (sửa đổi lần thứ hai, áp dụng từ 28/05/2020)	Nội dung sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về QTCT lần này	Diễn giải	Lí do
	<p>phiếu kín theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị.</p> <p>4. Cách thức biên quyết tại cuộc họp trực tuyến: bằng hình thức gõ tay hoặc bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo hệ thống họp trực tuyến điện tử.</p> <p>5. Cách thức biên quyết gửi đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử, hình thức truyền tải dữ liệu điện tử khác:</p> <p>a) Trường hợp gửi phiếu biên quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, phiếu biên quyết phải được trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch HĐQT chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biên quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.</p> <p>b) Trường hợp thành viên HĐQT cho ý kiến thông qua thư điện tử hoặc tin nhắn hoặc hình thức truyền tải dữ liệu điện tử khác, phiếu biên quyết của thành viên HĐQT có thể là tệp tin điện tử hoặc tin nhắn hoặc text thư điện tử hoặc hình thức dữ liệu điện tử khác có thể lưu giữ, trích xuất được, trong đó có chứa thông tin thể hiện ý kiến quyết định của thành viên HĐQT về một hoặc một số nội dung cần biên quyết, gửi đến Thư ký Công ty trước thời hạn chốt theo quy định đề tổng hợp, báo cáo Chủ tịch HĐQT.</p> <p>6. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp HĐQT. Thành viên HĐQT được ủy quyền cho người khác dự họp và biên quyết nếu được đa số thành viên HĐQT còn lại chấp thuận.</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung với nội dung cụ thể hơn, phù hợp với các quy định pháp luật mới và điều lệ công ty sửa đổi</p>	<p>Phù hợp với LDN2020, Điều lệ công ty</p>
	<p>Điều 37. Cách thức thông qua nghị quyết, quyết định của HĐQT</p> <p>Hội đồng quản trị có quyền thông qua nghị quyết, quyết định bằng việc tiến hành họp bằng văn bản, biên bản có chữ ký của tất cả các thành viên Hội đồng quản trị, hoặc bằng hỏi ý kiến thông qua thư tin, qua fax, thư điện tử, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định.</p> <p>a. Thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị tại cuộc họp: Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua theo đa số thành viên dự họp đồng ý. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định của Chủ tịch là quyết định cuối cùng.</p> <p>b. Thông qua nghị quyết, quyết định của HĐQT bằng hỏi ý kiến: Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được ít nhất 51% thành viên chấp thuận. Trong trường hợp này để thông qua nghị quyết, quyết định, Hội đồng Quản trị phải tiến hành các công việc sau:</p> <p>i. Quyết định các danh mục cần hỏi ý kiến.</p> <p>ii. Gửi phiếu hỏi ý kiến kèm theo tài liệu liên quan đến tất cả các thành viên Hội đồng quản trị.</p> <p>iii. Thực hiện thu nhận phiếu lấy ý kiến, kiểm phiếu và lập biên bản về kết quả kiểm phiếu, thông báo kết quả lấy ý kiến đến tất cả các thành viên</p>		

Quy chế nội bộ về QTCT (sửa đổi lần thứ hai, áp dụng từ 28/05/2020)	Nội dung sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về QTCT lần này	Diễn giải	Lí do
	<p>Hội đồng quản trị trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến.</p> <p>Điều 38. Biên bản họp Hội đồng quản trị</p> <p>1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác.</p> <p>2. Biên bản các cuộc họp của Hội đồng quản trị phải được lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; Mục đích, chương trình và nội dung họp; Thời gian và địa điểm họp; Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được uỷ quyền dự họp và cách thức họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do; Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp; Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến cuộc họp; Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến; Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng; Họ, tên, chữ ký của tất cả các thành viên hoặc đại diện theo uỷ quyền dự họp và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này; <p>3. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 2 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.</p> <p>4. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.</p> <p>5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung với nội dung cụ thể hơn, phù hợp với các quy định pháp luật mới và điều lệ công ty sửa đổi</p>	<p>Phù hợp với LDN2020, Điều lệ công ty</p>
	<p>Điều 39. Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị:</p> <p>1. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị phải được thông báo đến tất cả các thành viên Hội đồng quản trị trong thời hạn năm (05) ngày, kể từ ngày nghị quyết, quyết định được thông qua. Các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị có hiệu lực thi hành đối với tất cả các thành viên, kể cả thành viên vắng mặt hay bất đồng ý kiến.</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung với nội dung cụ thể hơn, phù hợp với các quy định pháp luật mới và điều lệ công ty sửa đổi</p>	<p>Phù hợp với LDN2020, Điều lệ công ty</p>

Quy chế nội bộ về QTCT (sửa đổi lần thứ hai, áp dụng từ 28/05/2020)	Nội dung sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về QTCT lần này	Diễn giải	Lý do
	<p>2. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được công bố thông tin theo quy định của pháp luật chứng khoán và Điều lệ công ty.</p> <p>3. Thông báo của Chủ tịch HĐQT, căn cứ biên bản họp HĐQT hoặc theo các hình thức xin ý kiến thành viên HĐQT đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT hoặc Chủ tịch HĐQT, được gửi đến tất cả các thành viên HĐQT trong thời hạn năm (05) ngày, kể từ ngày ký ban hành và có hiệu lực trong tư nghị quyết, quyết định của HĐQT quy định tại khoản 1 Điều này.</p>		
	<p>Điều 40. Báo cáo hoạt động của HĐQT tại DHDCCD thường niên Báo cáo hoạt động của HĐQT trình DHDCCD thường niên phải đảm bảo có các nội dung sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Đánh giá tình hình hoạt động của Công ty trong năm tài chính; 2. Thủ lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của HĐQT và từng thành viên HĐQT theo quy định tại khoản 3 Điều 139 Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty; 3. Tổng kết các cuộc họp của HĐQT và các nghị quyết, quyết định của HĐQT; 4. Báo cáo về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty mà Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên HĐQT và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên HĐQT là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch. 5. Hoạt động của thành viên HĐQT độc lập (nếu có) và kết quả đánh giá của thành viên độc lập về hoạt động của HĐQT. 6. Hoạt động của các tiểu ban khác thuộc HĐQT (nếu có). 7. Kết quả giám sát đối với TGD; 8. Kết quả giám sát đối với người điều hành khác; 9. Các định hướng, kế hoạch dự kiến tương lai. 	Bổ sung	Phù hợp với LCK2019, ND155/2020 và Điều lệ công ty
	<p>Điều 41. Các tiểu ban của HĐQT</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. HĐQT có thể thành lập các tiểu ban để hỗ trợ hoạt động của HĐQT, bao gồm: Tiểu ban Quản trị rủi ro, Tiểu ban Kiểm toán nội bộ, Tiểu ban Lương thưởng và các tiểu ban đặc biệt khác theo Nghị quyết của DHDCCD. 2. Đối với Tiểu ban Kiểm toán nội bộ phải có ít nhất một thành viên là người có chuyên môn về tài chính, kế toán và không phải là người làm việc trong bộ phận Tài chính Kế toán của Công ty. 3. HĐQT quy định chi tiết về việc thành lập, tách nhiệm của các tiểu ban và trách nhiệm của từng thành viên. 4. Trường hợp không thành lập các tiểu ban thì HĐQT sẽ giao nhiệm vụ cho 	Bổ sung	Phù hợp với LCK2019, ND155/2020, Điều lệ mẫu theo TT116/2020 và Điều lệ công ty

Quy chế nội bộ về QTCT (sửa đổi lần thứ hai, áp dụng từ 28/05/2020)	Nội dung sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về QTCT lần này	Diễn giải	Lí do
	<p>một hoặc một số thành viên HDQT phụ trách riêng về từng vấn đề như quản trị rủi ro, kiểm toán nội bộ, lương thưởng, nhân sự. HDQT bổ nhiệm một hoặc một số nhân sự giúp việc cho thành viên HDQT được giao phụ trách các vấn đề trên. Quyền hạn và nghĩa vụ của những nhân sự hỗ trợ được quy định trong quyết định bổ nhiệm.</p> <p>Điều 42. Trách nhiệm của các tiểu ban và từng thành viên</p> <p>1. Tiểu ban Quản trị rủi ro</p> <p>a) Tiểu ban Quản trị rủi ro (QTRR) do HDQT bổ nhiệm và phân giao nhiệm vụ.</p> <p>b) Tiểu ban QTRR sẽ tổ chức các cuộc họp định kỳ ít nhất bốn lần một (01) năm và báo cáo lên HDQT. Các cuộc họp sẽ có các thành phần tham gia phù hợp, được thực hiện và kéo dài trong khoảng thời gian hợp lý để Tiểu ban QTRR có thể thực hiện đầy đủ các trách nhiệm của mình.</p> <p>c) Khi cần thiết và phù hợp, Tiểu ban QTRR sẽ họp với thành viên HDTQ phụ trách QTRR và Ban TGD công ty.</p> <p>d) Tiểu ban QTRR có quyền làm việc trực tiếp, trao đổi thẳng thắn và đầy đủ với Ban TGD; và có thể nhờ sự tư vấn và hỗ trợ từ các đơn vị tư vấn pháp lý, QTRR hoặc các đơn vị tư vấn/chuyên gia khác.</p> <p>đ) Hàng năm, Tiểu ban QTRR sẽ tự xem xét, đánh giá hiệu quả hoạt động của mình và báo cáo kết quả lên HDQT và kiến nghị những thay đổi phù hợp đến HDQT.</p> <p>e) Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của tiểu ban QTRR:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xem xét và trao đổi với Ban TGD, người điều hành và các cán bộ quản lý Công ty về các vấn đề liên quan đến cơ cấu quản trị rủi ro, các hướng dẫn, quy định và quy trình đánh giá các rủi ro liên quan đến hoạt động SXKD; - Ít nhất ba (03) tháng một lần, nhận các báo cáo từ TGD; - Thực hiện việc quản trị rủi ro chính liên quan đến các hoạt động SXKD của Công ty và các đơn vị trực thuộc công ty, để kiểm soát và giám sát các mức độ rủi ro; - Khi cần thiết, nhận các báo cáo từ Tiểu ban Kiểm toán nội bộ (KTNB) và tuân thủ liên quan đến kết quả soát xét và đánh giá hoạt động QTRR. - Nhận các báo cáo và đề xuất từ Trưởng tiểu ban KTNB về khả năng chấp nhận rủi ro; - Giám sát quy định và quá trình xác định khả năng chấp nhận rủi ro, và xem xét các phương pháp thực hiện của Ban TGD, các cán bộ quản lý về khả năng chấp nhận rủi ro tổng thể với mức đã xác định, mức độ ảnh hưởng, khả năng chịu đựng rủi ro... - Đưa ra đề xuất về các vấn đề QTRR, các giải pháp khắc phục cho là cần 	<p>Bổ sung</p>	<p>Phù hợp với LCK2019, ND155/2020, Điều lệ mẫu theo TT116/2020 và Điều lệ công ty</p>

Quy chế nội bộ về QTCT (sửa đổi lần thứ hai, áp dụng từ 28/05/2020)	Nội dung sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về QTCT lần này	Diễn giải	Lí do
	<p>thiết và thích hợp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Định kỳ hàng năm, xem xét và đánh giá tình hình của Nguyên tắc hoạt động của Tiêu ban và đề xuất các thay đổi cho HDQT phê duyệt; - Được quyền thuê cả nhân hay tổ chức có năng lực về lĩnh vực chuyên môn khác để hỗ trợ trong trường hợp cần thiết. Nhưng chi phí này sẽ do Công ty chi trả. <p>2. Tiêu ban Kiểm toán nội bộ (KTNB)</p> <p>a) Tiêu ban KTNB do HDQT bổ nhiệm và phân giao nhiệm vụ. Các thành viên của Tiêu ban phải đáp ứng các yêu cầu về tính độc lập, kinh nghiệm và chuyên môn theo quy định pháp luật về chứng khoán và các quy định pháp luật hiện hành khác.</p> <p>b) Trường tiêu ban KTNB có thể là một trong số các thành viên độc lập HDQT hoặc thành viên HDQT không điều hành, ngoài ra HDQT có thể mời một (01) thành viên BKS tham gia vào tiêu ban KTNB.</p> <p>c) Quyên và nghĩa vụ của Tiêu ban KTNB:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Định kỳ họp với Ban TGD, Kế toán Trưởng, Trưởng tiêu ban QTRR và kiểm toán độc lập; - Đảm bảo nhân viên thực hiện chức năng KTNB và kiểm toán độc lập không bị hạn chế tiếp cận với Tiêu ban KTNB; - Thường xuyên báo cáo HDQT về các hoạt động của Tiêu ban; - Định kỳ hàng năm, xem xét và đánh giá tính đầy đủ của Nguyên tắc hoạt động của Tiêu ban và đề xuất các thay đổi cho HDQT phê duyệt; - Cùng HDQT xem xét đánh giá cơ cấu tổ chức KTNB và quy trình báo cáo tài chính của Công ty và định kỳ xem xét, nhưng không ít hơn hàng quý, kết luận của Ban TGD về hiệu quả của các thủ tục và biện pháp kiểm soát nội bộ, bao gồm các thiết sót hoặc yếu kém trọng yếu trong các công việc mà Ban TGD đã thực hiện để theo dõi và kiểm soát rủi ro; - Thực hiện chức năng KTNB, xem xét và thảo luận các phát hiện quan trọng của kiểm toán nội bộ mà đã báo cáo HDQT, Ban TGD, các phân hội và tên độ thực hiện kế hoạch khắc phục; - Xây dựng, thực hiện kế hoạch kiểm toán năm; Xem xét, đánh giá tính đầy đủ của các công việc, tính độc lập và nguồn lực thực hiện nhiệm vụ; - Xây dựng, trình Sở tay KTNB để HDQT phê duyệt; - Đánh giá các rủi ro, xác định các hạn chế có thể hạn chế hoạt động của KTNB theo kế hoạch KTNB hàng năm đã được HDQT phê duyệt; - Đề xuất HDQT phê duyệt ngân sách hoạt động hàng năm của Tiêu ban; - Hàng năm, rà soát Nguyên tắc hoạt động của Tiêu ban và hiệu quả làm việc và khuyến nghị HDQT các thay đổi cần thiết có liên quan; - Báo cáo những hoạt động đã thực hiện để đưa vào BCTN của Công ty. Báo 		

Lý do	Diễn giải	Nội dung sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về QTCT lần này
		<p>Quy chế nội bộ về QTCT (sửa đổi lần thứ hai, áp dụng từ 28/05/2020)</p>
Phù hợp với Điều lệ công ty	Bổ sung một số nhiệm vụ	<p>Điều 43. Thư ký Công ty</p> <p>1. Hội đồng quản trị chỉ định ít nhất một (01) người làm Thư ký Công ty với nhiệm kỳ và những điều khoản theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Thư ký Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị cũng có thể bổ nhiệm một hay nhiều Trợ lý Thư ký Công ty tùy từng thời điểm.</p> <p>2. Thư ký công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:</p> <p>a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;</p> <p>b) Chuẩn bị các cuộc họp của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;</p> <p>c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;</p> <p>d) Tham dự các cuộc họp;</p> <p>e) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;</p>
		<p>Điều 6. Thư ký Công ty</p> <p>1. Hội đồng quản trị chỉ định ít nhất một (01) người làm Thư ký Công ty với nhiệm kỳ và những điều khoản theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Thư ký Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị cũng có thể bổ nhiệm một hay nhiều Trợ lý Thư ký Công ty tùy từng thời điểm.</p> <p>2. Thư ký công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:</p> <p>a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;</p> <p>b) Chuẩn bị các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu</p>
<p>Nội dung sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về QTCT lần này</p> <p>cáo bao gồm các nội dung chính sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> ▪ Tóm tắt vai trò của Tiểu ban KTNB ▪ Tên của tất cả các thành viên của Tiểu ban KTNB trong kỳ báo cáo ▪ Tổng số các cuộc họp của Tiểu ban và sự tham dự của mỗi thành viên ▪ Phương thức mà Tiểu ban KTNB thực hiện và hoàn thành trách nhiệm ▪ Vấn đề quan trọng liên quan đến hệ thống kiểm soát nội bộ và hiệu quả của việc KTNB; Các khuyến nghị đối với HĐQT, Ban TGD <p>3. Tiểu ban Lương thưởng</p> <p>a) Tham mưu, đề xuất, hỗ trợ hoạt động của HĐQT trong việc xây dựng, thực thi chính sách tiền lương, thưởng và các lợi ích khác;</p> <p>b) Hàng năm, cân cứ quy mô hoạt động, tình hình SXKD của Công ty, xây dựng, đề xuất chế độ lương, thưởng cho nhân viên;</p> <p>c) Thực hiện các nhiệm vụ được HĐQT giao phó liên quan đến chính sách lương, thưởng của Công ty;</p> <p>d) Góp ý kiến đối với các đề xuất liên quan đến chế độ lương, thưởng và các lợi ích khác;</p> <p>đ) Đề xuất về chính sách thù lao (lương thưởng và các lợi ích khác) đối với các thành viên HĐQT, bộ máy điều hành để trình HĐQT hoặc góp ý đối với các đề xuất về chính sách lương, thưởng do HĐQT đưa ra và soát xét sự phù hợp trong từng giai đoạn;</p> <p>e) Thực hiện các nhiệm vụ khác liên quan đến lương thưởng do HĐQT phân công.</p>	<p>Điều 43. Thư ký Công ty</p> <p>1. Hội đồng quản trị chỉ định ít nhất một (01) người làm Thư ký Công ty với nhiệm kỳ và những điều khoản theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Thư ký Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị cũng có thể bổ nhiệm một hay nhiều Trợ lý Thư ký Công ty tùy từng thời điểm.</p> <p>2. Thư ký công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:</p> <p>a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;</p> <p>b) Chuẩn bị các cuộc họp của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;</p> <p>c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;</p> <p>d) Tham dự các cuộc họp;</p> <p>e) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;</p>	

Quy chế nội bộ về QTCT (sửa đổi lần thứ hai, áp dụng từ 28/05/2020)	Nội dung sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về QTCT lần này	Diễn giải	Lí do
<p>c) Từ văn về thủ tục của các cuộc họp;</p> <p>d) Tham dự các cuộc họp;</p> <p>e) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;</p> <p>f) Thực hiện ghi chép biên bản và lưu trữ các nghị quyết, quyết định, các văn bản khác của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ủy ban Chứng khoán và các cơ quan, đơn vị khác;</p> <p>g) Thực hiện nhiệm vụ về quan hệ cổ đông: tiếp nhận và hướng dẫn, giải thích cho các cổ đông nhưng vẫn đề cổ đông quan tâm;</p> <p>h) Đầu mối lập các báo cáo theo quy định để trình Chủ tịch Hội đồng quản trị ký, gửi các cơ quan Nhà nước;</p> <p>i) Đầu mối công bố, cung cấp thông tin có liên quan cho các cổ đông, các nhà đầu tư, các thành viên Hội đồng quản trị và các cơ quan Nhà nước về tình hình, kết quả hoạt động của Công ty;</p> <p>j) Đầu mối lập các báo cáo theo định kỳ tháng, quý, năm; Các báo cáo chuyên đề; Báo cáo trong các kỳ họp Đại hội đồng cổ đông thường niên;</p> <p>k) Tổng hợp ý kiến đề xuất của các thành viên Hội đồng quản trị để dự thảo chương trình - nội dung cho các kỳ họp Hội đồng quản trị; Chuẩn bị chương trình, tài liệu và cung cấp các tài liệu cho các thành viên Hội đồng quản trị để phục vụ các cuộc họp hoặc xin ý kiến các thành viên Hội đồng quản trị;</p> <p>l) Giữ mối liên hệ với các thành viên Hội đồng quản trị, đặc biệt là các thành viên không làm việc thường xuyên tại Công ty để tiếp nhận ý kiến, cung cấp thông tin để các thành viên Hội đồng quản trị thực hiện nhiệm vụ do Hội đồng quản trị phân công;</p> <p>m) Nghiên cứu, đề xuất trình Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị xử lý các đề nghị, văn bản, tài liệu do Tổng Giám đốc trình cũng như các văn bản của Ủy ban Chứng khoán và các cơ quan, đơn vị khác gửi đến;</p>	<p>f) Thực hiện ghi chép biên bản và lưu trữ các nghị quyết, quyết định, các văn bản khác của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ủy ban Chứng khoán và các cơ quan, đơn vị khác;</p> <p>g) Thực hiện nhiệm vụ về quan hệ cổ đông: tiếp nhận và hướng dẫn, giải thích cho các cổ đông nhưng vẫn đề cổ đông quan tâm;</p> <p>h) Đầu mối lập các báo cáo theo quy định để trình Chủ tịch Hội đồng quản trị ký, gửi các cơ quan Nhà nước;</p> <p>i) Đầu mối công bố, cung cấp thông tin có liên quan cho các cổ đông, các nhà đầu tư, các thành viên Hội đồng quản trị và các cơ quan Nhà nước về tình hình, kết quả hoạt động của Công ty;</p> <p>j) Đầu mối lập các báo cáo theo định kỳ tháng, quý, năm; Các báo cáo chuyên đề; Báo cáo của <i>HDQT</i> trong các kỳ họp Đại hội đồng cổ đông thường niên;</p> <p>k) Tổng hợp ý kiến đề xuất của các thành viên Hội đồng quản trị để dự thảo chương trình - nội dung cho các kỳ họp Hội đồng quản trị; Chuẩn bị chương trình, tài liệu và cung cấp các tài liệu cho các thành viên Hội đồng quản trị để phục vụ các cuộc họp hoặc xin ý kiến các thành viên Hội đồng quản trị;</p> <p>l) Giữ mối liên hệ với các thành viên Hội đồng quản trị, đặc biệt là các thành viên không làm việc thường xuyên tại Công ty, với các công ty trực thuộc và công ty có vốn góp của <i>VIVASSE</i>, để tiếp nhận ý kiến, cung cấp thông tin để các thành viên Hội đồng quản trị thực hiện nhiệm vụ do Hội đồng quản trị phân công;</p> <p>m) Nghiên cứu, đề xuất trình Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị xử lý các đề nghị, văn bản, tài liệu do Tổng Giám đốc trình cũng như các văn bản của Ủy ban Chứng khoán và các cơ quan, đơn vị khác gửi đến;</p> <p>n) Hỗ trợ Chủ tịch Hội đồng quản trị trong công tác tổ chức cán bộ, công tác quản trị công ty;</p> <p>o) Giúp Chủ tịch Hội đồng quản trị về các công việc liên quan tới công tác kiểm toán nội bộ theo quy định của pháp luật;</p> <p>p) Thực hiện các nhiệm vụ khác do Chủ tịch Hội đồng quản trị giao;</p> <p>q) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;</p> <p>r) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.</p>		

Nội dung sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về QTCT lần này	Diễn giải	Lí do
<p>Quy chế nội bộ về QTCT (sửa đổi lần thứ hai, áp dụng từ 28/05/2020)</p> <p>Hỗ trợ Chủ tịch Hội đồng quản trị trong công tác chức năng bộ;</p> <p>Giúp Chủ tịch Hội đồng quản trị về các công việc liên quan tới công tác kiểm toán nội bộ theo quy định của pháp luật;</p> <p>Thực hiện các nhiệm vụ khác do Chủ tịch Hội đồng quản trị giao;</p> <p>Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;</p> <p>Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.</p>		
<p>Điều 44. Bộ phận kiểm toán nội bộ trực thuộc HĐQT</p> <p>1. Trường hợp không thành lập Tiêu ban KTNB như đã nêu tại khoản 2 Điều 42 của Quy chế này, HĐQT có thể thành lập bộ phận KTNB trực thuộc HĐQT theo khoản 4 điều 41 của Quy chế này.</p> <p>2. Bộ phận Kiểm toán nội bộ thực hiện chức năng trên nguyên tắc độc lập, trung thực, khách quan và bảo mật. Các chức năng, nhiệm vụ cụ thể của bộ phận KTNB như sau:</p> <p>a) Đánh giá một cách độc lập về sự phù hợp và tuân thủ các chính sách pháp luật, Điều lệ công ty, các quyết định của ĐHDCTD, HĐQT;</p> <p>b) Kiểm tra, xem xét, đánh giá sự đầy đủ, hiệu quả và hiệu lực của hệ thống kiểm soát nội bộ;</p> <p>c) Đánh giá việc tuân thủ hoạt động kinh doanh đối với các chính sách và quy chế, quy định nội bộ;</p> <p>d) Tham mưu thiết lập các chính sách và quy chế, quy định nội bộ;</p> <p>đ) Đánh giá việc tuân thủ các quy định pháp luật, kiểm soát các biện pháp bảo đảm an toàn tài sản;</p> <p>e) Đánh giá KTNB thông qua tài chính và thông qua quá trình SXKD;</p> <p>g) Đánh giá quy trình quản lý rủi ro;</p> <p>h) Đánh giá hiệu quả các hoạt động;</p> <p>i) Đánh giá việc tuân thủ các cam kết trong hợp đồng;</p> <p>h) Điều tra các vi phạm trong nội bộ Công ty;</p> <p>3. Chức năng, nhiệm vụ của bộ phận KTNB thuộc HĐQT:</p> <p>a) Quy định chính sách, chiến lược quản lý rủi ro; các tiêu chuẩn đánh giá rủi ro; mức độ rủi ro tổng thể của Công ty và từng bộ phận/đơn vị trong Công ty;</p> <p>b) Đánh giá một cách độc lập về sự phù hợp và tuân thủ các chính sách quy trình rủi ro, các quy chế, quy định nội bộ đã được thiết lập trong Công ty;</p>	<p>Bổ sung</p>	<p>Phù hợp với LCK2019, ND155/2020, Điều lệ mẫu theo TT116/2020 và Điều lệ công ty</p>

Quy chế nội bộ về QTCT (sửa đổi lần thứ hai, áp dụng từ 28/05/2020)	Nội dung sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về QTCT lần này	Diễn giải	Lý do
<p>Điều 7. Đê cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm Kiểm soát viên:</p> <p>7.1 Tiêu chuẩn Kiểm soát viên:</p> <p>a. Thành viên Ban kiểm soát phải có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật doanh nghiệp, có trình độ, am hiểu kỹ thuật và nghiệp vụ kinh doanh của Công ty, phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên. Thành viên Ban kiểm soát không được giữ các chức vụ quản lý Công ty do HĐQT bổ nhiệm. Thành viên Ban kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty.</p> <p>b. Thành viên Ban kiểm soát không được là thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Kế toán trưởng của Công ty; không thể là vợ hoặc chồng, cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh, chị, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Kế toán trưởng Công ty.</p> <p>7.2 Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí Kiểm soát viên:</p> <p>a. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng có quyền đề cử người vào vị trí Kiểm soát viên;</p> <p>b. Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Ban kiểm soát phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>c. Căn cứ số lượng thành viên Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm a, khoản 6.2 Điều này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo</p>	<p>CHƯƠNG V. BAN KIỂM SOÁT</p> <p>Điều 45. Tiêu chuẩn và điều kiện của Kiểm soát viên</p> <p>1. BKS là cơ quan do HĐQT bầu ra, thay mặt HĐQT để kiểm soát một cách độc lập, khách quan và trung thực mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành Công ty, chịu trách nhiệm trước pháp luật và HĐQT trong thực hiện nhiệm vụ được giao.</p> <p>2. Ban kiểm soát có 03 Kiểm soát viên. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.</p> <p>3. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số Kiểm soát viên thường trú ở Việt Nam. Trường Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.</p> <p>4. Trường Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các Kiểm soát viên; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Trường BKS phân công công việc cho các thành viên BKS và chịu trách nhiệm về toàn bộ hoạt động của BKS.</p> <p>5. Trường hợp Kiểm soát viên có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Kiểm soát viên đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nhiệm vụ cho đến khi Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.</p> <p>6. BKS phải họp ít nhất 02 lần trong một năm, số lượng thành viên dự họp ít nhất là hai phần ba (2/3) số thành viên BKS. Biên bản họp BKS được lập chỉ tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên BKS tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản cuộc họp của BKS phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên. BKS có quyền yêu cầu thành viên HĐQT, Tổng giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.</p> <p>7. Tiêu chuẩn và điều kiện của Kiểm soát viên:</p> <p>a) Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;</p> <p>b) Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp;</p> <p>c) Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác;</p> <p>d) Không phải là người quản lý công ty, không nhất thiết phải là cổ đông</p>	<p>Bổ sung chương</p> <p>Sửa đổi, bổ sung và tách điều 7 trong Quy chế hiện nay thành các điều riêng với nội dung cụ thể hơn, phù hợp với các quy định pháp luật mới và điều lệ công ty sửa đổi</p>	<p>Phù hợp với LDN2020, LCK2019, ND155/2020 và Điều lệ công ty</p>

Quy chế nội bộ về QTCT (sửa đổi lần thứ hai, áp dụng từ 28/05/2020)	Diễn giải	Lí do
<p>Quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị và các cổ đông khác đề cử.</p> <p>3.3 Cách thức bầu Kiểm soát viên: Tuyệt biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban kiểm soát và cổ đông có quyền bỏ hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc nhiều ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Kiểm soát viên là các thành viên có tổng số phiếu bầu tính cao xuống thấp, bắt đầu từ thành viên có tổng số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên như quy định tại Điều lệ Công ty và các thành viên đó phải có tổng số phiếu bầu phải được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần dự họp tán thành. Trường hợp các thành viên còn lại có tổng số phiếu bầu bằng nhau nhưng tổng số phiếu bầu không đạt tỷ trọng số cổ phần biểu quyết tán thành (ít nhất 51% tổng số cổ phần dự họp), thì Ban Tổ chức sẽ kiến nghị Đại hội bầu lại các thành viên đó để lựa chọn thành viên có tổng số phiếu bầu lại đạt ít nhất 51% tổng số cổ phần dự họp tán thành.</p> <p>4.4 Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên: Trưởng Ban và thành viên Ban kiểm soát muốn chức kiểm soát viên đều phải làm đơn gửi Hội đồng quản trị. Thành viên Ban kiểm soát bị mất tư cách khi vi phạm một trong các trường hợp như quy định đối với thành viên Hội đồng quản trị. Khi quyết Trưởng Ban kiểm soát thì các thành viên còn lại cử người thay thế. Ngoài các trường hợp quy định tại điểm b, khoản 4 của Điều này và tại khoản 1 và 2 - Điều 51 của Điều lệ công ty, thành viên Ban Kiểm soát có thể bị miễn nhiệm bất cứ khi nào theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p>Nội dung sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về QTCT lần này</p> <p>hoặc người lao động của công ty; đ) Không làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty; e) Không là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó; g) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ công ty. 8. Ngoài các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 6 Điều này, Kiểm soát viên không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp của công ty và công ty mẹ; người đại diện phân vốn của doanh nghiệp, người đại diện phân vốn nhà nước tại công ty mẹ và tại công ty.</p> <p>Điều 46. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí Kiểm soát viên</p> <p>1. Cổ đông/nhóm cổ đông đề cử, ứng cử người vào vị trí Kiểm soát viên phải tuân thủ các quy định tại Điều lệ công ty, pháp luật có liên quan và quy định tại Quy chế này.</p> <p>2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào vị trí Kiểm soát viên.</p> <p>3. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông đề cử, ứng cử và cách thức giới thiệu ứng cử viên vào vị trí Kiểm soát viên được thực hiện tương tự như đối với thành viên HĐQT và được quy định tại Điều 28 và Điều 32 của Quy chế này. Trường hợp số lượng các ứng cử viên BKS thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, BKS đương nhiệm đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy chế quy định tại Điều lệ công ty và Quy chế này.</p>	

Quy chế nội bộ về QTCT (sửa đổi lần thứ hai, áp dụng từ 28/05/2020)	Nội dung sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về QTCT lần này	Diễn giải	Lý do
<p>c. Trường hợp khuyết thành viên có nghiệp vụ về tài chính kế toán, Hội đồng quản trị phải tạm thời cử người thay thế cho đến khi triệu tập Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung.</p> <p>7.5 Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên:</p> <p>Công ty công bố thông tin trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm kiểm soát viên trên trang thông tin điện tử của Công ty và của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội. Trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày công bố thông tin về việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm kiểm soát viên, Công ty gửi cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội Bản cung cấp thông tin của kiểm soát viên mới (nếu có).</p>	<p>Điều 47. Cách thức bầu Kiểm soát viên</p> <p>Việc bầu cử (kể cả bầu bổ sung) thành viên BKS được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của BKS và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử Kiểm soát viên là các ứng cử viên có tổng số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có tổng số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên như qui định tại Điều lệ Công ty và theo quy định về ứng cử, bầu cử tại Quy chế tổ chức ĐHĐCĐ được ĐHĐCĐ thông qua và các thành viên đó phải có tổng số phiếu bầu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông dự họp tán thành. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đại cùng số phiếu bầu bằng nhau cho thành viên cuối cùng của Ban kiểm soát nhưng tổng số phiếu bầu không đạt tỷ lệ tổng số cổ phần biểu quyết tán thành (trên 50% tổng số phiếu bầu quyết trở lên của tất cả các cổ đông dự họp), thì Ban T.Đ chức sẽ kiến nghị Đại hội bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau đó để lựa chọn thành viên có tổng số phiếu bầu lại có số phiếu bầu cao nhất tính từ cao xuống thấp và đạt trên 50% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả các cổ đông dự họp tán thành hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy định về ứng cử, bầu cử của kỳ đại hội đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.</p> <p>2. Cổ đông có quyền bầu cho chính mình nếu họ có tên trong danh sách ứng cử viên được ĐHĐCĐ thông qua trước khi tiến hành bầu cử.</p>	<p>Sửa đổi</p>	<p>Phù hợp với Điều lệ công ty</p>

Quy chế nội bộ về QTCT (sửa đổi lần thứ hai, áp dụng từ 28/05/2020)	Nội dung sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về QTCT lần này	Diễn giải	Lí do
	<p>Điều 48. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế Kiểm soát viên</p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm Kiểm soát viên trong trường hợp sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Điều 70 của Điều lệ công ty; Có đơn từ chức và được chấp thuận. Trường Ban kiểm soát và Kiểm soát viên muốn từ chức kiểm soát viên đều phải làm đơn gửi HĐQT. Trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định. <p>2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm Kiểm soát viên trong trường hợp sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công; Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng; Vì phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của Kiểm soát viên theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty; Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông. <p>3. Khi khuyết Trưởng Ban kiểm soát thì các Kiểm soát viên còn lại cử người thay thế, cụ thể như sau:</p> <p>Trong thời hạn không quá 15 ngày kể từ ngày Trưởng Ban kiểm soát bị đương nhiên mất tư cách thành viên BKS, các thành viên BKS có trách nhiệm tổ chức họp BKS để bầu một thành viên BKS (đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty) làm Trưởng BKS.</p> <p>4. Trường BKS muốn từ chức, phải có đơn gửi đến HĐQT và BKS. Trong thời hạn sáu mươi (60) ngày kể từ ngày nhận đơn, BKS phải tổ chức họp để xem xét quyết định và tiến hành các thủ tục miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng BKS theo quy định.</p> <p>5. Trường hợp bị giám quá một phần ba (1/3) số thành viên BKS, trong thời hạn không quá 60 ngày kể từ ngày không đủ số thành viên BKS theo quy định, BKS phải đề nghị HĐQT triệu tập họp ĐHĐCĐ để bầu bổ sung thành viên BSK.</p> <p>6. Ngoài các trường hợp quy định tại khoản 1, 2 và 3 của điều này và Điều 75 của Điều lệ công ty, Kiểm soát viên có thể bị miễn nhiệm bất cứ khi nào theo quyết định của ĐHĐCĐ.</p> <p>7. Trong các trường hợp khác, cuộc họp gần nhất của ĐHĐCĐ sẽ bầu thành viên BKS mới để thay thế cho thành viên BKS bị miễn nhiệm, bãi nhiệm hoặc bổ sung những thành viên còn thiếu.</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung</p>	<p>Phù hợp với LDN2020, Điều lệ công ty</p>
	<p>Điều 49. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên Công ty công bố thông tin trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi bầu, miễn nhiệm, bãi</p>	<p>Tách khoản 7.5 Điều 7 Quy chế hiện hành thành</p>	

<p>Quy chế nội bộ về QTCT (sửa đổi lần thứ hai, áp dụng từ 28/05/2020)</p>	<p>Nội dung sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về QTCT lần này</p>	<p>Diễn giải</p>	<p>Lí do</p>
	<p>nhiệm kiểm soát viên trên trang thông tin điện tử của Công ty và của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Số giao dịch chứng khoán Hà Nội. Trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày công bố thông tin về việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm kiểm soát viên, Công ty gửi cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Số giao dịch chứng khoán Hà Nội bản cung cấp thông tin của kiểm soát viên mới (nếu có).</p> <p>Điều 50. Báo cáo hoạt động của BKS tại ĐHQĐ thường niên Báo cáo của BKS trình ĐHQĐ theo quy định tại điểm d, điểm đ khoản 3 Điều 139 Luật Doanh nghiệp và phải đảm bảo có các nội dung sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Thời hạn, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của BKS và từng thành viên BKS theo quy định tại Điều 172 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty; 2. Tổng kết các cuộc họp của BKS và các kết luận, kiến nghị của BKS; 3. Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty; 4. Báo cáo đánh giá về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, doanh nghiệp mà Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên HĐQT, Tổng giám đốc, người điều hành khác của Công ty và những người có liên quan của đối tương đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên HĐQT, Tổng giám đốc, người điều hành khác của doanh nghiệp là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch; 5. Kết quả giám sát đối với thành viên HĐQT, thành viên Ban TGD, và người điều hành khác của Công ty; 6. Kết quả đánh giá sự phù hợp hoạt động giữa BKS với HĐQT, Ban TGD và cổ đông. 	<p>Bổ sung</p>	<p>Phù hợp với LCK2019, NĐ155/2020 và Điều lệ công ty</p>
	<p>CHƯƠNG VI. NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP</p> <p>Điều 51. Tiêu chuẩn chung của Người điều hành doanh nghiệp</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Tổ chức bộ máy điều hành <p>a) Công ty sẽ ban hành Quy chế hoạt động nội bộ mà theo đó bộ máy quản lý, điều hành sẽ chịu trách nhiệm và nằm dưới sự lãnh đạo của HĐQT.</p> <p>b) Công ty có các cán bộ là người điều hành doanh nghiệp bao gồm một (01) TGD và một số Phó TGD, Giám đốc các Chi nhánh/VPPD, Giám đốc và Phó giám đốc Công ty con và một (01) Kế toán Trưởng do HĐQT bổ nhiệm (ngoài ra còn có các cán bộ quản lý, điều hành cấp đơn vị của công ty gồm các trưởng phòng, phó giám đốc các xí nghiệp, trung tâm, đơn vị trực thuộc môn, các giám đốc, phó giám đốc các xí nghiệp, trung tâm, đơn vị trực thuộc môn, TGD bổ nhiệm sau khi được HĐQT thông qua (theo phân cấp bổ nhiệm quy định tại Điều lệ công ty, các quy chế, quy định nội bộ về thẩm quyền bổ nhiệm cán bộ của công ty).</p> <p>c) Theo đề nghị của TGD và được sự chấp thuận của HĐQT, Công ty sẽ</p>	<p>Bổ sung chương</p> <p>Bổ sung</p>	<p>Phù hợp với LCK2019, Điều lệ mẫu theo TT116/2020 và Điều lệ công ty</p>

<p>Quy chế nội bộ về QTCT (sửa đổi lần thứ hai, áp dụng từ 28/05/2020)</p>	<p>Nội dung sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về QTCT lần này</p>	<p>Diễn giải</p>	<p>Lý do</p>
<p>Điều 8. Lựa chọn, bổ nhiệm và miễn nhiệm Tổng giám đốc:</p> <p>1 Các tiêu chuẩn của Tổng giám đốc: Tổng giám đốc Công ty phải có đầy đủ điều kiện sau: Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc i tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp o quy định của Luật doanh nghiệp; Có đồng là cá nhân sở hữu ít nhất 5% số cổ phần ố thông, hoặc là người khác, thì phải có trình độ uyên môn thuộc các ngành kinh tế - kỹ thuật hoặc h nghiệp thực tế trong quản trị kinh doanh hoặc các ngành, nghề kinh doanh chính của công ty, ít nhất 5 năm công tác trong ngành nghề kinh anh của Công ty, có đủ kiến thức và kinh nghiệm ản lý Công ty, hiểu biết pháp luật, có trình độ oại ngữ; Không thuộc các đối tượng được quy định tại điểm a, oạn 7.1 của Điều này; Không kiêm nhiệm bất cứ một chức vụ quản trị hành nào tại các tổ chức kinh doanh khác.</p> <p>2 Việc bổ nhiệm Tổng giám đốc:</p> <p>Sau khi Đại hội đồng cổ đông hết nhiệm kỳ bầu ị đồng quản trị nhiệm kỳ mới, Hội đồng quản trị p phiên đầu tiên để bổ nhiệm một người trong ĐQT hoặc thuê người khác làm Tổng giám đốc. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá năm 5) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại p đồng lao động. Tổng giám đốc không phải là ười mà pháp luật cấm giữ chức vụ này và phải đáp g các tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật và iều lệ công ty.</p> <p>3 Ký hợp đồng lao động với Tổng giám đốc:</p>	<p>đụng số lượng, trình độ chuyên môn của cán bộ quản lý, điều hành cần thiết hoặc phù hợp với cơ cấu quản lý Công ty do HĐQT đề xuất tùy từng thời điểm.</p> <p>d) Cán bộ quản lý, điều hành phải có sự mãn cán cần thiết để các hoạt động và tổ chức của Công ty đạt được các mục tiêu đề ra.</p> <p>Điều 52. Lựa chọn, bổ nhiệm và miễn nhiệm Tổng giám đốc</p> <p>1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng giám đốc.</p> <p>2. Tổng giám đốc trực tiếp điều hành công việc quản lý, kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.</p> <p>3. Tổng giám đốc phải điều hành công việc quản lý, kinh doanh hằng ngày của công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ công ty, hợp đồng lao động ký với công ty và nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị. Chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về trách nhiệm quản lý điều hành Công ty. Trường hợp điều hành trái với quy định tại khoản này mà gây thiệt hại cho công ty thì Tổng giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho công ty.</p> <p>Điều 53. Điều kiện, tiêu chuẩn làm Tổng giám đốc Tổng giám đốc công ty phải có đầy đủ các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Điều lệ công ty và Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, từ chức các chức danh lãnh đạo quản lý của Công ty.</p> <p>Điều 54. Việc bổ nhiệm Tổng giám đốc</p> <p>1. Sau khi Đại hội đồng cổ đông hết nhiệm kỳ bầu Hội đồng quản trị nhiệm kỳ mới, Hội đồng quản trị hợp để bổ nhiệm một người trong HĐQT hoặc thuê người khác làm Tổng giám đốc.</p> <p>2. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động.</p> <p>3. HĐQT bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, kỷ luật và đình chỉ TGD trên cơ sở đề xuất của Chủ tịch HĐQT. Các thành viên HĐQT khác cũng có thể đề cử ứng viên cho vị trí TGD. Trường hợp có nhiều ứng cử viên thì HĐQT có thể xem xét, phỏng vấn và thực hiện các công việc khác để lựa chọn người</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung</p>	<p>Phù hợp với LDN2020, LCK2019, Điều lệ công ty</p>

Quy chế nội bộ về QTCT (sửa đổi lần thứ hai, áp dụng từ 28/05/2020)	Nội dung sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về QTCT lần này	Diễn giải	Lí do
<p>Chỉ tịch Hội đồng quản trị ký hợp đồng lao động với Tổng giám đốc trong đó quy định thù lao, tiền lương và lợi ích khác.</p> <p>8.4 Các trường hợp miễn nhiệm Tổng giám đốc:</p> <ul style="list-style-type: none"> a. Khi Tổng giám đốc muốn từ nhiệm phải có đơn gửi Hội đồng quản trị; b. Tổng giám đốc đương nhiệm mất tư cách khi xảy ra một trong những trường hợp sau: <ul style="list-style-type: none"> i. Chết, mất trí, mất quyền công dân; ii. Tự ý bỏ nhiệm sở trên ba mươi (30) ngày, từ chức; iii. Vi phạm các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty. <p>8.5 Thông báo bỏ nhiệm, miễn nhiệm Tổng giám đốc:</p> <p>Công ty sẽ công bố thông tin về việc bỏ nhiệm, miễn nhiệm Tổng giám đốc trong nội bộ Công ty, cho các cơ quan hữu quan, trên trang website của Công ty và theo quy định của pháp luật chứng khoán.</p>	<p>được bỏ nhiệm.</p> <p>4. Hồ sơ đề nghị HĐQT bỏ nhiệm TGD do người đề cử ứng cử viên chuẩn bị, bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Đề nghị bỏ nhiệm của người đề cử, nêu rõ nhận xét của người đề cử, để xuất mức lương, thưởng, các lợi ích khác, thỏa thuận dự kiến với TGD; b) Sơ yếu lý lịch do ứng cử viên, người được đề cử tự kê khai nêu rõ nhân thân, trình độ học vấn, kinh nghiệm; c) Kế hoạch, định hướng hành động từ ba (03) đến năm (05) năm của TGD; d) Bảng kê khai lợi ích liên quan của ứng cử viên theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty; đ) Các cam kết của TGD; và e) Dự thảo hợp đồng lao động (nếu cần). <p>5. Toàn bộ hồ sơ nêu tại khoản 4 Điều này phải được gửi đến các thành viên HĐQT dự hợp cùng với tài liệu mời họp.</p> <p>6. TGD sau khi có quyết định bỏ nhiệm của HĐQT được đàm nhiệm ngay công việc của chức danh mới bổ nhiệm. TGD cũ có trách nhiệm bàn giao toàn bộ công việc cho TGD mới xử lý và phải chịu trách nhiệm cá nhân đối với các quyết định của mình trong thời gian có tư cách đàm nhiệm chức danh đó.</p> <p>Điều 55. Kỳ hợp đồng lao động với Tổng giám đốc</p> <p>Căn cứ quyết định của HĐQT, Chủ tịch Hội đồng quản trị ký hợp đồng lao động với Tổng giám đốc trong đó quy định tiền lương, thưởng và lợi ích khác, cụ thể như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> 1. Tổng giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng giám đốc và người quản lý khác do Hội đồng quản trị quyết định. 2. Tiền lương, thưởng của Tổng giám đốc được tính vào chi phí kinh doanh của công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên. <p>Điều 56. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế Tổng giám đốc</p> <ul style="list-style-type: none"> 1. Khi Tổng giám đốc muốn từ nhiệm phải có đơn gửi Hội đồng quản trị. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận đơn, Hội đồng quản trị xem xét và quyết định. 2. Tổng giám đốc đương nhiệm bị miễn nhiệm, bãi nhiệm khi xảy ra một trong những trường hợp sau: <ul style="list-style-type: none"> i. Chết, mất trí, mất quyền công dân; ii. Tự ý bỏ nhiệm sở trên ba mươi (30) ngày, từ chức; iii. Vi phạm các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty. 	<p>Sửa đổi, bổ sung</p>	<p>Phù hợp với LDN2020, Điều lệ công ty</p>
	<p>Điều 55. Kỳ hợp đồng lao động với Tổng giám đốc</p> <p>Căn cứ quyết định của HĐQT, Chủ tịch Hội đồng quản trị ký hợp đồng lao động với Tổng giám đốc trong đó quy định tiền lương, thưởng và lợi ích khác, cụ thể như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> 1. Tổng giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng giám đốc và người quản lý khác do Hội đồng quản trị quyết định. 2. Tiền lương, thưởng của Tổng giám đốc được tính vào chi phí kinh doanh của công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên. <p>Điều 56. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế Tổng giám đốc</p> <ul style="list-style-type: none"> 1. Khi Tổng giám đốc muốn từ nhiệm phải có đơn gửi Hội đồng quản trị. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận đơn, Hội đồng quản trị xem xét và quyết định. 2. Tổng giám đốc đương nhiệm bị miễn nhiệm, bãi nhiệm khi xảy ra một trong những trường hợp sau: <ul style="list-style-type: none"> i. Chết, mất trí, mất quyền công dân; ii. Tự ý bỏ nhiệm sở trên ba mươi (30) ngày, từ chức; iii. Vi phạm các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty. 	<p>Sửa đổi, bổ sung</p>	<p>Phù hợp với LDN2020, Điều lệ công ty</p>

Quy chế nội bộ về QTCT (sửa đổi lần thứ hai, áp dụng từ 28/05/2020)	Nội dung sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về QTCT lần này	Diễn giải	Lí do
	<p>3. Trường hợp Tổng giám đốc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, đình chỉ, Hội đồng quản trị phải tạm cử người thay thế trong thời gian tối đa 30 ngày. Hội đồng quản trị phải tiến hành các thủ tục để bổ nhiệm Tổng giám đốc.</p> <p>4. HĐQT có thể bãi nhiệm TGD khi có từ hai phần ba (3/4) thành viên HĐQT trở lên biểu quyết tán thành (trong trường hợp này không tính nhiều biểu quyết của TGD nếu TGD là thành viên HĐQT) và bổ nhiệm TGD mới thay thế.</p> <p>5. HĐQT có thẩm quyền xem xét việc miễn nhiệm, bãi nhiệm TGD theo thủ tục do pháp luật về lao động, Điều lệ công ty, Quy chế công ty và các thỏa thuận trong HĐLĐ với TGD.</p>	Sửa đổi, bổ sung	Phù hợp với LDN2020, Điều lệ công ty
	<p>Điều 57. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng giám đốc Công ty sẽ công bố thông tin về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm Tổng giám đốc trong nội bộ Công ty, cho các cơ quan hữu quan, trên trang website của Công ty và theo quy định của pháp luật chứng khoán, tương tự như quy định về công bố thông tin đối với thành viên HĐQT, thành viên BKS.</p>	Bổ sung	Phù hợp với Điều lệ công ty
	<p>Điều 58. Điều kiện, tiêu chuẩn của người điều hành doanh nghiệp không phải là TGD</p> <p>Người điều hành doanh nghiệp không phải là TGD phải có đầy đủ các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Điều lệ công ty và Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, từ chức các chức danh lãnh đạo quản lý của Công ty.</p>	Bổ sung	Phù hợp với Điều lệ công ty
	<p>Điều 59. Kỳ họp đồng lao động với người điều hành doanh nghiệp không phải là TGD</p> <p>Công ty ký hợp đồng lao động với người điều hành doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về lao động, các quy định pháp luật có liên quan và Điều lệ công ty. Người có thẩm quyền ký kết hợp đồng lao động có trách nhiệm kiểm tra và đảm bảo người điều hành doanh nghiệp đã được bổ nhiệm của cấp có thẩm quyền phê duyệt.</p> <p>Điều 60. Việc bổ nhiệm người điều hành doanh nghiệp không phải là Tổng giám đốc</p> <p>1. HĐQT bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, kỷ luật, đình chỉ đối với các chức danh Phó TGD, Kế toán Trưởng, Giám đốc chi nhánh/văn phòng đại diện và các chức danh khác thuộc thẩm quyền của HĐQT trên cơ sở Điều lệ công ty, quy định, quy chế nội bộ của công ty.</p> <p>2. Nhiệm kỳ của người điều hành doanh nghiệp không phải là Tổng giám đốc căn cứ quyết định bổ nhiệm của HĐQT và không quá năm (05) năm, và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động.</p>	Bổ sung	Phù hợp với Điều lệ công ty

Quy chế nội bộ về QTCT (sửa đổi lần thứ hai, áp dụng từ 28/05/2020)	Nội dung sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về QTCT lần này	Diễn giải	Lí do
	<p>3. HDQT miễn nhiệm, bãi nhiệm, kỷ luật, đình chỉ đối với các chức danh Phó TGD, Kế toán Trưởng, Giám đốc chi nhánh/văn phòng đại diện trên cơ sở đề xuất/kiến nghị của TGD. Trường hợp TGD đề xuất hơn một ứng cử viên cho một vị trí, thì HDQT có thể xem xét, phỏng vấn và thực hiện các công việc khác để lựa chọn người được bổ nhiệm.</p> <p>4. Hồ sơ đề nghị HDQT bổ nhiệm Phó TGD, Kế toán Trưởng, Giám đốc chi nhánh/văn phòng đại diện do TGD chuẩn bị, bao gồm:</p> <p>a) Đề nghị bổ nhiệm của người đề cử, nêu rõ nhận xét của người đề cử, đề xuất mức lương, thưởng, các lợi ích khác, thỏa thuận dự kiến với người được đề cử;</p> <p>b) Sơ yếu lý lịch do ứng cử viên, người được đề cử tự kê khai nêu rõ nhân thân, trình độ học vấn, kinh nghiệm;</p> <p>c) Kế hoạch, định hướng hành động từ ba (03) đến năm (05) năm của người được đề cử;</p> <p>d) Bảng kê khai lợi ích liên quan của ứng cử viên theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty;</p> <p>đ) Các cam kết của người được đề cử; và</p> <p>e) Dự thảo hợp đồng lao động (nếu cần).</p> <p>5. Toàn bộ hồ sơ nêu tại khoản 4 Điều này phải được gửi đến các thành viên HDQT dự họp cùng với tài liệu mới hợp trước khi thời gian họp 05 ngày.</p> <p>6. Sau khi có quyết định bổ nhiệm của HDQT, người điều hành doanh nghiệp không phải là TGD được đảm nhiệm ngay công việc của chức danh mới bổ nhiệm. người điều hành doanh nghiệp kỳ trước có trách nhiệm bàn giao toàn bộ công việc cho người điều hành doanh nghiệp mới được bổ nhiệm để xử lý công việc và phải chịu trách nhiệm cá nhân đối với các quyết định của mình trong thời gian có tư cách đảm nhiệm chức danh đó.</p>	Bổ sung	Phù hợp với Điều lệ công ty
	<p>Điều 61. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm người điều hành doanh nghiệp không phải là Tổng giám đốc</p> <p>1. Khi Người điều hành doanh nghiệp không phải là Tổng giám đốc muốn từ nhiệm phải có đơn gửi Hội đồng quản trị và TGD. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận đơn, Hội đồng quản trị xem xét và quyết định.</p> <p>2. Người điều hành doanh nghiệp không phải là Tổng giám đốc đương nhiệm bị miễn nhiệm, bãi nhiệm khi xảy ra một trong những trường hợp sau:</p> <p>i. Chết, mất trí, mất quyền công dân;</p> <p>ii. Tự ý bỏ nhiệm sở trên ba mươi (30) ngày, từ chức;</p> <p>iii. Vi phạm các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.</p>		

Quy chế nội bộ về QTCT (sửa đổi lần thứ hai, áp dụng từ 28/05/2020)	Nội dung sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về QTCT lần này	Diễn giải	Lý do
	<p>3. Trường hợp Người điều hành doanh nghiệp không phải là Tổng giám đốc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, đình chỉ, TGD phải tạm đảm nhiệm các công việc của người điều hành đó hoặc cử người thay thế trong thời gian tối đa 30 ngày. TGD phải tiến hành các thủ tục để đề xuất HĐQT lựa chọn, bổ nhiệm, thay thế Người điều hành doanh nghiệp bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, đình chỉ đó.</p> <p>4. HĐQT có thể bãi nhiệm Người điều hành doanh nghiệp khi có từ hai phần ba (3/4) thành viên HĐQT trở lên biểu quyết tán thành (trong trường hợp này không tính phiếu biểu quyết của TGD nếu Người điều hành doanh nghiệp là thành viên HĐQT) và bổ nhiệm Người điều hành doanh nghiệp mới thay thế.</p> <p>5. HĐQT có thẩm quyền xem xét việc miễn nhiệm, bãi nhiệm Người điều hành doanh nghiệp theo thủ tục do pháp luật về lao động, Điều lệ công ty, Quy chế công ty và các thỏa thuận trong HDLD với Người điều hành doanh nghiệp.</p>		
	<p>Điều 62. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp không phải là Tổng giám đốc</p> <p>Sau khi có quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm người điều hành doanh nghiệp, Công ty sẽ công bố thông tin về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm trong nội bộ Công ty, cho các cơ quan hữu quan, trên trang website của Công ty và theo quy định của pháp luật chứng khoán, tương tự như quy định về công bố thông tin đối với TGD.</p>	Bổ sung	Phù hợp với Điều lệ công ty
<p>Điều 9. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc:</p> <p>1. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời 1 Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc:</p> <p>Tất cả các cuộc họp của Hội đồng quản trị đều phải báo đến Ban Kiểm soát và có thư mời Ban Kiểm soát tham dự. Ban Kiểm soát có quyền cử người tham dự hoặc không tham dự trước cuộc họp ít nhất 02 ngày.</p> <p>Tổng Giám đốc (trong trường hợp không phải là thành viên HĐQT), các Phó Giám đốc (trong trường hợp không phải là thành viên HĐQT) có thể được mời tham dự các cuộc họp HĐQT khi người triệu tập cuộc họp thấy cần thiết, được phát biểu ý kiến nhưng không được tham gia biểu quyết tại cuộc họp của HĐQT.</p> <p>3. Thông báo mời họp đối với cuộc họp HĐQT đến cho BKS và Phó Tổng</p>	<p>CHƯƠNG VII. PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HĐQT, BKS VÀ TGD</p> <p>Điều 63. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc</p> <p>1. Tất cả các cuộc họp của Hội đồng quản trị đều phải thông báo đến Ban Kiểm soát và có thư mời Ban Kiểm soát (Trường BKS và/hoặc Kiểm soát viên) tham dự. Ban Kiểm soát có quyền cử người tham dự hoặc không tham dự, nhưng phải có xác nhận gửi đến Hội đồng quản trị trước cuộc họp ít nhất là 02 ngày. Trường BKS và/hoặc Kiểm soát viên được mời họp có quyền phát biểu ý kiến và ý kiến được ghi vào trong biên bản cuộc họp, nhưng không được tham gia biểu quyết tại cuộc họp của HĐQT.</p> <p>2. Tổng Giám đốc (trong trường hợp không phải là thành viên HĐQT), các Phó Tổng giám đốc và/hoặc người điều hành doanh nghiệp có thể được mời tham dự các cuộc họp HĐQT khi người triệu tập cuộc họp thấy cần thiết, được phát biểu ý kiến nhưng không được tham gia biểu quyết tại cuộc họp của HĐQT.</p> <p>3. Thông báo mời họp đối với cuộc họp HĐQT đến cho BKS và Phó Tổng</p>	Bổ sung chương Sửa đổi, bổ sung	Phù hợp với LDN2020, Điều lệ công ty

Quy chế nội bộ về QTCT (sửa đổi lần thứ hai, áp dụng từ 28/05/2020)	Nội dung sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về QTCT lần này	Diễn giải	Lí do
<p>triệu tập cuộc họp thấy cần thiết.</p> <p>c. Thông báo mời họp đối với cuộc họp HĐQT đến cho BKS và Phó Tổng giám đốc (khi cần) cũng theo quy định như đối với thư mời họp dành cho các thành viên HĐQT khác.</p> <p>d. Khi thư ký cuộc họp đọc lại biên bản trước khi kết thúc cuộc họp, BKS có quyền có ý kiến nếu phát hiện có nội dung không đúng theo tinh thần cuộc họp đã thông nhất.</p> <p>9.2 Thông báo nghị quyết của Hội đồng quản trị cho Ban kiểm soát, Tổng giám đốc/Phó Tổng giám đốc:</p> <p>Tất cả nghị quyết của các cuộc họp của HĐQT sẽ được chuyển bản sao cho BKS, Tổng giám đốc và trong một số trường hợp cần thiết thì gửi cho Phó Tổng giám đốc trong vòng tối đa 03 ngày làm việc.</p> <p>9.3 Các trường hợp Tổng giám đốc và Ban kiểm soát đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị và những vấn đề cần xin ý kiến Hội đồng quản trị:</p> <p>a. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị khi có một trong các trường hợp sau đây:</p> <p>i. Có đề nghị của Ban kiểm soát;</p> <p>ii. Có đề nghị của Tổng giám đốc;</p> <p>b. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại điểm a, khoản 8.3 Điều này.</p> <p>9.4 Báo cáo của Tổng giám đốc với Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao:</p> <p>n. Tổng giám đốc thực hiện việc báo cáo quý và hàng năm về tình hình hoạt động, kết quả hoạt động sản xuất và kinh doanh của Công ty với HĐQT.</p> <p>h. Các báo cáo hoặc các tài liệu khác của Tổng giám đốc trình Hội đồng quản trị phải được gửi đến từng thành viên của Ban kiểm soát.</p> <p>9.5 Kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của Hội đồng quản trị đối</p>	<p>giám đốc (khi cần) cũng theo quy định như đối với thư mời họp dành cho các thành viên HĐQT khác.</p> <p>4. Ghi chép, lưu giữ biên bản họp HĐQT thực hiện theo quy định tại Điều lệ công ty.</p> <p>5. Khi thư ký cuộc họp đọc lại biên bản trước khi kết thúc cuộc họp, BKS có quyền có ý kiến nếu phát hiện có nội dung không đúng theo tinh thần cuộc họp đã thông nhất.</p> <p>6. Biên bản cuộc họp, Nghị quyết, Quyết định của HĐQT được gửi cho tất cả các thành viên HĐQT, BKS theo quy định tại Điều lệ công ty.</p> <p>Điều 64. Nguyên tắc phối hợp giữa HĐQT, Ban TGD với BKS</p> <p>1. Tất cả các nghị quyết, quyết định của HĐQT và các văn bản có tính chất quản trị chung do HĐQT ban hành đều được gửi đến BKS theo phương thức và thời hạn tương tự gửi đến các thành viên HĐQT.</p> <p>2. BKS phải lập chương trình, kế hoạch kiểm tra định kỳ và thông báo cho HĐQT, TGD biết trước khi thực hiện, trừ trường hợp cần kiểm tra đột xuất.</p> <p>3. BKS được nhận các tài liệu như các thành viên HĐQT theo quy định tại Điều lệ công ty.</p> <p>4. Các hợp đồng, giao dịch của Công ty với người nội bộ, người có liên quan theo quy định của Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán và Điều lệ công ty phải được thông báo cho BKS ít nhất ba (03) ngày làm việc trước khi thực hiện, trừ các hợp đồng, giao dịch đã được DHD/CĐ thông qua.</p> <p>5. BKS, TGD, Người điều hành doanh nghiệp có quyền đề nghị triệu tập họp HĐQT theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ công ty.</p> <p>6. Khi BKS đề xuất lựa chọn công ty kiểm toán độc lập, HĐQT phải có ý kiến phân hỏi để cùng đưa ra quyết định chọn công ty kiểm toán phù hợp nhất để DHD/CĐ thông qua.</p> <p>7. Sau các cuộc kiểm tra định kỳ hay đột xuất công ty, BKS phải gửi kết luận kiểm tra bằng văn bản cho HĐQT để HĐQT nắm rõ tình hình Công ty. Tùy mức độ và kết quả của cuộc kiểm tra, BKS phải trao đổi với HĐQT và TGD trước khi quyết định báo cáo trước DHD/CĐ. Trường hợp giữa BKS, HĐQT và TGD không thể đưa ra quyết định, BKS có quyền báo lưu ý kiến của kết quả kiểm tra để báo cáo trước DHD/CĐ. Nếu DHD/CĐ thấy rằng ý kiến của kết quả kiểm tra của BKS là không đúng, không phù hợp, Trường BKS và thành viên BKS phải chịu trách nhiệm cá nhân trước DHD/CĐ về kết quả kiểm tra đó.</p> <p>Điều 65. Báo cáo của TGD với HĐQT về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao</p>		

Lý do	Diễn giải
<p>Quy chế nội bộ về QTCT (sửa đổi lần thứ hai, áp dụng từ 28/05/2020)</p> <p>Tổng giám đốc/Phó Tổng giám đốc: Hội đồng quản trị hợp đánh giá, kiểm điểm đối TỔNG GIÁM ĐỐC về việc thực hiện nghị quyết và vấn đề ủy quyền khác của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị hợp đánh giá, kiểm điểm đối TỔNG GIÁM ĐỐC về việc thực hiện nghị quyết các vấn đề mà Hội đồng quản trị giao trực tiếp o Phó Tổng giám đốc. Việc kiểm điểm này được thực hiện thường yên.</p> <p>5 Các vấn đề Tổng giám đốc/Phó Tổng giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức báo cáo cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát: Tổng giám đốc có trách nhiệm báo cáo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh trong năm a Công ty. Tổng giám đốc/Phó Tổng giám đốc báo cáo kết quả thực hiện các quyết định, nghị quyết của Hội đồng quản trị giao và những công việc do Điều lệ Công ty hoặc pháp luật quy định. Tổng giám đốc/Phó Tổng giám đốc có nghĩa vụ báo cáo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có liên quan đến lợi ích của Công ty mà Tổng giám đốc/Phó Tổng giám đốc có thể được hưởng đông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc nhân khác. Tổng giám đốc/Phó Tổng giám đốc có trách nhiệm cung cấp các thông tin liên quan đến hoạt động của công ty theo yêu cầu của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và phù hợp với quy định của pháp luật.</p> <p>7 Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, kiểm sát giữa các thành viên HĐQT, các kiểm sát viên và Tổng giám đốc/Phó Tổng giám đốc: 7.1 Phối hợp hoạt động giữa HĐQT và Tổng giám đốc/Phó Tổng giám đốc: Đối với công tác tổ chức cuộc họp ĐHCĐ thường niên, HĐQT phải thông báo cho Tổng</p>	<p>Nội dung sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về QTCT lần này</p> <p>1. TGD là người chịu trách nhiệm xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh trình HĐQT xem xét, phê chuẩn; tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT. Khi phát hiện những vấn đề ảnh hưởng đến lợi ích của Công ty, TGD có trách nhiệm báo cáo với HĐQT để HĐQT có quyết định điều chỉnh.</p> <p>2. TGD là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của HĐQT; chịu trách nhiệm cá nhân trước HĐQT và trước pháp luật về việc thực hiện nhiệm vụ được giao.</p> <p>3. TGD có quyền từ chối thi hành và báo lưu ý kiến của mình đối với các quyết định của HĐQT nếu thấy trái với pháp luật và phải báo cáo ngay với HĐQT và BKS bằng văn bản nêu rõ các vấn đề liên quan. HĐQT có thể đình chỉ hoặc hủy bỏ việc thi hành quyết định của TGD nếu thấy trái với pháp luật, vi phạm Điều lệ công ty, nghị quyết và quyết định của HĐQT trên cơ sở tuân thủ quy định pháp luật và Điều lệ công ty.</p> <p>4. TGD có quyền quyết định vượt thẩm quyền của mình trong trường hợp khẩn cấp như thiên tai, hỏa hoạn nhưng phải báo cáo HĐQT chậm nhất tới đa ba (03) ngày sau khi xảy ra sự kiện đó và báo cáo trước ĐHCĐ gần nhất về các quyết định này trên cơ sở tuân thủ pháp luật và Điều lệ công ty.</p> <p>5. Trong trường hợp hoạt động kinh doanh của Công ty bị thua lỗ hoặc kém hiệu quả trong từng thời kỳ, TGD phải báo cáo và có kế hoạch khắc phục trình HĐQT. Trường hợp thua lỗ liên tục và không xây dựng được phương án tích cực khắc phục tình trạng thua lỗ, HĐQT có quyền bãi nhiệm TGD trên cơ sở tuân thủ pháp luật và Điều lệ công ty.</p> <p>Điều 66. Các vấn đề TGD phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho HĐQT, BKS</p> <p>1. TGD phải báo cáo, cung cấp thông tin và thông báo cho HĐQT, BKS bằng văn bản về:</p> <ol style="list-style-type: none"> Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh định kỳ hàng quý, 06 tháng và hàng năm; Kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm; Những vấn đề khác thuộc thẩm quyền quyết định của HĐQT. <p>đ) Báo cáo kết quả việc thực hiện các quyết định, nghị quyết của Hội đồng quản trị giao và những công việc do Điều lệ Công ty hoặc pháp luật quy định.</p> <p>2. Tổng giám đốc có nghĩa vụ thông báo cho HĐQT, BKS tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà TGD có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.</p>

Quy chế nội bộ về QTCT (sửa đổi lần thứ hai, áp dụng từ 28/05/2020)	Nội dung sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về QTCT lần này	Diễn giải	Lý do
<p>a. Giám đốc về việc phối hợp, sử dụng nguồn lực trong thời gian tổ chức cuộc họp DHDGD.</p> <p>b. Trong trường hợp cần thiết, HĐQT có quyền yêu cầu Tổng giám đốc/Phó Tổng giám đốc cung cấp các thông tin về hoạt động của công ty. HĐQT không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.</p> <p>c. Các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT phê duyệt theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty mà được Tổng giám đốc đề xuất phải được HĐQT phân hỏi trong vòng 7 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề xuất.</p> <p>d. Hội đồng quản quyết định khen thưởng hoặc kỷ luật đối với việc hoàn thành hoặc không hoàn thành thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của HĐQT đối với Tổng giám đốc/Phó Tổng giám đốc.</p> <p>9.7.2 Phối hợp hoạt động giữa BKS và Tổng giám đốc/Phó Tổng giám đốc:</p> <p>a. Trong các cuộc họp của BKS, BKS có quyền yêu cầu Tổng giám đốc/Phó Tổng giám đốc (cùng lúc yêu cầu cả thành viên HĐQT và kiểm toán viên độc lập) tham dự và trả lời các vấn đề mà các thành viên BKS quan tâm;</p> <p>b. Cuộc kiểm tra định kỳ, đột xuất của BKS phải có kết luận bằng văn bản (không trễ hơn 15 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc) gửi cho Tổng giám đốc để có thêm cơ sở giúp Tổng giám đốc trong công tác quản lý Công ty. Tùy theo mức độ và kết quả của cuộc kiểm tra trên, BKS cần phải bàn bạc thông nhất với Tổng giám đốc trước khi báo cáo trước DHDGD. Trường hợp không thống nhất quan điểm thì được ủy quyền báo lưu ý kiến ghi vào biên bản và Trường BKS có trách nhiệm báo cáo với DHDGD gần nhất;</p> <p>c. Trường hợp BKS phát hiện những hành vi vi</p>	<p>3. TGD có trách nhiệm cung cấp các thông tin liên quan đến hoạt động của công ty theo yêu cầu của Hội đồng quản trị. Ban kiểm soát và phủ hợp với quy định của pháp luật.</p> <p>4. Các báo cáo hoặc các tài liệu khác của Tổng giám đốc trình Hội đồng quản trị phải được gửi đến từng thành viên của Ban kiểm soát.</p> <p>Điều 67. Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị cho Ban kiểm soát, Tổng giám đốc/Phó Tổng giám đốc</p> <p>Tất cả nghị quyết của các cuộc họp của HĐQT sẽ được chuyển bản sao cho BKS, Tổng giám đốc và trong một số trường hợp cần thiết thì gửi cho Phó Tổng giám đốc trong vòng tối đa 03 ngày làm việc.</p> <p>Điều 68. Các trường hợp Tổng giám đốc và Ban kiểm soát đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị và những vấn đề cần xin ý kiến Hội đồng quản trị</p> <p>1. Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp HĐQT khi có một trong các trường hợp sau:</p> <p>a) Có đề nghị của BKS;</p> <p>b) Có đề nghị của TGD hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;</p> <p>c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên HĐQT.</p> <p>2. Người đề nghị triệu tập cuộc họp phải lập đề nghị bằng văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của HĐQT. Đề nghị và các tài liệu liên quan khác (nếu có) phải được gửi đến Chủ tịch HĐQT chậm nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày dự kiến triệu tập họp.</p> <p>3. Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 1 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp HĐQT theo đề nghị thì Chủ tịch HĐQT phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với công ty.</p> <p>4. Trường hợp Chủ tịch HĐQT không triệu tập họp theo quy định tại khoản 3 Điều này, người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch HĐQT triệu tập họp HĐQT.</p> <p>5. Thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo sử dụng tại cuộc họp thực hiện theo quy định tại Điều 58 của Điều lệ công ty.</p>		

Lý do	Diễn giải	Nội dung sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về QTCT lần này
		<p>Quy chế nội bộ về QTCT (sửa đổi lần thứ hai, áp dụng từ 28/05/2020)</p> <p>phạm pháp luật hoặc vi phạm điều lệ công ty của Tổng giám đốc/Phó Tổng giám đốc, BKS thông báo bằng văn bản với Tổng giám đốc/Phó Tổng giám đốc trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả đồng thời BKS có trách nhiệm báo cáo trước ĐHCĐ đồng thời công bố thông tin theo quy định của pháp luật hiện hành;</p> <p>Thành viên BKS có quyền yêu cầu Tổng giám đốc/Phó Tổng giám đốc tạo điều kiện tiếp cận hồ sơ, tài liệu liên quan đến hoạt động kinh doanh của công ty tại Trụ sở chính hoặc nơi lưu trữ hồ sơ;</p> <p>Đối với thông tin, tài liệu về quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh và báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính, văn bản yêu cầu của BKS phải được gửi đến Tổng giám đốc trước ít nhất 48 giờ. BKS không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan;</p> <p>Các nội dung khác cần xin ý kiến của Tổng giám đốc: phải được gửi trước ít nhất là 7 ngày làm việc và Tổng giám đốc sẽ phản hồi trong vòng 7 ngày làm việc.</p> <p>7.3 Phôi hợp giữa Tổng giám đốc và HĐQT, BKS: Tổng giám đốc là người quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hàng ngày của công ty mà không cần phải có quyết định của Hội đồng quản trị. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước ĐHCĐ và HĐQT về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu; Khi có đề xuất các biện pháp nhằm nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty, Tổng giám đốc gửi cho HĐQT tối thiểu 7 ngày làm việc</p>

Quy chế nội bộ về QTCT (sửa đổi lần thứ hai, áp dụng từ 28/05/2020)	Nội dung sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về QTCT lần này	Diễn giải	Lý do
<p>d. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để HĐQT thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động thôi việc, lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và cán bộ quản lý;</p> <p>e. Các nội dung khác cần xin ý kiến của HĐQT phải được gửi trước ít nhất là 7 ngày làm việc và HĐQT sẽ phản hồi trong vòng 7 ngày làm việc.</p>	<p>Điều 69. Các vấn đề Người điều hành phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thông báo cho HĐQT, BKS</p> <p>1. Người điều hành phải cáo cáo, cung cấp thông tin và thông báo cho HĐQT, BKS bằng văn bản về kết quả thực hiện các quyết định, nghị quyết của Hội đồng quản trị giao và những công việc do Điều lệ Công ty hoặc pháp luật quy định.</p> <p>2. Người điều hành có nghĩa vụ thông báo cho HĐQT, BKS tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà Người điều hành có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.</p> <p>3. Người điều hành có trách nhiệm cung cấp các thông tin liên quan đến hoạt động của công ty theo yêu cầu của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.</p> <p>Điều 70. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên HĐQT và Tổng giám đốc/Phó Tổng giám đốc/Người điều hành</p> <p>1. Các thành viên HĐQT, TGD, Phó TGD và Người điều hành phối hợp chặt chẽ, thường xuyên trao đổi trong công việc và cung cấp thông tin trên tinh thần hợp tác, hỗ trợ và tạo điều kiện thuận lợi để thực hiện các quyền và nhiệm vụ của các thành viên HĐQT cũng như của TGD, Phó TGD/Người điều hành theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật hiện hành.</p> <p>2. Khi phát hiện các vấn đề cấp bách thuộc trách nhiệm của TGD, Phó TGD hoặc Người điều hành, các thành viên HĐQT có thể trao đổi trực tiếp, qua điện thoại hoặc email hoặc theo phương thức khác với TGD, Phó TGD hoặc Người điều hành để giải quyết kịp thời.</p> <p>3. Ngoài các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hàng ngày của công ty thuộc thẩm quyền quyết định của TGD mà không cần phải có quyết định của HĐQT, TGD chịu trách nhiệm triển khai, tổ chức triển khai thực hiện các nghị quyết, quyết định của DHDCE, của HĐQT và phải báo cáo</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung</p>	<p>Phù hợp với LDN2020, Điều lệ công ty</p>

Quy chế nội bộ về QTCT (sửa đổi lần thứ hai, áp dụng từ 28/05/2020)	Nội dung sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về QTCT lần này	Diễn giải	Lí do
	<p>DHDCB, HĐQT khi được yêu cầu. HDQT có trách nhiệm kiểm tra, giám sát việc thực hiện này.</p> <p>4. Trong quá trình thực hiện các nghị quyết, quyết định của HDQT, nếu TGD, Phó TGD hoặc Người điều hành phát hiện thấy có vấn đề không có lợi cho Công ty thì phải thông báo kịp thời cho Chủ tịch HDQT biết để cùng phối hợp giải quyết.</p> <p>5. Đối với công tác tổ chức cuộc họp DHDCB thường niên, HDQT phải thông báo cho Tổng giám đốc về việc phối hợp, sử dụng nguồn lực trong thời gian tổ chức cuộc họp DHDCB.</p> <p>6. Trong trường hợp cần thiết, HDQT có quyền yêu cầu Tổng giám đốc/Phó Tổng giám đốc/Người điều hành cung cấp các thông tin về hoạt động của công ty. HDQT không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.</p> <p>7. Khi có đề xuất các biện pháp nhằm nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty, Tổng giám đốc gửi cho HDQT tối thiểu 7 ngày làm việc trước ngày nội dung đó cần được quyết định.</p> <p>8. Các vấn đề thuộc thẩm quyền của HDQT phê duyệt theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty mà được TGD đề xuất phải được HDQT phản hồi trong vòng 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề xuất. Các nội dung khác cần xin ý kiến của HDQT phải được gửi trước ít nhất là 05 ngày làm việc và HDQT sẽ phản hồi trong vòng 07 ngày làm việc.</p> <p>9. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để HDQT thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động thôi việc, lương và thang bậc lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và cán bộ quản lý.</p> <p>10. HDQT họp đánh giá, kiểm điểm đối với Tổng giám đốc về việc thực hiện các nghị quyết, quyết định và các vấn đề ủy quyền khác của HDQT; họp đánh giá, kiểm điểm đối với Phó TGD/Người điều hành về việc thực hiện các nghị quyết, quyết định và các vấn đề mà Hội đồng quản trị giao trực tiếp cho Phó TGD/Người điều hành. Việc kiểm điểm này được thực hiện thường xuyên hoặc đột xuất.</p> <p>11. Hội đồng quản trị quyết định khen thưởng hoặc kỷ luật đối với việc hoàn thành hoặc không hoàn thành thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của HDQT đối với Tổng giám đốc/Phó Tổng giám đốc/Người điều hành.</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung</p>	<p>Phù hợp với LDN2020, Điều lệ công ty</p>
	<p>Điều 71. Phối hợp hoạt động giữa BKS và Tổng giám đốc/Phó Tổng giám đốc/Người điều hành:</p> <p>1. Trong các cuộc họp của BKS, BKS có quyền yêu cầu Tổng giám đốc/Phó Tổng giám đốc/Người điều hành (cùng lúc yêu cầu cả thành viên HDQT và</p>		

Quy chế nội bộ về QTCT (sửa đổi lần thứ hai, áp dụng từ 28/05/2020)	Nội dung sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về QTCT lần này	Diễn giải	Lý do
	<p>kiểm toán viên độc lập) tham dự và trả lời các vấn đề mà các thành viên BKS quan tâm.</p> <p>2. Cuộc kiểm tra định kỳ, đột xuất của BKS phải có kết luận bằng văn bản (không trễ hơn 15 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc) gửi cho Tổng giám đốc để có thêm cơ sở giúp Tổng giám đốc trong công tác quản lý Công ty. Tùy theo mức độ và kết quả của cuộc kiểm tra trên, BKS cần phải bàn bạc thống nhất với Tổng giám đốc trước khi báo cáo trước DHDCCD. Trường hợp không thống nhất quan điểm thì được ủy quyền báo lưu ý kiến ghi vào biên bản và Trường BKS có trách nhiệm báo cáo với DHDCCD gần nhất.</p> <p>3. Trường hợp BKS phát hiện những hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm điều lệ công ty của Tổng giám đốc/Phó Tổng giám đốc/Người điều hành, BKS thông báo bằng văn bản với Tổng giám đốc/Phó Tổng giám đốc trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả đồng thời BKS có trách nhiệm báo cáo trước DHDCCD đồng thời công bố thông tin theo quy định của pháp luật hiện hành.</p> <p>4. Thành viên BKS có quyền yêu cầu Tổng giám đốc/Phó Tổng giám đốc/Người điều hành tạo điều kiện tiếp cận hồ sơ, tài liệu liên quan đến hoạt động kinh doanh của công ty tại Trụ sở chính hoặc nơi lưu trữ hồ sơ.</p> <p>5. Đối với thông tin, tài liệu về quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh và báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính, văn bản yêu cầu của BKS phải được gửi đến Tổng giám đốc trước ít nhất 48 giờ. BKS không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.</p> <p>6. Các nội dung khác cần xin ý kiến của Tổng giám đốc: phải được gửi trước ít nhất là 7 ngày làm việc và Tổng giám đốc sẽ phản hồi trong vòng 7 ngày làm việc.</p>		
<p>Điều 10. Quy định về đánh giá hàng năm đối với hoạt động khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc/Phó Tổng giám đốc và cán bộ quản lý và người lao động của Công ty:</p> <p>10.1 Đánh giá hàng năm đối với hoạt động đối với thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc/Phó Tổng giám đốc và cán bộ quản lý:</p> <p>a. Hàng năm, căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ</p>	<p>CHƯƠNG VIII. ĐÁNH GIÁ HÀNG NĂM ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG CỦA THÀNH VIÊN HĐQT, KIỂM SOÁT VIÊN, TGD VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP</p> <p>Điều 72. Đánh giá hàng năm đối với hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc/Phó Tổng giám đốc và cán bộ quản lý</p> <p>1. Hàng năm, căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được phân công, Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên, TGD tổ chức đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ phân công của từng thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên và Tổng giám đốc/Phó Tổng giám đốc/Người điều hành theo phân cấp quản lý.</p> <p>2. Quá trình đánh giá phải khách quan, trung thực và dựa trên các tiêu chí cần thiết và phù hợp với nhiệm vụ của từng thành viên. Kết quả đánh giá làm</p>	<p>Bổ sung chương</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung</p>

Lý do	Điều giải	Nội dung sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về QTCT lần này	Quy chế nội bộ về QTCT (sửa đổi lần thứ hai, áp dụng từ 28/05/2020)
		<p><i>trước phải được lưu tại và làm cơ sở cho lần đánh giá tiếp theo.</i></p> <p>3. Tiêu chí đánh giá hoạt động đối với thành viên HĐQT, Kiểm soát viên tối thiểu bao gồm nhưng không giới hạn bởi những nội dung sau:</p> <p>a) Khả năng quản trị công ty;</p> <p>b) Số lần tham dự các kỳ họp chính thức và bất thường;</p> <p>c) Mức độ hoàn thành công việc được giao;</p> <p>d) Số lần vi phạm kỷ luật.</p> <p>4. Tiêu chí đánh giá hoạt động đối với TGD, Phó TGD, Người điều hành tối thiểu bao nhưng không giới hạn bởi những nội dung sau:</p> <p>a) Khả năng điều hành;</p> <p>b) Hiệu quả kinh doanh;</p> <p>c) Mức độ hoàn thành công việc được giao;</p> <p>d) Số lần vi phạm kỷ luật.</p> <p>5. Tổng giám đốc chủ trì tổ chức đánh giá cán bộ quản lý cấp trưởng, phó phòng, ban Công ty, giám đốc, phó giám đốc các xí nghiệp, trung tâm, đơn vị thuộc công ty trên cơ sở căn cứ vào Quy chế hoạt động của Công ty và kết quả hoạt động hàng năm của từng bộ phận/đơn vị của toàn công ty để phân loại đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ như sau:</p> <p>i. Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.</p> <p>ii. Hoàn thành nhiệm vụ.</p> <p>iii. Chưa hoàn thành nhiệm vụ.</p>	<p>được phân công, Hội đồng Quản trị tổ chức đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ phân công của từng thành viên Hội đồng Quản trị và Tổng giám đốc/Phó Tổng giám đốc.</p> <p>Trưởng Ban Kiểm soát tổ chức đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ phân công của từng ủy viên Ban Kiểm soát.</p> <p>Tổng giám đốc và các Phó Tổng giám đốc tổ chức đánh giá cán bộ quản lý trong công ty trên cơ sở căn cứ vào Quy chế hoạt động của Công ty và kết quả hoạt động hàng năm của từng bộ phận/đơn vị của đơn vị công ty để phân loại đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ như sau:</p> <p>Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.</p> <p>Hoàn thành nhiệm vụ.</p> <p>i. Chưa hoàn thành nhiệm vụ.</p> <p>0.2 Khen thưởng:</p> <p>Hội đồng Quản trị họp xét mức khen thưởng và cấp thưởng với các cá nhân theo mức độ hoàn thành nhiệm vụ như sau:</p> <p>1. Nguồn kinh phí khen thưởng được trích từ Quỹ khen thưởng phúc lợi Công ty.</p> <p>Mức khen thưởng: Căn cứ vào tình hình thực tế của từng năm để xây dựng mức khen thưởng cụ thể.</p> <p>0.3 Xử lý vi phạm và kỷ luật:</p> <p>Hàng năm, căn cứ vào kết quả đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh để xác định mức độ và hình thức kỷ luật theo quy định của pháp luật và của công ty. Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng giám đốc/Phó Tổng giám đốc và cán bộ quản lý không hoàn thành nhiệm vụ của mình với sự can trọng, miễn cưỡng và năng lực chuyên môn sẽ phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do mình gây ra.</p> <p>Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng giám đốc/Phó Tổng giám đốc và cán bộ quản lý khi thực hiện nhiệm vụ mà có hành vi vi phạm quy định pháp luật và quy định của công ty thì tùy theo mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính, hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp</p>

Quy chế nội bộ về QTCT (sửa đổi lần thứ hai, áp dụng từ 28/05/2020) luật. Trường hợp gây thiệt hại đến lợi ích của Công ty, cổ đông hoặc người khác thì bồi thường theo quy định của pháp luật.	Nội dung sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về QTCT lần này	Diễn giải	Lí do
	<p>Điều 73. Khen thưởng</p> <p>1. Hội đồng Quản trị hợp xét mức khen thưởng đối với các cá nhân theo mức độ hoàn thành nhiệm vụ.</p> <p>2. Hình thức khen thưởng:</p> <p>a) Bằng khen;</p> <p>b) Bằng tên;</p> <p>c) Hình thức khác.</p> <p>3. Nguồn kinh phí khen thưởng được trích từ Quỹ khen thưởng phúc lợi Công ty.</p> <p>4. Mức khen thưởng: Căn cứ <i>kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình thực tế của từng năm để xây dựng mức khen thưởng cụ thể.</i></p>	Sửa đổi, bổ sung	
	<p>Điều 74. Xử lý vi phạm và kỷ luật</p> <p>1. Hàng năm, căn cứ vào kết quả đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh để xác định mức độ và hình thức kỷ luật theo quy định của pháp luật và của Công ty. Thành viên Hội đồng Quản trị, <i>Kiểm soát viên</i>, Tổng giám đốc/Phó Tổng giám đốc và cán bộ quản lý không hoàn thành nhiệm vụ của mình với sự <i>thiếu</i> cẩn trọng, mẫn cán và năng lực chuyên môn sẽ phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do mình gây ra.</p> <p>2. Thành viên Hội đồng Quản trị, <i>Kiểm soát viên</i>, Tổng giám đốc/Phó Tổng giám đốc và cán bộ quản lý khi thực hiện nhiệm vụ mà có hành vi vi phạm quy định pháp luật và quy định của công ty thì tùy theo mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính, hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật. Trường hợp gây thiệt hại đến lợi ích của Công ty, cổ đông hoặc người khác thì bồi thường theo quy định của pháp luật.</p> <p>3. <i>Một số vi phạm kỷ luật chủ yếu:</i></p> <p>a) <i>Vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ và trách nhiệm của mình;</i></p> <p>b) <i>Lạm dụng quyền, chức vụ ra quyết định vượt quá thẩm quyền gây thiệt hại cho công ty;</i></p> <p>c) <i>Vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, các quy chế quy định nội bộ của công ty;</i></p> <p>4. Các hình thức kỷ luật:</p> <p>a) <i>Kiểm trách, cảnh cáo;</i></p> <p>b) <i>Kỷ luật;</i></p> <p>c) <i>Miễn nhiệm, bãi nhiệm, sa thải;</i></p> <p>d) <i>Các hình thức khác theo quy định của pháp luật về lao động. Điều lệ công</i></p>	Sửa đổi, bổ sung	

Quy chế nội bộ về QTCT (sửa đổi lần thứ hai, áp dụng từ 28/05/2020)	Nội dung sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về QTCT lần này	Diễn giải	Lí do
	<p>ty, quy chế, quy định, nội quy của công ty và các thỏa thuận trong hợp đồng lao động.</p> <p>5. Ngoài ra, người bị xử lý kỷ luật phải hoàn trả lại, bồi thường thiệt hại cho Công ty khoản lợi ích mà mình hưởng lợi từ hành vi vượt quá thẩm quyền mà mình đã thực hiện và/hoặc hành vi vi phạm pháp luật.</p>		
	<p>CHƯƠNG IX. NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ CÔNG TY</p> <p>Điều 75. Tiêu chuẩn của Người phụ trách quản trị công ty</p> <p>1. Người phụ trách quản trị Công ty do HĐQT bổ nhiệm và phải là người có hiểu biết về pháp luật, không được đồng thời làm việc cho công ty kiêm toàn độc lập đang thực hiện kiêm toàn báo cáo tài chính của Công ty và phải đáp ứng các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và quyết định của HĐQT.</p> <p>2. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm Thư ký công ty theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.</p>	<p>Bổ sung chương</p> <p>Bổ sung</p>	<p>Phù hợp với LDN2020, Điều lệ mẫu theo TT116/2020</p>
	<p>Điều 76. Bổ nhiệm Người phụ trách quản trị công ty</p> <p>1. Chủ tịch HĐQT bổ nhiệm ít nhất một (01) người làm các nhiệm vụ của Người phụ trách quản trị công ty và quyết định miễn nhiệm người đó. Trường hợp không bổ nhiệm người phụ trách quản trị công ty, Chủ tịch HĐQT sẽ đồng thời là người phụ trách quản trị công ty.</p> <p>2. Người phụ trách quản trị công ty bị miễn nhiệm, bãi nhiệm theo quy định tương tự đối với thành viên HĐQT, TGD/Phó TGD/Người điều hành.</p> <p>3. Quyền, nhiệm vụ của Người phụ trách quản trị công ty:</p> <p>a) Chấp hành nghiêm túc các nội quy, quy định, quy chế, Điều lệ công ty và các quy định của pháp luật;</p> <p>b) Tư vấn HĐQT trong việc tổ chức họp ĐHQĐ theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;</p> <p>c) Tư vấn về thủ tục các cuộc họp; Sắp xếp lịch họp thường kỳ và bất thường của HĐQT, ĐHQĐ, tư vấn về việc tổ chức và huy động các nguồn lực từ các đơn vị trực thuộc công ty hỗ trợ để cuộc họp thành công; Chuẩn bị các cuộc họp HĐQT theo yêu cầu của HĐQT;</p> <p>d) Cung cấp thông tin cho thành viên HĐQT; Chuẩn bị tài liệu và cung cấp các tài liệu cho các thành viên HĐQT để phục vụ các cuộc họp hoặc xin ý kiến các thành viên HĐQT;</p> <p>đ) Ghi chép biên bản, nội dung các cuộc họp, làm việc, đàm phán của HĐQT;</p> <p>e) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết, quyết định của HĐQT phù hợp với quy định của pháp luật; Soạn thảo các văn bản, nghị quyết, quyết định của HĐQT; giúp Chủ tịch HĐQT theo dõi, tổng hợp, các cáo kết quả thực hiện</p>	<p>Bổ sung</p>	<p>Phù hợp với LDN2020, Điều lệ mẫu theo TT116/2020</p>

Quy chế nội bộ về QTCT (sửa đổi lần thứ hai, áp dụng từ 28/05/2020)	Nội dung sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về QTCT lần này	Diễn giải	Lý do
	<p>các nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT;</p> <p>g) Cung cấp và thông báo cho các đối tượng liên quan về các nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT theo quy định của Điều lệ công ty;</p> <p>h) Có quyền yêu cầu và được trực tiếp làm việc với các cán bộ, nhân viên của Công ty và các cơ quan, đơn vị khác để giải quyết công việc trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn được giao; Chịu trách nhiệm trước HĐQT về công việc được giao;</p> <p>l) Giám sát và báo cáo HĐQT về hoạt động, công bố thông tin của công ty;</p> <p>k) Bảo mật thông tin, không được cung cấp thông tin và tài liệu nếu không có sự cho phép của HĐQT;</p> <p>l) Thực hiện các công việc khác do Chủ tịch HĐQT giao.</p>		
	<p>Điều 77. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Người phụ trách quản trị công ty</p> <p>Việc thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Người phụ trách quản trị công ty thực hiện tương tự quy định đối với thành viên HĐQT, thành viên BKS.</p>	Bổ sung	Phù hợp với LDN2020, Điều lệ công ty
	<p>CHƯƠNG X. NGÂN NGŨA XUNG ĐỘT LỢI ÍCH VÀ GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN CÓ QUYỀN LỢI LIÊN QUAN ĐẾN CÔNG TY</p> <p>Điều 78. Trách nhiệm trung thực và trình các xung đột về quyền lợi của thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, TGD và người điều hành khác</p> <p>1. Thành viên HĐQT, BKS, Ban TGD, người điều hành, người nội bộ của Công ty và người có liên quan của người nội bộ không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.</p> <p>2. Thành viên HĐQT, thành viên BKS, thành viên Ban TGD, người điều hành, người nội bộ của Công ty có nghĩa vụ thông báo cho HĐQT, BKS về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, doanh nghiệp mà Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do ĐHĐCĐ hoặc HĐQT chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin. Những đối tượng này được tiếp tục thực hiện hợp đồng, giao dịch khi có sự chấp thuận của ĐHĐCĐ hoặc HĐQT theo phân cấp quy định tại Điều lệ công ty.</p> <p>3. Công ty không được cung cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho cổ đông là cá nhân và người có liên quan của cổ đông đó là cá nhân.</p> <p>4. Công ty không được cung cấp khoản vay hoặc bảo lãnh cho cổ đông là tổ</p>	Bổ sung	Phù hợp với LDN2020, LCK2019, Điều lệ công ty

Quy chế nội bộ về QTCT (sửa đổi lần thứ hai, áp dụng từ 28/05/2020)	Nội dung sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về QTCT lần này	Diễn giải	Lí do
	<p>chức và người có liên quan của cổ đông đó là cá nhân.</p> <p>5. Công ty không được cung cấp khoản vay hoặc bảo lãnh cho người có liên quan của cổ đông là tổ chức, trừ các trường hợp sau đây:</p> <p>a) Công ty và tổ chức là người có liên quan của cổ đông là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và giao dịch này phải được ĐHĐCĐ hoặc HĐQT thông qua theo quy định tại Điều lệ công ty;</p> <p>b) Trường hợp pháp luật có quy định khác.</p> <p>6. Công ty chỉ được thực hiện các giao dịch sau đây khi đã được ĐHĐCĐ chấp thuận:</p> <p>a) Cấp khoản vay hoặc bảo lãnh cho thành viên HĐQT, thành viên BKS, TGD, người quản lý khác không phải là cổ đông và những cá nhân, tổ chức có liên quan của các đối tượng này;</p> <p>Trường hợp cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho tổ chức có liên quan của thành viên HĐQT, thành viên BKS, TGD, người quản lý khác mà Công ty và tổ chức đó là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế, ĐHĐCĐ hoặc HĐQT thông qua theo quy định tại Điều lệ công ty;</p> <p>b) Giao dịch có giá trị từ 35% trở lên hoặc giao dịch dân đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản ghi trong báo cáo tài chính gần nhất giữa Công ty với một trong các đối tượng sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng giám đốc, người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này; - Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ; - Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp; <p>c) Hợp đồng, giao dịch vay, bán tài sản có giá trị hơn 10% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa Công ty với cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó.</p> <p>7. HĐQT chấp thuận các hợp đồng, giao dịch tại điểm c, khoản 6 Điều này có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất.</p> <p>8. Thành viên HĐQT không được biểu quyết đối với các hợp đồng, giao dịch mà thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó tham gia, kể cả trong trường hợp lợi ích của thành viên HĐQT trong hợp đồng, giao dịch này chưa được xác định và cho dù đó là lợi ích vật chất hay phi vật chất. Các</p>		

Quy chế nội bộ về QTCT (sửa đổi lần thứ hai, áp dụng từ 28/05/2020)	Nội dung sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về QTCT lần này	Diễn giải	Lí do
	<p>hợp đồng, giao dịch nêu trên phải được trình bày thuyết minh báo cáo tài chính cùng kỳ và được công bố trong Báo cáo thường niên.</p> <p>9. Thành viên HĐQT, thành viên BKS, thành viên Ban TGD, người điều hành, người nội bộ của Công ty hoặc người có liên quan với các đối tượng trên không được sử dụng các thông tin chưa được công bố của công ty để tiết lộ cho người khác hoặc để tự mình tiến hành các giao dịch có liên quan.</p> <p>10. Các hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với thành viên HĐQT, thành viên BKS, thành viên Ban TGD, người điều hành, người nội bộ của Công ty thực hiện theo quy định tại Điều lệ công ty và quy định của pháp luật.</p>		
	<p>Điều 79. Giao dịch với người có liên quan</p> <p>1. Khi tiến hành hợp đồng, giao dịch với những người có liên quan, Công ty phải ký kết hợp đồng bằng văn bản theo nguyên tắc bình đẳng, tự nguyện. Nội dung hợp đồng phải rõ ràng, cụ thể. Các điều khoản ký kết, bổ sung sửa đổi, thời hạn hiệu lực, giá cả cũng như căn cứ xác định giá cả của hợp đồng phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật.</p> <p>2. Công ty phải áp dụng các biện pháp cần thiết để ngăn ngừa những người có liên quan tiến hành các giao dịch làm thất thoát vốn, tài sản hoặc các nguồn lực khác của Công ty. Công ty không cung cấp những đảm bảo về tài chính cho các cổ đông và những người có liên quan.</p> <p>3. Công ty áp dụng các biện pháp cần thiết để ngăn ngừa cổ đông và những người có liên quan tiến hành các giao dịch làm thất thoát vốn, tài sản hoặc các nguồn lực khác của Công ty. Công ty không cung cấp những đảm bảo về tài chính cho các cổ đông và những người có liên quan.</p>	Bổ sung	Phù hợp với LDN2020, LCK2019, Điều lệ công ty
	<p>Điều 80. Đảm bảo quyền hợp pháp của những người có quyền lợi liên quan</p> <p>1. Công ty tôn trọng quyền lợi hợp pháp của những người có quyền lợi liên quan đến công ty theo quy định của pháp luật hiện hành và Điều lệ công ty, có trách nhiệm với cộng đồng, tuân thủ các quy định pháp luật về lao động, môi trường và xã hội.</p> <p>2. Công ty hợp tác tích cực với những người có quyền lợi liên quan đến công ty thông qua việc:</p> <p>a) Cung cấp đầy đủ, kịp thời, chính xác các thông tin cần thiết để họ có thể đánh giá về tình hình hoạt động và tài chính của Công ty và đưa ra quyết định;</p> <p>b) Khuyến khích họ đưa ra ý kiến về tình hình hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính và các quyết định quan trọng liên quan tới lợi ích của họ thông qua liên hệ trực tiếp với HĐQT, BKS và Ban TGD.</p>	Bổ sung	Phù hợp với LDN2020, LCK2019, Điều lệ công ty
	<p>CHƯƠNG XI. ĐÀO TẠO VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY</p>	Bổ sung chương	
	<p>Điều 81. Đào tạo về quản trị công ty</p> <p>Thành viên HĐQT, thành viên BKS, Ban TGD, người điều hành và cán bộ</p>	Bổ sung	Phù hợp với LDN2020, LCK2019, Điều lệ công ty

Quy chế nội bộ về QTCT (sửa đổi lần thứ hai, áp dụng từ 28/05/2020)	Nội dung sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về QTCT lần này	Diễn giải	Lí do
	<p>quản lý của Công ty là những người đã tốt nghiệp hoặc được tạo điều kiện tham gia các khóa đào tạo cơ bản về quản trị công ty do các cơ sở đào tạo có chương trình đào tạo, tập huấn liên quan đến quản trị công ty tổ chức.</p> <p>CHƯƠNG XII. CÔNG KHAI LỢI ÍCH LIÊN QUAN</p> <p>Điều 82. Công khai các lợi ích liên quan</p> <p>Việc công khai lợi ích và người có liên quan của công ty thực hiện theo quy định sau đây:</p> <p>1. Công ty phải tập hợp và cập nhật danh sách những người có liên quan của công ty theo quy định tại khoản 23 Điều 4 của Luật Doanh nghiệp và các hợp đồng, giao dịch tương ứng của họ với công ty, cụ thể người có liên quan là cá nhân, tổ chức có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với doanh nghiệp trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a) Công ty mẹ, người quản lý và người đại diện theo pháp luật của công ty mẹ và người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý của công ty mẹ;</p> <p>b) Công ty con, người quản lý và người đại diện theo pháp luật của công ty con;</p> <p>c) Cá nhân, tổ chức hoặc nhóm cá nhân, tổ chức có khả năng chi phối hoạt động của doanh nghiệp đó thông qua sở hữu, đầu tư cổ phần, phân vốn góp hoặc thông qua việc ra quyết định của công ty;</p> <p>d) Người quản lý doanh nghiệp, người đại diện theo pháp luật, Kiểm soát viên;</p> <p>đ) Vợ, chồng, bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, bố vợ, mẹ vợ, con đẻ, con nuôi, con rể, con dâu, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của người quản lý công ty, người đại diện theo pháp luật, Kiểm soát viên, thành viên và cổ đông sở hữu phần vốn góp hay cổ phần chi phối;</p> <p>e) Cá nhân là người đại diện theo ủy quyền của công ty, tổ chức quy định tại các điểm a, b và c khoản này;</p> <p>g) Doanh nghiệp trong đó cá nhân, công ty, tổ chức quy định tại các điểm a, b, c, d, đ và e khoản này có sở hữu đến mức chi phối việc ra quyết định của công ty;</p> <p>h) Các trường hợp khác theo quy định tại Khoản 46 Điều 4 của Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 (Luật chứng khoán 2019).</p> <p>2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người quản lý khác của công ty phải kê khai cho công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:</p> <p>a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần;</p>	<p>ty</p> <p>Bổ sung chương Bổ sung</p>	<p>Phù hợp với LDN2020, LCK2019, Điều lệ công ty</p>

Nội dung sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về QTCT lần này

Diễn giải

Lý do

Từ lệ và thời điểm làm chủ, số hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;
b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà người có liên quan của họ làm chủ, cũng số hưu hoặc số hưu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ;
3. Việc kê khai quy định tại khoản 2 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng;
4. Việc lưu giữ, công khai, xem xét, trích lục, sao chép danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này được thực hiện như sau:
a) Công ty phải thông báo danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan cho Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên;
b) Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được lưu giữ tại trụ sở chính của doanh nghiệp; trường hợp cần thiết có thể lưu giữ một phần hoặc toàn bộ nội dung danh sách nói trên tại các chi nhánh của công ty;
c) Cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác có quyền xem xét, trích lục và sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai;
d) Công ty phải tạo điều kiện để những người quy định tại điểm c khoản này tiếp cận, xem xét, trích lục, sao chép danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan một cách nhanh nhất, thuận lợi nhất; không được ngăn cản, gây khó khăn đối với họ trong thực hiện quyền này. Trình tự, thủ tục xem xét, trích lục, sao chép nội dung kê khai người có liên quan và lợi ích có liên quan được thực hiện theo quy định tại Điều lệ công ty;
5. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị. Ban kiểm soát và chi được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tài có thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về công ty.
6. Công ty có trách nhiệm áp dụng các hiện pháp cần thiết để ngăn ngừa thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người quản lý khác của công ty, cổ đông và những người có liên quan can thiệp vào hoạt động của công ty, gây tổn hại cho lợi ích của công ty; quản thủ các quy định về giao dịch với cổ đông, người quản lý doanh nghiệp và người có liên quan của các đối tượng này; bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của người có quyền

Quy chế nội bộ về QTCT (sửa đổi lần thứ hai, áp dụng từ 28/05/2020)	Nội dung sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về QTCT lần này	Diễn giải	Lí do
	<p><i>lợi liên quan đến công ty.</i></p> <p>Điều 83. Trách nhiệm của người quản lý công ty</p> <p>1. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác có trách nhiệm sau đây:</p> <p>a) Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của công ty;</p> <p>b) Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích của công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;</p> <p>c) Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho công ty về nội dung quy định tại khoản 2 Điều 82 của Điều lệ công ty;</p> <p>d) Trách nhiệm khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.</p> <p>2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới đến bù lợi ích bị mất, trả lại lợi ích đã nhận và bồi thường toàn bộ thiệt hại cho công ty và bên thứ ba.</p>	<p><i>Bổ sung</i></p>	<p>Phù hợp với LDN2020, LCK2019, Điều lệ công ty</p>
	<p>Điều 84. Quyền khởi kiện đối với thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, TGD và người quản lý công ty</p> <p>1. Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần phổ thông có quyền tự mình hoặc nhân danh công ty khởi kiện trách nhiệm cá nhân, trách nhiệm liên đới đối với các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc để yêu cầu hoàn trả lợi ích hoặc bồi thường thiệt hại cho công ty hoặc người khác trong trường hợp sau đây:</p> <p>a) Vi phạm trách nhiệm của người quản lý công ty theo quy định tại Điều 83 của Điều lệ công ty;</p> <p>b) Không thực hiện, thực hiện không đầy đủ, thực hiện không kịp thời hoặc thực hiện trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ công ty, nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đối với quyền và nghĩa vụ được giao;</p> <p>c) Lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;</p> <p>d) Trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.</p> <p>2. Trình tự, thủ tục khởi kiện thực hiện theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Chi phí khởi kiện trong trường hợp cổ đông, nhóm cổ đông</p>	<p><i>Bổ sung</i></p>	<p>Phù hợp với LDN2020, LCK2019, Điều lệ công ty</p>

Quy chế nội bộ về QTCT (sửa đổi lần thứ hai, áp dụng từ 28/05/2020)	Nội dung sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về QTCT lần này	Diễn giải	Lí do
	<p>khởi kiện nhân danh công ty được tính vào chi phí của công ty, trừ trường hợp bị bác yêu cầu khởi kiện.</p> <p>3. Cổ đông, nhóm cổ đông theo quy định tại Điều này có quyền xem xét, tra cứu, trích lục thông tin cần thiết theo quyết định của Tòa án, Trọng tài trước hoặc trong quá trình khởi kiện.</p> <p>Điều 85. Chấp thuận hợp đồng, giao dịch giữa công ty và người có liên quan</p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận hợp đồng, giao dịch giữa công ty với người có liên quan sau đây:</p> <p>a) Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của công ty và người có liên quan của họ;</p> <p>b) Thành viên Hội đồng quản trị. Tổng giám đốc và người có liên quan của họ;</p> <p>c) Doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người quản lý khác của công ty phải kê khai theo quy định tại khoản 2 Điều 82 của Điều lệ công ty.</p> <p>2. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch theo quy định khoản 1 Điều này và có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất. Trường hợp này, người đại diện công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị. Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo. Thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.</p> <p>3. Đại hội đồng cổ đông chấp thuận hợp đồng, giao dịch sau đây:</p> <p>a) Hợp đồng, giao dịch khác ngoài hợp đồng, giao dịch quy định tại khoản 2 Điều này;</p> <p>b) Hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất giữa công ty và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó.</p> <p>4. Trường hợp chấp thuận hợp đồng, giao dịch theo quy định tại khoản 3 Điều này, người đại diện công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên về đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị trình dự thảo hợp đồng, giao dịch hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của hợp đồng, giao dịch tại cuộc</p>	Bổ sung	Phù hợp với LDN2020, LCK2019, Điều lệ công ty

Quy chế nội bộ về QTCT (sửa đổi lần thứ hai, áp dụng từ 28/05/2020)	Nội dung sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về QTCT lần này	Diễn giải	Lí do
	<p>hợp Đạt hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Trường hợp này, cổ đông có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết; hợp đồng, giao dịch được chấp thuận theo quy định tại khoản 2 và khoản 6 Điều 48 của Điều lệ công ty.</p> <p>5. Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu theo quyết định của Tòa án và xử lý theo quy định của pháp luật khi được ký kết không đúng với quy định tại Điều này; người ký kết hợp đồng, giao dịch, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị hoặc Tổng giám đốc có liên quan phải liên đới bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho công ty khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.</p> <p>6. Công ty phải công khai hợp đồng, giao dịch có liên quan theo quy định của pháp luật có liên quan.</p>		
	<p>CHƯƠNG XIII. CÔNG BỐ THÔNG TIN VÀ MINH BẠCH</p> <p>Điều 86. Công bố thông tin thường xuyên, bất thường</p> <p>1. Công ty có nghĩa vụ công bố đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin định kỳ và bất thường về tình hình hoạt động kinh doanh, tài chính và tình hình quản trị công ty cho cổ đông và công chúng đầu tư. Thông tin và cách thức công bố thông tin được thực hiện theo quy định của pháp luật, Điều lệ lệ công ty. Ngoài ra, Công ty sẽ công bố kịp thời và đầy đủ các thông tin khác nếu các thông tin đó có khả năng ảnh hưởng đến giá chứng khoán và ảnh hưởng đến quyết định của cổ đông và nhà đầu tư.</p> <p>2. Việc công bố thông tin được thực hiện theo những phương thức nhằm đảm bảo cổ đông và nhà đầu tư có thể tiếp cận một cách công bằng và kịp thời. Ngôn từ trong công bố thông tin cần rõ ràng, dễ hiểu và tránh gây hiểu lầm cho cổ đông và nhà đầu tư.</p> <p>3. Ngoài các trách nhiệm theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin, thành viên HĐQT, thành viên BKS, TGD có trách nhiệm báo cáo HĐQT, BKS trong các trường hợp sau:</p> <p>a) Các giao dịch giữa Công ty với công ty mà các đối tượng trên là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.</p> <p>b) Các giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó người có liên quan của các đối tượng trên là thành viên HĐQT, TGD hoặc cổ đông lớn.</p>	<p>Bổ sung chương</p> <p>Bổ sung</p>	<p>Phù hợp với LDN2020, LCK2019, Điều lệ công ty</p>
	<p>Điều 87. Công bố thông tin về tình hình quản trị công ty</p> <p>1. Công ty công bố thông tin về tình hình quản trị công ty trong các kỳ họp ĐHĐCĐ thường niên, trong báo cáo thường niên của Công ty, tối thiểu phải bao gồm những thông tin sau:</p> <p>a) Thành viên và cơ cấu của HĐQT, BKS;</p>	<p>Bổ sung</p>	<p>Phù hợp với LDN2020, LCK2019, Điều lệ công ty</p>

Quy chế nội bộ về QTCT (sửa đổi lần thứ hai, áp dụng từ 28/05/2020)	Nội dung sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về QTCT lần này	Diễn giải	Lý do
	<p>b) Hoạt động của HĐQT BKS;</p> <p>c) Hoạt động của thành viên độc lập HĐQT (nếu có);</p> <p>d) Hoạch kế hoạch để tăng cường hiệu quả hoạt động quản trị Công ty;</p> <p>e) Thù lao và chi phí cho thành viên HĐQT, BKS, Ban TGD (phải được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty)</p> <p>g) Thông tin về các giao dịch có phiêu Công ty của người nội bộ, cổ đông lớn và các giao dịch khác của người nội bộ và những người có liên quan tới các đối tượng nói trên;</p> <p>h) Số lượng thành viên HĐQT, BKS, Ban TGD đã tham gia đào tạo về quản trị công ty;</p> <p>l) Những điểm chưa thực hiện theo quy định của Quy chế, nguyên nhân và giải pháp;</p> <p>k) Các thông tin khác theo quy định của pháp luật.</p> <p>2. Công ty có nghĩa vụ báo cáo và công bố thông tin về tình hình quản trị công ty định kỳ 06 tháng theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.</p> <p>3. Công ty có nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định của Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán và Điều lệ công ty.</p>	Bổ sung	Phù hợp với LDN2020, LCK2019, Điều lệ công ty
	<p>Điều 88. Công bố thông tin của các cổ đông lớn</p> <p>Việc công bố thông tin của cổ đông lớn, nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của công ty; công bố thông tin của người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ phải thực hiện theo quy định của Luật chứng khoán và Điều lệ công ty.</p> <p>Điều 89. Tổ chức công bố thông tin</p> <p>1. Công ty xây dựng và ban hành quy chế về công bố thông tin theo quy định của Luật chứng khoán và các văn bản hướng dẫn.</p> <p>2. Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền công bố thông tin của Công ty có trách nhiệm sau:</p> <p>a) Công bố các thông tin của công ty với công chúng đầu tư theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;</p> <p>b) Công khai tên, số điện thoại làm việc để có thông tin để dễ dàng liên hệ.</p> <p>3. Công ty phải công bố thông tin trên trang điện tử của công ty đồng thời với việc công bố trên phương tiện của UBNCNN và các cơ quan có thẩm quyền khác theo quy định của pháp luật.</p>	Bổ sung	Phù hợp với LDN2020, LCK2019, Điều lệ công ty
	<p>CHƯƠNG XIV. CHẾ ĐỘ BÁO CÁO, GIÁM SÁT VÀ XỬ LÝ VI PHẠM</p> <p>Điều 90. Chế độ báo cáo</p> <p>Công ty có nghĩa vụ báo cáo và công bố thông tin định kỳ, thông tin bất</p>	Bổ sung chương Bổ sung	Phù hợp với LDN2020, LCK2019, Điều lệ công

Quy chế nội bộ về QTCT (sửa đổi lần thứ hai, áp dụng từ 28/05/2020)	Nội dung sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về QTCT lần này	Diễn giải	Lí do
	<p>thường về tình hình hoạt động sản xuất, kinh doanh, tài chính, tình hình quản trị công ty cho cổ đông, công chúng và các thông tin khác nếu thông tin đó có khả năng ảnh hưởng đến giá chứng khoán, quyết định của cổ đông và nhà đầu tư theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty.</p> <p>Điều 91. Chế độ giám sát Công ty, các cá nhân và tổ chức liên quan và các cổ đông Công ty phải chịu sự giám sát về quản trị Công ty của UBCKNN và các cơ quan có thẩm quyền khác theo quy định của pháp luật.</p>	<p>ty</p>	<p>Phù hợp với LDN2020, LCK2019, Điều lệ công ty</p>
	<p>Điều 92. Theo dõi và kiểm soát rủi ro của HĐQT</p> <p>1. HĐQT thiết lập các tiêu chuẩn, xây dựng hệ thống Quy chế, Quy trình quản trị và Nội quy chi tiết cho từng Bộ phận/Vị trí làm việc và các nhánh việc. Quy chế và Quy trình quản trị nội bộ ngoài việc tối ưu trải nghiệm nhân viên, để đảm bảo thực hiện, tinh gọn để tối ưu hiệu suất thì còn cần để đăng phát hiện lỗi khi có vấn đề xảy ra.</p> <p>2. Tổ chức đào tạo, tập huấn và giao tiếp định kỳ về nội dung, tinh thần của Quy chế, Chính sách nội bộ nhằm đảm bảo rằng các Bộ phận/Vị trí/Nhân sự đều hiểu biết đầy đủ về những việc mình phải làm/nên làm/không được làm.</p> <p>3. Xây dựng các chính sách khuyến khích và kỷ luật phù hợp để thúc đẩy và thực thi các Chính sách nội bộ của Doanh nghiệp.</p> <p>4. Xây dựng văn hóa doanh nghiệp và các Quy tắc ứng xử phù hợp để ngăn chặn các hành vi trù thủ, mâu thuẫn giữa các Nhân sự/Bộ phận với Bộ phận/Chuyên viên kiểm soát tuân thủ.</p> <p>5. Các tạo Quy chế/Chính sách nội bộ không ngừng trên cơ sở phát hiện và đánh giá lỗi đã hình thành để giám thiêu khả năng phát sinh lỗi tương đương trong quy trình.</p> <p>6. Bộ phận có chức năng kiểm soát cũng phải được trao các nguồn lực đầy đủ và các quyền hạn phù hợp để truy cập vào các sổ sách, tài liệu, báo cáo, hồ sơ của nhân viên và các bộ phận có liên quan tương ứng với phân phạm vi kiểm soát được giao phó.</p> <p>7. Xây dựng khung và quy trình quản trị rủi ro như (i) nhận định/dự báo các rủi ro; (ii) xác định rủi ro; (iii) Đo lường thông qua đánh giá sức ảnh hưởng của rủi ro; (iv) Xác định xác suất rủi ro xảy ra trên cơ sở các hành động hiện tại; (v) Kiểm soát các hành động tiếp theo để giảm thiểu tối đa khả năng rủi ro xảy ra; và (vi) Giám sát hành động liên tục.</p>	<p>Bổ sung</p>	<p>Phù hợp với LDN2020, LCK2019, Điều lệ công ty</p>
	<p>Điều 93. Xử lý vi phạm Tất cả các thành viên HĐQT, BKS, Ban TGD, người điều hành và các cán bộ quản lý công ty có trách nhiệm thực hiện các quy định được nêu tại Quy chế này, Điều lệ công ty và các quy định pháp luật có liên quan.</p>	<p>Bổ sung</p>	<p>Phù hợp với LDN2020, LCK2019, Điều lệ công ty</p>

Quy chế nội bộ về QTCT (sửa đổi lần thứ hai, áp dụng từ 28/05/2020)	Nội dung sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về QTCT lần này	Diễn giải	Lý do
<p>Điều 11. Điều khoản thi hành</p> <p>11.1 Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày ký.</p> <p>11.2 Trong quá trình thực hiện Quy chế, nếu có những quy định của Pháp luật có liên quan đến hoạt động của công ty chưa được đề cập trong bản Quy chế này hoặc trong tương hợp có những quy định mới của Pháp luật khác với những điều khoản trong Quy chế này thì những quy định của Pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động quản trị nội bộ của Công ty./.</p>	<p>Trường hợp vi phạm một cách cố chủ ý, gây thiệt hại cho Công ty, người có hành vi vi phạm sẽ chịu trách nhiệm cá nhân và bồi thường mọi thiệt hại xã ra và bị xử lý căn cứ vào quy định tại Quy chế này. Điều lệ công ty, các quy chế CHƯƠNG XV. ĐIỀU KHOẢN CƯỚI CÙNG</p> <p>Điều 94. Điều khoản thi hành</p> <p>1. Quy chế này gồm 15 Chương, 95 Điều, được DHBCB Công ty CP Nước và Môi trường Việt Nam thông qua và có hiệu lực từ ngàytháng..... năm 2021.</p> <p>2. Trong quá trình thực hiện Quy chế, nếu có những quy định của Pháp luật có liên quan đến hoạt động của công ty chưa được đề cập trong bản Quy chế này hoặc trong tương hợp có những quy định mới của Pháp luật khác với những điều khoản trong Quy chế này thì những quy định của Pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động quản trị nội bộ của Công ty.</p>	<p><i>Bổ sung chương</i></p> <p>Sửa đổi, bổ sung</p>	<p>Phù hợp với Quy chế mẫu theo TT116/2020</p>
	<p>Điều 95. Sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về QTCT</p> <p><i>Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này do DHBCB Công ty CP Nước và Môi trường Việt Nam quyết định.</i></p>	<p><i>Bổ sung</i></p>	